

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Nghị định số 09/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2013/NĐ-CP và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1334/QĐ-BTP ngày 25/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp và Quyết định số 3303/QĐ-BTP ngày 19/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Cục trưởng Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng (để phối hợp);
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (để thực hiện);
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (để công khai);
- Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, CĐK&BTNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thanh Tú

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TƯ PHÁP**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 570/QĐ-BTP ngày 06 tháng 02 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đăng ký
biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp trung ương				
I	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay				
1	1.011423	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay	Nghị định số 18/2026/NĐ- CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Cục Hàng không Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng
2	1.011425	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng tàu bay	Nghị định số 18/2026/NĐ- CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Cục Hàng không Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng
3	1.011426	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay	Nghị định số 18/2026/NĐ- CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Cục Hàng không Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng
4	1.011427	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là tàu bay	Nghị định số 18/2026/NĐ- CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Cục Hàng không Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng
II	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển				
1	1.011429	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	Nghị định số 18/2026/NĐ- CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng hoặc Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ Hàng hải theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (sau đây gọi

					là Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam)
2	1.011430	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng
3	1.011431	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng
4	1.011432	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là tàu biển	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng
5	1.011433	Cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng
6	1.011434	Cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng
III	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm				
1	1.011435	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước thuộc Bộ Tư pháp
2	1.011436	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước thuộc Bộ Tư pháp

3	1.011437	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước thuộc Bộ Tư pháp
4	1.011438	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), là cây hằng năm, công trình tạm	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước thuộc Bộ Tư pháp
5	1.011439	Cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước thuộc Bộ Tư pháp
6	1.011440	Cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước thuộc Bộ Tư pháp
B	Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	1.011441	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi nhánh của Văn phòng

					đăng ký đất đai (sau đây gọi là Văn phòng đăng ký đất đai)
2	1.011442	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	1.011443	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường
4	1.011444	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	1.011445	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp trung ương				
I	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay				
1	1.011428	Cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay	Nghị định số 18/2026/NĐ-CP	Đăng ký biện pháp bảo đảm	Cục Hàng không Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng

Chú thích:

Tại cột “Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung”, “Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC” là văn bản sau đây:

- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TƯ PHÁP

A. Thủ tục hành chính cấp trung ương

I. Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay

1. Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay

Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Cục Hàng không Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng.

Hồ sơ đăng ký trực tuyến có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, trường hợp không có căn cứ từ chối thì Cục Hàng không Việt Nam tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, giải quyết hồ sơ và trả kết quả.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc từ chối.

Trường hợp kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử thì kết quả bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả bằng bản giấy.

Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
- Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Qua thư điện tử.

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua hệ thống đăng ký trực tuyến, qua thư điện tử (quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với tàu bay thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng không.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 01b tại Phụ lục (01 bản chính) *(khoản 1 Điều 39 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).*

- Hợp đồng bảo đảm (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) *(khoản 1 Điều 39 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).*

- Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ

trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Người yêu cầu đăng ký chỉ nộp văn bản này một lần cho cơ quan đăng ký, không phải nộp lại văn bản này trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp văn bản này có nội dung giao nhiệm vụ cho chi nhánh theo từng vụ việc.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm số hóa, lưu giữ văn bản này theo quy định của pháp luật để tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

- Trường hợp được miễn nghĩa vụ nộp phí, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) thì người yêu cầu đăng ký có quyền lựa chọn cung cấp một trong giấy tờ, tài liệu sau đây vào trong hồ sơ đăng ký: Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng tín dụng hoặc văn bản khác có thông tin về việc thuộc diện được miễn nghĩa vụ nộp phí đăng ký, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu). Việc nộp giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP chỉ thực hiện một lần trong đăng ký cùng một biện pháp bảo đảm (khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Thời hạn giải quyết:

- *Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể*

hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay.

Phí, lệ phí (nếu có): Phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng tàu bay (xác định theo giá trị khoản giao dịch đảm bảo tính bằng đồng Việt Nam) (*Thông tư số 193/2016/TT-BTC*):

Công việc, dịch vụ thu phí	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
- Giá trị giao dịch dưới 2,1 tỷ đồng	Lần	1.800.000
- Giá trị giao dịch từ 2,1 tỷ đồng đến 70 tỷ đồng	Lần	5.400.000
- Giá trị giao dịch từ trên 70 tỷ đồng đến 280 tỷ đồng	Lần	10.000.000
- Giá trị giao dịch trên 280 tỷ đồng	Lần	18.000.000
- Trường hợp không xác định được cụ thể giá trị giao dịch	Lần	18.000.000

Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, mức thu một số khoản phí, lệ phí được quy định như sau (khoản 1 Điều 1 Thông tư số 64/2025/TT-BTC):

Số TT	Tên phí, lệ phí	Mức thu
3	b) Phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tàu	Bằng 50% mức thu phí quy

bay (trừ nội dung thu tại số thứ tự 4 Mục VIII Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí áp dụng mức thu phí tương ứng quy định tại Mục VIII Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC)	định tại Mục VIII Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC.
---	--

Mức thu phí trong Biểu nêu trên áp dụng cả đối với trường hợp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (điểm c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 64/2025/TT-BTC).

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu các khoản phí, lệ phí quy định tại Biểu nêu trên thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (khoản 2 Điều 1 Thông tư số 64/2025/TT-BTC).

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay (Mẫu số 01b ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- *Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.*

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

* Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

.....,(day) (month) (year)

PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ
BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BAY
APPLICATION FOR AIRCRAFT SECURITY REGISTRATION

Kính gửi/To: Cục Hàng không Việt Nam/Civil Aviation Authority of Vietnam.

1. Thông tin chung/General information

1.1. Loại hình đăng ký/Registration type

☐ Cầm cố/Pledge ☐ Thế chấp/Mortgage ☐ Bảo lưu quyền sở hữu/Retention of Title (ROT)

1.2. Người yêu cầu đăng ký/Applicant

☐ Bên nhận bảo đảm/Secured party ☐ Bên bảo đảm/Securing party
☐ Quản tài viên; Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Asset administrator; Asset Management and Liquidation Enterprise ☐ Người đại diện/Representative²

quản lý, thanh lý tài sản/Asset administrator; Asset Management and Liquidation Enterprise

- Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân, tên đầy đủ đối với tổ chức (*Viết chữ IN HOA*)/Full name (in CAPITAL LETTERS)

.....

- Địa chỉ liên hệ/Address

.....

☐ Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ID card; Chứng minh quân đội/Military ID card

☐ Hộ chiếu/Passport

☐ Thẻ thường trú/Permanent residence card

☐ Mã số thuế/Tax code

Số/No

Cơ quan cấp/issued by cấp/on ngày/day/..... tháng/month năm/year

¹ Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ/Promulgated according to Decree No. 99/2022/NĐ-CP of November 30, 2022 of the Government.

² Trường hợp này, người đại diện đánh dấu lựa chọn đồng thời ô của người được đại diện và ô của người đại diện/In this case, the representative shall check both the box before "Representative" and the appropriate box before the type of the principal.

Số điện thoại/Tel: ; Fax (nếu có)/Fax (if any):

Thư điện tử (nếu có)/Email (if any):

2. Hợp đồng bảo đảm/Aircraft security agreement:

Số/No.....; thời điểm có hiệu lực/Effective date ngày/day
tháng/month năm/year

3. Bên bảo đảm/Securing party³

3.1. Tên đầy đủ (viết chữ IN HOA)/Full name (in CAPITAL LETTERS):

.....

3.2. Địa chỉ/Address:

.....

3.3. Giấy tờ xác định tư cách pháp lý/Identification documents

☐ Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ID card/Chứng minh quân đội/Military ID card

☐ Hộ chiếu/Passport

☐ Thẻ thường trú/Permanent residence card

☐ Mã số thuế/Tax code

Cơ quan cấp/issued by..... cấp/on ngày/day
..... tháng/month năm/year

Số điện thoại (nếu có)/Tel (if any): Fax (nếu có)/Fax (if any):

Thư điện tử (nếu có)/Email (if any):

4. Bên nhận bảo đảm/Secured party⁴

4.1. Tên đầy đủ (viết chữ IN HOA)/Full name (in CAPITAL LETTERS):

.....

4.2. Địa chỉ/Address:

.....

4.3. Giấy tờ xác định tư cách pháp lý/Identification documents

☐ Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ID card/Chứng minh quân đội/Military ID card

☐ Hộ chiếu/Passport

☐ Thẻ thường trú/Permanent residence card

☐ Mã số thuế/Tax code

Cơ quan cấp/issued by..... cấp/on ngày/day
..... tháng/month năm/year

Số điện thoại (nếu có)/Tel (if any): Fax (nếu có)/Fax (if any):

Thư điện tử (nếu có)/Email (if any):

5. Nghĩa vụ được bảo đảm của giao dịch/Secured obligation:

.....

³ Trường hợp bên bảo đảm gồm nhiều người thì thông tin về từng bên bảo đảm kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này/If the securing party consists of multiple individuals or organizations, full information of each individual or organization is required in this Application.

⁴ Trường hợp bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì thông tin về từng bên nhận bảo đảm kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này/If the secured party consists of multiple individuals or organizations, information of each individual or organization is required in this Application.

6. Mô tả tài sản bảo đảm/Description of security asset⁵

- Số hiệu đăng ký/Registration Mark:
- Loại tàu bay/Type of Aircraft:
- Kiểu tàu bay/Designation of Aircraft:
- Nhà sản xuất/Manufacturer:
- Số xuất xưởng tàu bay/Aircraft Serial Number:
- Năm xuất xưởng/Year of Delivery from the Manufacturer:
- Kiểu loại động cơ/ Designation of Engines:
- Thời điểm hình thành/Time of Formation:

7. Giấy tờ kèm theo/Attached documents⁶**8. Cách thức nhận kết quả/Method of receiving result**

- ☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry
- ☐ Qua dịch vụ bưu chính (ghi tên và địa chỉ người nhận)/By post (specify name and address of the receiver):
- ☐ Cách thức điện tử (nếu pháp luật quy định)/Electronic method (if provided by the law):
- ☐ Cách thức khác (nếu được cơ quan đăng ký đồng ý)/Other methods (if agreed by the registrar):

Người yêu cầu đăng ký chịu trách nhiệm trước pháp luật về trung thực trong kê khai và về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này/The applicant undertake full responsibility before the law for being honest in filling and for the accuracy of the declared information in this Application.

**BÊN BẢO ĐẢM/SECURING PARTY
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR
REPRESENTATIVE)**

*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
đóng dấu (nếu có)/Signature, full name,
position (if any) and seal (if any)*

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/SECURED PARTY
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR
REPRESENTATIVE)**

*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng
dấu (nếu có)/Signature, full name, position (if
any) and seal/(if any)*

**QUẢN TÀI VIÊN, DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ, THANH LÝ
TÀI SẢN/ASSET ADMINISTRATOR, ASSET MANAGEMENT
AND LIQUIDATION ENTERPRISE
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR REPRESENTATIVE)**
Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu

⁵ Trường hợp có nhiều tài sản bảo đảm thì thông tin về từng tài sản bảo đảm kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này/If there are multiple security assets, information of each security asset is required in this Form.

⁶ Kê khai đầy đủ giấy tờ phải có trong hồ sơ đăng ký theo quy định của Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Declare documents required in registration record according to the provisions of Decree No. 99/2022/ND-CP.

có)/Signature, full name, position (if any) and seal (if any)

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ FOR REGISTRAR ONLY
Thời điểm tiếp nhận: giờ phút, ngày tháng năm Time of application receipt: hour minute, on (day) (month) (year) Người tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên)/ Receiver (signature and full name)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTION FOR COMPLETION

1. Hướng dẫn chung/General instructions

- Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác/Provided information shall be true, correct, and complete.
- Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/Check (X) in the box before the chosen option if there are multiple options.
- Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang/The application can be displayed on multiple pages. In this case, the pages shall be numbered sequentially and each page shall bear the applicant's signature.

2. Kê khai tại Mục 1/Item 1

- Trường hợp người yêu cầu đăng ký là Quản tài viên thì kê khai thêm chức danh, số Chứng chỉ hành nghề, cơ quan cấp và ngày, tháng, năm cấp Chứng chỉ/If the applicant is an asset administrator, she/he shall declare further her/his title, professional practice certificate number, issuing organ of the certificate and issuing time (day, month, year).
- Trường hợp pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh thì đánh dấu lựa chọn người yêu cầu đăng ký là người đại diện và kê khai thông tin về tên, địa chỉ của chi nhánh/If a branch of a legal entity submits the application on behalf of the legal entity, the applicant shall check the box before "Representative" option and declare information about name and address of the branch.
- Trường hợp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản thuộc doanh nghiệp tư nhân mà người yêu cầu đăng ký là bên bảo đảm thì kê khai theo quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP./If the security assets are properties of a sole proprietorship and the applicant is the securing party, the completion shall be done according to Clause 9 Article 8 and Clause 3 Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

3. Kê khai tại mục 2/Item 2

Mỗi Phiếu yêu cầu chỉ kê khai một hợp đồng và các phụ lục của hợp đồng đó (nếu có)/Each application shall only register one agreement including its annexes (if any).

Trường hợp hợp đồng bảo đảm được công chứng, chứng thực thì kê khai ngày hợp đồng được công chứng, chứng thực; không có công chứng, chứng thực thì kê khai ngày ký kết hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận thời điểm có hiệu lực khác./If the security agreement is notarized or authenticated, the time of notarization or authentication shall be provided; if not, the applicant shall declare the time when the security agreement was signed. The previous sentence shall not be applied if another effective time is agreed.

4. Kê khai tại Mục 3 và Mục 4/Item 3 and Item 4

4.1. Đối với bên nhận bảo đảm/For secured party

- Bên nhận bảo đảm là cá nhân, kê khai đầy đủ/For an individual, declare fully:
- + Trường hợp là công dân Việt Nam: họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số thẻ Căn cước công dân theo đúng nội dung ghi trên Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân. Trường hợp không có Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân thì kê khai số chứng minh được cấp theo Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên

chức quốc phòng (gọi chung là Chứng minh quân đội) trong trường hợp cá nhân này đang công tác trong quân đội/For a Vietnamese citizen, required information includes: full name (as appearing on the ID card), the number of ID card. If these cards are not available, declare full name and number of military ID card issued based on the Law on Officers of the Vietnam People's Army, the Law on Professional Soldiers, National Defense Workers and Officials (collectively referred to as military ID card) if this individual is working for the Army.

+ Trường hợp là người có quốc tịch nước ngoài: họ và tên, số Hộ chiếu theo đúng nội dung ghi trên Hộ chiếu/For a foreigner, required information includes full name (as appearing on the Passport) and Passport number.

+ Trường hợp là người không quốc tịch: họ và tên, số Thẻ thường trú theo đúng nội dung ghi trên Thẻ thường trú/For stateless persons, required information includes full name as appearing on the permanent residence card and number of permanent residence card.

- Bên nhận bảo đảm là tổ chức, kê khai đầy đủ tên, mã số thuế theo đúng nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trường hợp yêu cầu đăng ký thông qua chi nhánh của pháp nhân thì chi nhánh kê khai thông tin của mình theo hướng dẫn kê khai thông tin đối với tổ chức tại điểm này. Trường hợp bên nhận bảo đảm là doanh nghiệp tư nhân thì kê khai thông tin theo quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/For an organization, required information includes full name of the organization and tax code (as appearing on the taxpayer registration certificate). If a branch of a legal entity submits the application on behalf of the legal entity, the branch shall declare its information similar to an organization. If secured party is a sole proprietorship, the completion shall be done according to Clause 9 Article 8 and Clause 3 Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

4.2. Đối với bên bảo đảm/For securing party

Kê khai họ và tên đầy đủ của cá nhân, tên đầy đủ của tổ chức phù hợp với thông tin trên Giấy chứng nhận. Trường hợp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ liên quan đến tài sản thuộc doanh nghiệp tư nhân thì thông tin về bên bảo đảm kê khai theo quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP. Các thông tin khác kê khai theo Mục 4.1 tại hướng dẫn này/Declare full name of the individual or full name of the organization pursuant to relevant certificate. If the security assets are properties of a sole proprietorship, the completion shall be done according to Clause 9 Article 8 and Clause 3 Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP. Other information shall be declared according to the Point 4.1 of this instruction.

5. Mục chữ ký, con dấu/Signature and seal

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Follow provision of Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

2. Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng tàu bay

Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Cục Hàng không Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng.

Hồ sơ đăng ký trực tuyến có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, trường hợp không có căn cứ từ chối thì Cục Hàng không Việt Nam tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, giải quyết hồ sơ và trả kết quả.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc từ chối.

Trường hợp kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử thì kết quả bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả bằng bản giấy.

Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
- Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Qua thư điện tử.

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua hệ thống đăng ký trực tuyến, qua thư điện tử (quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với tàu bay thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng không.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 02b tại Phụ lục (01 bản chính) (*khoản 2 Điều 39 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm hoặc văn bản chuyển giao quyền đòi nợ, chuyển giao nghĩa vụ có bảo đảm bằng tàu bay trong trường hợp thay đổi bên bảo đảm, thay đổi bên nhận bảo đảm hoặc văn bản khác chứng minh có căn cứ thay đổi trong trường hợp không có văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (01 bản chính) (*khoản 2 Điều 39 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Trường hợp đăng ký thay đổi để bổ sung tài sản bảo đảm đã được thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm nhưng nội dung đã đăng ký trước đó không bao gồm tài sản

này thì hồ sơ đăng ký là Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 02b tại Phụ lục (01 bản chính) (01 bản chính) (*khoản 2 Điều 39 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Người yêu cầu đăng ký chỉ nộp văn bản này một lần cho cơ quan đăng ký, không phải nộp lại văn bản này trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp văn bản này có nội dung giao nhiệm vụ cho chi nhánh theo từng vụ việc.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm số hóa, lưu giữ văn bản này theo quy định của pháp luật để tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

- Trường hợp được miễn nghĩa vụ nộp phí, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) thì người yêu cầu đăng ký có quyền lựa chọn cung cấp một trong giấy tờ, tài liệu sau đây vào trong hồ sơ đăng ký: Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng tín dụng hoặc văn bản khác có thông tin về việc thuộc diện được miễn nghĩa vụ nộp phí đăng ký, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu). Việc nộp giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP chỉ thực hiện một lần trong đăng ký cùng một biện pháp bảo đảm (khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể

hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam hoặc chủ thể khác trở thành bên nhận bảo đảm mới mà thuộc diện không phải đăng ký thay đổi bên nhận bảo đảm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP là người yêu cầu đăng ký thì văn bản có căn cứ hoặc có nội dung về xác định bên nhận bảo đảm mới là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 6 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp thay đổi bên nhận bảo đảm quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP liên quan đến nhiều biện pháp bảo đảm đã được đăng ký mà có cùng một bên nhận bảo đảm thì người yêu cầu đăng ký nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký thay đổi và 01 Danh mục văn bản được kê khai theo Mẫu số 01đ hoặc Mẫu số 02đ tại Phụ lục tương ứng với biện pháp bảo đảm được đăng ký thay đổi (khoản 3 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Thời hạn giải quyết:

- *Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký* trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu bay đã đăng ký

Phí, lệ phí (nếu có): 550.000 đồng/1 lần (*Thông tư số 193/2016/TT-BTC*)

Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, mức thu một số khoản phí, lệ phí được quy định như sau (khoản 1 Điều 1 Thông tư số 64/2025/TT-BTC):

Số TT	Tên phí, lệ phí	Mức thu
3	b) Phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tàu bay (trừ nội dung thu tại số thứ tự 4 Mục VIII Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí áp dụng mức thu phí tương ứng quy định tại Mục VIII Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC)	Bằng 50% mức thu phí quy định tại Mục VIII Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC.

Mức thu phí trong Biểu nêu trên áp dụng cả đối với trường hợp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (điểm c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 64/2025/TT-BTC).

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu các khoản phí, lệ phí quy định tại Biểu nêu trên thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (khoản 2 Điều 1 Thông tư số 64/2025/TT-BTC).

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu bay (Mẫu số 02b ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- *Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.*

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

* Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

....., (day) (month) (year)

PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG
BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BAY
APPLICATION FORM FOR CHANGE OF REGISTERED AIRCRAFT SECURITY

Kính gửi/To: Cục Hàng không Việt Nam/Civil Aviation Authority of Vietnam.

1. Thông tin chung/General information

1.1. Loại hình đăng ký/Registration type

☐ Cầm cố/Pledge

☐ Thế chấp/Mortgage

☐ Bảo lưu quyền sở hữu/
Retention of title (ROT)

1.2. Người yêu cầu đăng ký/Applicant⁸

☐ Bên nhận bảo đảm/Secured party

☐ Bên bảo đảm/Securing
party

☐ Quản tài viên/Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Asset administrator; Asset Management and Liquidation Enterprise

☐ Bên kế thừa của bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm/Successor of securing party or secured party

☐ Người đại diện/ Representative⁹

⁷ Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ/Promulgated according to Decree No. 99/2022/ND-CP of November 30, 2022 of the Government.

⁸ Trường hợp có nhiều người yêu cầu đăng ký thì thông tin về từng người yêu cầu đăng ký kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu này/If there are multiple applicants, information of each applicant is required.

⁹ Trường hợp này người đại diện đánh dấu lựa chọn đồng thời ô của người được đại diện và ô của người đại diện/In this case, the representative shall check both the box before “Representative” and the appropriate box before the type of the principal.

- Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân, tên đầy đủ đối với tổ chức (*Viết chữ IN HOA*)/Full name (*in CAPITAL LETTERS*):

- Địa chỉ liên hệ/Address:

- ☐ Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ID card; Chứng minh quân đội/Military ID card
☐ Hộ chiếu/Passport
☐ Thẻ thường trú/Permanent residence card
☐ Mã số thuế/Tax code

Số/No do/issued by cấp/on ngày/day tháng/month năm/year

Số điện thoại/Tel: Fax (*nếu có*)/Fax (*if any*):

Thư điện tử (*nếu có*)/Email (*if any*):

2. Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm đã cấp/Certificate of Aircraft security registration Number:

3. Bên bảo đảm¹⁰/Securing party

3.1. Tên đầy đủ (*viết chữ IN HOA*)/Full name (*in CAPITAL LETTERS*):

3.2. Địa chỉ/Address:

3.3. Giấy tờ xác định tư cách pháp lý/Identification documents

- ☐ Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ID card/Chứng minh quân đội/Military ID card
☐ Hộ chiếu/Passport
☐ Thẻ thường trú/Permanent residence card
☐ Mã số thuế/Tax code

Cơ quan cấp/issued by..... cấp/on ngày/day tháng/month năm/year....

Số điện thoại (*nếu có*)/Tel (*if any*): Fax (*nếu có*)/Fax (*if any*):

Thư điện tử (*nếu có*)/Email (*if any*):

¹⁰ Trường hợp bên bảo đảm gồm nhiều người thì thông tin về từng bên bảo đảm kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này/If the securing party consists of multiple individuals or organizations, full information of each individual or organization is required in this Form.

4. Bên nhận bảo đảm¹¹/Secured party4.1. Tên đầy đủ (*viết chữ IN HOA*)/Full name (*in CAPITAL LETTERS*):

.....

4.2. Địa chỉ/Address:

.....

4.3. Giấy tờ xác định tư cách pháp lý/Identification documents

☐ Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ID card/Chứng minh quân đội/Military ID card☐ Hộ chiếu/Passport☐ Thẻ thường trú/Permanent residence card☐ Mã số thuế/Tax codeCơ quan cấp/issued by..... cấp/on
ngày/day tháng/month năm/yearSố điện thoại (*nếu có*)/Tel (*if any*): Fax (*nếu có*)/Fax (*if any*):Thư điện tử (*nếu có*)/Email (*if any*):**5. Nội dung yêu cầu đăng ký thay đổi/Change of particulars¹²**

.....

.....

.....

6. Giấy tờ kèm theo/Attached documents¹³:

.....

.....

.....

¹¹ Trường hợp bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì thông tin về từng bên nhận bảo đảm kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này/If the secured party consists of multiple individuals or organizations, information of each individual or organization is required in this Form.¹² Trường hợp đăng ký thay đổi để bổ sung nghĩa vụ được bảo đảm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP thì kê khai nội dung yêu cầu đăng ký thay đổi là thay đổi thông tin về hợp đồng bảo đảm hoặc bổ sung thông tin về văn bản có nội dung thỏa thuận về bổ sung nghĩa vụ được bảo đảm/If register for addition of secured obligation pursuant to Point g Clause 1 Article 18 of Decree No. 99/2022/ND-CP, declare changed particular being change information of secured agreement or addition information of documents having contents about addition of secured obligation.¹³ Kê khai đầy đủ giấy tờ phải có trong hồ sơ đăng ký theo quy định của Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/ Declare documents required in registration record according to the provisions of Decree No. 99/2022/ND-CP.

7. Cách thức nhận kết quả/Method of receiving registration result
☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry

☐ Qua dịch vụ bưu chính (ghi tên và địa chỉ người nhận)/By post (specify name and address of receiver):

☐ Cách thức điện tử (nếu pháp luật quy định)/Electronic method (if provided by the law)

☐ Cách thức khác (nếu được cơ quan đăng ký đồng ý)/Other methods (if agreed by the registrar):

Người yêu cầu đăng ký chịu trách nhiệm trước pháp luật về trung thực trong kê khai và về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này/The applicant undertake full responsibility before the law for being honest in filling and for the accuracy of the declared information in this Application.

**BÊN BẢO ĐẢM/SECURING PARTY
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR
REPRESENTATIVE)**

Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu có)/Signature, full name, position (if any and seal (if any)

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/SECURED PARTY
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR
REPRESENTATIVE)**

Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu có)/Signature, full name, position and seal (if any)

**NGƯỜI YÊU CẦU ĐĂNG KÝ
KHÁC/OTHER APPLICANTS¹⁴
(OR REPRESENTATIVE)**

Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu có)/Signature, full name, position (if any) and seal (if any)

¹⁴ Người yêu cầu đăng ký thay đổi theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Applicant as prescribed in Clause 2 or Clause 3 Article 8 Decree No. 99/2022/ND-CP.

**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
FOR REGISTRAR ONLY**

Thời điểm tiếp nhận: giờ phút, ngày
..... tháng năm

Time of application receipt: hour
minute, on (day) (month) year

Người tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên)/

Receiver (signature and full name)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTIONS TO COMPLETION

1. Hướng dẫn chung/General instructions

- Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác/Provided information shall be true, correct, and complete.

- Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/Check (X) in the box before the chosen option if there are multiple options.

- Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang/Application can be displayed on multiple pages. In this case, the pages shall be numbered sequentially and each page shall bear the applicant's signature.

2. Kê khai tại Mục 1/Item 1

- Trường hợp người yêu cầu đăng ký là Quản tài viên thì kê khai thêm chức danh, số Chứng chỉ hành nghề, cơ quan cấp và ngày, tháng, năm cấp Chứng chỉ/If the applicant is an asset administrator, she/he shall declare further her/his title, professional practice certificate number, issuing organ of the certificate and issuing time (day, month, year).

- Trường hợp pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh thì đánh dấu lựa chọn người yêu cầu đăng ký là người đại diện và kê khai thông tin về tên, địa chỉ của chi nhánh/If a branch of a legal entity submits the application on behalf of the legal entity, the applicant shall check the box before "Representative" option and declare information about name and address of the branch.

- Trường hợp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản thuộc doanh nghiệp tư nhân mà người yêu cầu đăng ký là bên bảo đảm thì kê khai theo quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/If the security assets are properties of a sole proprietorship and the applicant is the securing party, the completion shall be done according to Clause 9 Article 8 and Clause 3 Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

3. Kê khai tại Mục 3 và Mục 4/Item 3 and Item 4

3.1. Đối với bên nhận bảo đảm/For secured party

- Bên nhận bảo đảm là cá nhân, kê khai đầy đủ/For individual, declare fully:

+ Trường hợp là công dân Việt Nam: họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số thẻ Căn cước công dân theo đúng nội dung ghi trên Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân. Trường hợp không có Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân thì kê khai số chứng minh được cấp theo Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng (gọi chung là Chứng minh quân đội) trong trường hợp cá nhân này đang công tác trong quân đội/For a Vietnamese citizen, required information includes: full name (as appearing on the ID card), the number of ID card. If these cards are not available, declare full name and number of military ID card issued based on the Law on Officers of the Vietnam People's Army, the Law on Professional Soldiers, National Defense Workers and Officials (collectively referred to as military ID card) if this individual is working for the Army.

+ Trường hợp là người có quốc tịch nước ngoài: họ và tên, số Hộ chiếu theo đúng nội dung ghi trên Hộ chiếu/For a foreigner, required information includes full name (as appearing on the Passport) and Passport number.

+ Trường hợp là người không quốc tịch: họ và tên, số Thẻ thường trú theo đúng nội dung ghi trên Thẻ thường trú/For statelessness, declare fullname and number of permanent residence card on the permanent residence card.

- Bên nhận bảo đảm là tổ chức, kê khai đầy đủ tên, mã số thuế theo đúng nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trường hợp yêu cầu đăng ký thông qua chi nhánh của pháp nhân thì chi nhánh kê khai thông tin của mình theo hướng dẫn kê khai thông tin đối với tổ chức tại điểm này. Trường hợp bên nhận bảo đảm là doanh nghiệp tư nhân thì kê khai thông tin theo quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP./For an organization: required information includes full name of the organization and tax code (as appearing on the taxpayer registration certificate). If a branch of a legal entity submits the application on behalf of the legal entity, the branch shall declare its information similar to an organization. If secured party is a sole proprietorship, the completion shall be done according to Clause 9 Article 8 and Clause 3 Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

3.2. Đối với bên bảo đảm/For securing party

Kê khai họ và tên đầy đủ của cá nhân, tên đầy đủ của tổ chức phù hợp với thông tin trên Giấy chứng nhận. Trường hợp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ liên quan đến tài sản thuộc doanh nghiệp tư nhân thì thông tin về bên bảo đảm kê khai theo quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP. Các thông tin khác kê khai theo Mục 3.1 tại hướng dẫn này/Declare full name of the individual or full name of the organization pursuant to relevant Certificate. If the security assets are properties of a sole proprietorship, the completion shall be done according to Clause 9 Article 8 and Clause 3 Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP. Other information shall be declared according to the Point 3.1 of this instruction.

4. Kê khai tại Mục 5

Nội dung kê khai thể hiện rõ căn cứ đăng ký thay đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP và nội dung yêu cầu thay đổi; trường hợp có nhiều căn cứ đăng ký thay đổi thì kê khai đầy đủ các căn cứ này và các nội dung yêu cầu đăng ký thay đổi tương ứng/Information shall clearly show basis for registration of change as prescribed in Clause 1 Article 18 Decree No. 99/2022/ND-CP and particulars to be changed; if there are multiple bases for change, all bases and relevant particulars are required.

5. Mục chữ ký, con dấu/Signature and seal

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Follow provision of Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

6. Chứng nhận của cơ quan đăng ký/Certification of the registrar

Trường hợp yêu cầu đăng ký thay đổi do rút bớt tài sản bảo đảm, cơ quan đăng ký chứng nhận việc xóa đăng ký đối với tài sản bảo đảm được rút bớt/If registration of change is requested due to withdrawal of security assets, the registrar shall certify the deletion of registration of the withdrawn security asset.

3. Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay

Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Cục Hàng không Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng.

Hồ sơ đăng ký trực tuyến có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, trường hợp không có căn cứ từ chối thì Cục Hàng không Việt Nam tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, giải quyết hồ sơ và trả kết quả.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc từ chối.

Trường hợp kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử thì kết quả bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả bằng bản giấy.

Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
- Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Qua thư điện tử.

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua hệ thống đăng ký trực tuyến, qua thư điện tử (quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với tàu bay thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng không.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 03b tại Phụ lục (01 bản chính) (khoản 3 Điều 39 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Văn bản có nội dung thể hiện việc bên nhận bảo đảm đồng ý xóa đăng ký hoặc xác nhận về việc hợp đồng bảo đảm đã chấm dứt, đã được thanh lý hoặc xác nhận về việc giải chấp trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là bên bảo đảm và trên Phiếu yêu cầu không có chữ ký, con dấu (nếu có) của bên nhận bảo đảm (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (điểm a khoản 3 Điều 39 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá đã có hiệu lực pháp luật hoặc Văn bản xác nhận kết quả thi hành án trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên hoặc người mua tài sản bảo đảm trong xử lý tài sản

theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (điểm b khoản 3 Điều 39 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Hợp đồng hoặc văn bản khác không thuộc điểm b khoản 3 Điều 39 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP đã có hiệu lực pháp luật chứng minh việc chuyển giao hợp pháp tài sản bảo đảm trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là người nhận chuyển giao hợp pháp tài sản bảo đảm (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (điểm c khoản 3 Điều 39 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Giấy chứng nhận xóa quốc tịch tàu bay trong trường hợp quy định tại điểm h khoản 1 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (điểm d khoản 3 Điều 39 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc giải thể pháp nhân trong trường hợp quy định tại điểm l khoản 1 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (điểm đ khoản 3 Điều 39 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Người yêu cầu đăng ký chỉ nộp văn bản này một lần cho cơ quan đăng ký, không phải nộp lại văn bản này trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp văn bản này có nội dung giao nhiệm vụ cho chi nhánh theo từng vụ việc.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm số hóa, lưu giữ văn bản này theo quy định của pháp luật để tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu đăng ký,

hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

- Trường hợp được miễn nghĩa vụ nộp phí, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) thì người yêu cầu đăng ký có quyền lựa chọn cung cấp một trong giấy tờ, tài liệu sau đây vào trong hồ sơ đăng ký: Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng tín dụng hoặc văn bản khác có thông tin về việc thuộc diện được miễn nghĩa vụ nộp phí đăng ký, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu). Việc nộp giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP chỉ thực hiện một lần trong đăng ký cùng một biện pháp bảo đảm (khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp xóa đăng ký quy định tại điểm m khoản 1 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP theo yêu cầu của người yêu cầu xóa đăng ký thì bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án là tài liệu phải có trong Hồ sơ đăng ký (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (khoản 2 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp xóa đăng ký liên quan đến nhiều biện pháp bảo đảm đã được đăng ký mà có cùng một bên nhận bảo đảm thì người yêu cầu đăng ký nộp 01 bộ hồ sơ xóa đăng ký kèm theo 01 Danh mục văn bản được kê khai theo Mẫu số 01đ hoặc Mẫu số 02đ tại Phụ lục tương ứng với biện pháp bảo đảm được xóa đăng ký (khoản 5 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Thời hạn giải quyết:

- *Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).*

- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác

theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay

Phí, lệ phí (nếu có): Không

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay (Mẫu số 03b ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- *Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.*

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

* Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., (day) (month) (year)

PHIẾU YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BAY
APPLICATION FORM FOR DEREGISTRATION OF AIRCRAFT SECURITY

Kính gửi/To: Cục Hàng không Việt Nam/Civil Aviation Authority of Vietnam.

1. Thông tin chung/General information

*Người yêu cầu đăng ký*¹⁶/Applicant

- ☐ Bên nhận bảo đảm/Secured party
☐ Bên bảo đảm/Securing party
☐ Người nhận chuyển giao tài sản bảo đảm/Transferee of security assets
☐ Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Asset manager; Enterprises in charge of assets management and liquidation
☐ Cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên/Civil judgment enforcement agency, Enforcer
☐ Cơ quan khác có thẩm quyền, người khác có thẩm quyền/Other competent authorities
☐ Người đại diện¹⁷/Representative

- Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân, tên đầy đủ đối với tổ chức (*Viết chữ IN HOA*)/Full name (in CAPITAL LETTERS):

- Địa chỉ liên hệ/Address:

- ☐ Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ID card; Chứng minh quân đội/Military ID card
☐ Hộ chiếu/Passport
☐ Thẻ thường trú/Permanent residence card
☐ Mã số thuế/Tax code

Số/No do/issued by cấp/on ngày/(day) tháng/(month) năm/(year)

- Số điện thoại/Tel Fax (*nếu có*): Fax (*if any*)

Thư điện tử (*nếu có*)/Email (*if any*)

2. Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm đã cấp/Certificate of Aircraft security registration Number:

¹⁵ Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ/Promulgated according to Decree No. 99/2022/ND-CP of November 30, 2022 of the Government.

¹⁶ Trường hợp có nhiều người yêu cầu đăng ký thì thông tin về từng người yêu cầu đăng ký kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu này/If there are multiple applicants, information of each applicant is required.

¹⁷ Trường hợp này người đại diện đánh dấu lựa chọn đồng thời ô của người được đại diện và ô của người đại diện/In this case, the representative shall check both the box before "Representative" and the appropriate box before the type of the principal.

3. Mô tả tài sản bảo đảm¹⁸/Description of security asset - Số hiệu đăng ký/Registration Mark: - Loại tàu bay/Type of Aircraft: - Kiểu tàu bay/Designation of Aircraft: - Nhà sản xuất/Manufacturer: - Số xuất xưởng tàu bay/Aircraft Serial Number: - Năm xuất xưởng/Year of Delivery from the Manufacturer: - Kiểu loại động cơ/Designation of Engines: - Thời điểm hình thành/Time of Formation:.....	
4. Căn cứ xóa đăng ký/Bases of deregistration:	
5. Giấy tờ kèm theo/Attached documents¹⁹:	
6. Cách thức nhận kết quả/Method of receiving registration result	☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry ☐ Qua dịch vụ bưu chính (ghi tên và địa chỉ người nhận)/By post (specify name and address of receiver): ☐ Cách thức điện tử (trong trường hợp pháp luật có quy định)/Electronic method (if provided by the law): ☐ Cách thức khác (nếu được cơ quan đăng ký đồng ý)/Other methods (if agreed by the registrar):
Người yêu cầu đăng ký cam kết trung thực trong kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này/The applicant pledges to be honest and undertake full responsibility before the law for the accuracy of the declared information in this Application.	

**BÊN BẢO ĐẢM/SECURING PARTY
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR
REPRESENTATIVE)**

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu có)/Signature, full name, position (if any) and seal (if any)

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/SECURED PARTY
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR
REPRESENTATIVE)**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Signature, full name, position (if any) and seal (if any)

**NGƯỜI YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ KHÁC/OTHER APPLICANT²⁰/
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR REPRESENTATIVE)**

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu có)/Signature, full name, position (if any) and seal (if any)

¹⁸ Trường hợp có nhiều tài sản bảo đảm thì thông tin về từng tài sản bảo đảm kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này/If there are multiple security assets, information of each security asset is required.

¹⁹ Kê khai đầy đủ giấy tờ phải có trong hồ sơ đăng ký theo quy định của Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Declare documents required in registration record according to the provisions of Decree No. 99/2022/ND-CP.

²⁰ Người yêu cầu xóa đăng ký theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Applicant as described in Clause 3 Article 8 Decree No. 99/2022/ND-CP.

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ FOR REGISTRAR ONLY
--

Thời điểm tiếp nhận: giờ phút, ngày tháng năm
--

Time of application receipt: hour minute, on (day) (month)..... year

Người tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên)/

Receiver (signature and full name):

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTIONS FOR COMPLETION

1. Hướng dẫn chung/General instructions

- Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác/Provided information shall be true, correct, and complete.

- Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/Check (X) in the box before the chosen option if there are multiple options.

- Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang/The application can be displayed on multiple pages. In this case, the pages shall be numbered sequentially and each page shall bear the applicant's signature.

2. Kê khai tại Mục 1/Item 1

- Đối với cá nhân/For individuals:

+ Đối với cá nhân là công dân Việt Nam thì kê khai đầy đủ họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số thẻ Căn cước công dân theo đúng nội dung ghi trên Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân. Trường hợp không có Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân thì kê khai đầy đủ họ và tên, số chứng minh được cấp theo Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng (gọi chung là Chứng minh quân đội) theo đúng nội dung ghi trên Chứng minh quân đội trong trường hợp cá nhân này đang công tác trong quân đội/For a Vietnamese citizen, required information includes: full name (as appearing on the ID card), the number of ID card. If these cards are not available, declare full name and number of military ID card issued based on the Law on Officers of the Vietnam People's Army, the Law on Professional Soldiers, National Defense Workers and Officials (collectively referred to as military ID card) if this individual is working for the Army.

+ Đối với cá nhân là người nước ngoài thì kê khai đầy đủ họ và tên, số Hộ chiếu theo đúng nội dung ghi trên Hộ chiếu/For a foreigner, required information includes full name (as appearing on the Passport) and Passport number.

+ Đối với cá nhân là người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam thì kê khai đầy đủ họ và tên, số Thẻ thường trú theo đúng nội dung ghi trên Thẻ thường trú/For a stateless person resides in Viet Nam, required information includes full name (as appearing on the permanent residence card) and number of permanent residence card.

+ Trường hợp người yêu cầu đăng ký là Quản tài viên thì kê khai thêm chức danh, số Chứng chỉ hành nghề, cơ quan cấp và ngày, tháng, năm cấp Chứng chỉ/If the applicant is an asset administrator, s/he shall declare further her/his title, professional practice certificate number, issuing organ of the certificate and issuing time (day, month, year).

+ Trường hợp người yêu cầu đăng ký là chấp hành viên, người khác có thẩm quyền thì kê khai thêm chức danh, đơn vị công tác/If the applicant is an enforcer or other competent authority, she/he shall declare further her/his title and working agency.

- Đối với tổ chức: Kê khai tên đầy đủ của tổ chức, mã số thuế theo đúng nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế/For an organization: required information includes full name of the organization and tax code (as appearing on the taxpayer registration certificate).

+ Trường hợp pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh thì đánh dấu lựa chọn người yêu cầu đăng ký là người đại diện và kê khai thông tin về tên, địa chỉ của chi nhánh/If a branch of a legal entity submits the application on behalf of the legal entity, the applicant shall check the box before “Representative” option and declare information about name and address of the branch.

+ Trường hợp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản thuộc doanh nghiệp tư nhân mà người yêu cầu đăng ký là bên bảo đảm thì kê khai theo quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP./If the security assets are properties of a sole proprietorship and the applicant is the securing party, the completion shall be done according to Clause 9 Article 8 and Clause 3 Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

3. Kê khai tại mục 2/Item 2

Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm do cơ quan đăng ký cấp/Number of the certificate of aircraft security registration issued by the registrar.

4. Mục chữ ký, con dấu/Signature and seal

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Follow provision of Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

4. Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là tàu bay

Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Cục Hàng không Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng.

Hồ sơ đăng ký trực tuyến có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, trường hợp không có căn cứ từ chối thì Cục Hàng không Việt Nam tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, giải quyết hồ sơ và trả kết quả.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc từ chối.

Trường hợp kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử thì kết quả bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả bằng bản giấy.

Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
- Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Qua thư điện tử.

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua hệ thống đăng ký trực tuyến, qua thư điện tử (quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với tàu bay thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng không.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 04b tại Phụ lục (01 bản chính) (khoản 4 Điều 39 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm là tàu bay (01 bản chính) (khoản 4 Điều 39 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm thì hồ sơ đăng ký là Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 04b tại Phụ lục (01 bản chính) (khoản 4 Điều 39 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ

trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Người yêu cầu đăng ký chỉ nộp văn bản này một lần cho cơ quan đăng ký, không phải nộp lại văn bản này trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp văn bản này có nội dung giao nhiệm vụ cho chi nhánh theo từng vụ việc.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm số hóa, lưu giữ văn bản này theo quy định của pháp luật để tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

- Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Thời hạn giải quyết:

- *Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).*

- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng

ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là tàu bay

Phí, lệ phí (nếu có): Đăng ký văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm bằng tàu bay: 1.800.000 đồng/1 lần (*Thông tư số 193/2016/TT-BTC*)

Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, mức thu một số khoản phí, lệ phí được quy định như sau (khoản 1 Điều 1 Thông tư số 64/2025/TT-BTC):

Số TT	Tên phí, lệ phí	Mức thu
3	b) Phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tàu bay (trừ nội dung thu tại số thứ tự 4 Mục VIII Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí áp dụng mức thu phí tương ứng quy định tại Mục VIII Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC)	Bằng 50% mức thu phí quy định tại Mục VIII Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC.

Mức thu phí trong Biểu nêu trên áp dụng cả đối với trường hợp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (điểm c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 64/2025/TT-BTC).

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu các khoản phí, lệ phí quy định tại Biểu nêu trên thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (khoản 2 Điều 1 Thông tư số 64/2025/TT-BTC).

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu đăng ký, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là tàu bay (Mẫu số 04b ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- *Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.*

- Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.

- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

* Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., day month year

PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI, XÓA ĐĂNG KÝ THÔNG BÁO
XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM LÀ TÀU BAY
APPLICATION FORM FOR REGISTRATION, CHANGE, OR DEREGISTRATION
OF NOTICE OF DISPOSAL OF SECURED AIRCRAFT

Kính gửi/To: Cục Hàng không Việt Nam/Civil Aviation Authority of Vietnam.

1. Thông tin chung/General information

1.1. Loại hình đăng ký/Registration type

- ☐ Cầm cố/Pledge ☐ Thế chấp/Mortgage ☐ Bảo lưu quyền sở hữu/Retention of title (RO)

1.2. Người yêu cầu đăng ký/Applicant

- ☐ Bên nhận bảo đảm/Secured party²² ☐ Người đại diện/Representative²³

- Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân, tên đầy đủ đối với tổ chức: (Viết chữ IN HOA)/Full name (in CAPITAL LETTERS)

- Địa chỉ/Address:

☐ Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ID card; Chứng minh quân đội/Military ID card

☐ Hộ chiếu/Passport

☐ Thẻ thường trú/Permanent Residence Card

☐ Mã số thuế /Tax code

Số/No do/issued by cấp/on ngày/(day)

²¹ Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ/Promulgated according to Decree No. 99/2022/ND-CP of November 30, 2022 of the Government.

²² Trường hợp bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì thông tin về từng bên nhận bảo đảm kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này/If the secured party consists of multiple individuals or organizations, full information of each individual or organization is required in this Form.

²³ Trường hợp này người đại diện đánh dấu lựa chọn đồng thời ô của người được đại diện và ô của người đại diện/In this case, the representative shall check both the box before "Representative" and the appropriate box before the type of the principal.

tháng/(month) năm/(year)

2. Hợp đồng bảo đảm/Aircraft security agreement:

Số/No.....; thời điểm có hiệu lực/Effective date ngày/day

tháng/month năm/year

3. Bên bảo đảm²⁴/Securing party

- Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân, tên đầy đủ đối với tổ chức (*Viết chữ IN HOA*)/Full name (*in CAPITAL LETTERS*)

- Địa chỉ/Address:

☐ Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ID card; Chứng minh quân đội/Military ID card

☐ Hộ chiếu/Passport

☐ Thẻ thường trú/Permanent residence card

☐ Mã số thuế/Tax code

Số/No do/issued by cấp/on ngày/(day)

tháng/(month) năm/year

4. Bên nhận bảo đảm/Secured party²⁵

4.1. Tên đầy đủ (*viết chữ IN HOA*)/Full name (*written in CAPITAL LETTERS*):

4.2. Địa chỉ/Address:

4.3. Giấy tờ xác định tư cách pháp lý/Identification documents

☐ Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ID card/Chứng minh quân đội/Military ID card

☐ Hộ chiếu/Passport

☐ Thẻ thường trú/Permanent residence card

☐ Mã số thuế/Tax code

Cơ quan cấp/issued by..... cấp/on

ngày/day tháng/month năm/year

Số điện thoại (*nếu có*)/Tel (*if any*): Fax (*nếu có*)/Fax (*if any*):

Thư điện tử (*nếu có*)/Email (*if any*):

5. Tài sản bảo đảm xử lý/Security assets to be disposed²⁶

5.1. Mô tả tàu bay bị xử lý/Description of disposed aircraft security

- Tàu bay/Aircraft:

- Số hiệu đăng ký/Registration Mark:

²⁴ Trường hợp bên bảo đảm gồm nhiều người thì thông tin về từng bên bảo đảm kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này/If the securing party consists of multiple individuals or organizations, full information of each individual or organization is required in this Form.

²⁵ Trường hợp bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì thông tin về từng bên nhận bảo đảm kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này/If the secured party consists of multiple individuals or organizations, information of each individual or organization is required in this Application.

²⁶ Trường hợp có nhiều tài sản bảo đảm bị xử lý thì thông tin về từng tài sản bảo đảm kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này/If there are multiple security assets to be disposed, information of each security asset is required.

- Loại tàu bay/Type of Aircraft: - Kiểu tàu bay/Designation of Aircraft: - Nhà sản xuất/Manufacturer: - Số xuất xưởng tàu bay/Aircraft Serial Number: - Năm xuất xưởng/Year of Delivery from the Manufacturer: - Kiểu loại động cơ/Designation of Engines: - Thời điểm hình thành/Time of Formation:	
5.2. Lý do xử lý/Reason for the disposal:	
5.3. Thời gian xử lý/Time of disposal:	
5.4. Địa điểm xử lý/Location of disposal:	
6. Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm đã cấp (nếu có)/Issued Registration Certificate Number (if any):	
7. Đăng ký thay đổi thông báo xử lý tài sản bảo đảm đã đăng ký/Registration of changes of Notice of disposal ☐ <i>Nội dung thay đổi/Change of particulars</i>	
8. Xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm đã đăng ký/Deregistration of notice of disposal of collateral ☐ .	
9. Giấy tờ kèm theo/Attached documents ²⁷ :	
10. Cách thức nhận kết quả/Method or receiving registration result	☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry ☐ Qua dịch vụ bưu chính (ghi tên và địa chỉ người nhận)/By post (specify name and address of receiver) ☐ Cách thức điện tử (nếu pháp luật quy định)/Electronic method (if provided by the law): ☐ Cách thức khác (nếu được cơ quan đăng ký đồng ý)/Other methods (if agreed by the registrar):

²⁷ Kê khai đầy đủ giấy tờ phải có trong hồ sơ đăng ký theo quy định của Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Declare documents required in registration record according to the provisions of Decree No. 99/2022/ND-CP.

Người yêu cầu đăng ký chịu trách nhiệm trước pháp luật về trung thực trong kê khai và về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này/*The applicant undertake full responsibility before the law for being honest in filling and for the accuracy of the declared information in this Application.*

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/SECURED PARTY
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR REPRESENTATIVE)**

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu có)/Signature, full name, position (if any) and seal (if any)

**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
FOR REGISTRAR ONLY**

Thời điểm tiếp nhận: giờ phút, ngày
..... tháng năm

Time of application receipt: hour
minute, on (day)..... (month)..... year

Người tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên)/
Receiver (signature and full name)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTIONS FOR COMPLETION

1. Hướng dẫn chung/General instructions

- Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác/Provided information shall be true, correct, and complete.

- Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/Check (X) in the box before the chosen option if there are multiple options.

- Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang/The application can be displayed on multiple pages. In this case, the pages shall be numbered sequentially and each page shall bear the applicant's signature.

2. Kê khai tại Mục 1/Item 1

Trường hợp pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh thì đánh dấu lựa chọn người yêu cầu đăng ký là người đại diện và kê khai thông tin về tên, địa chỉ của chi nhánh/If a branch of a legal entity submits the application on behalf of the legal entity, the applicant shall check the box before "Representative" option and declare information about name and address of the branch.

3. Kê khai tại Mục 2/Item 2

Mỗi Phiếu yêu cầu chỉ kê khai một hợp đồng và các phụ lục của hợp đồng đó (nếu có)/Each application shall only register one agreement including its annexes (if any).

Trường hợp hợp đồng bảo đảm được công chứng, chứng thực thì kê khai ngày hợp đồng được công chứng, chứng thực; không có công chứng, chứng thực thì kê khai ngày ký kết hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận thời điểm có hiệu lực khác/If the security agreement is notarized or authenticated, the time of notarization or authentication shall be provided; if not, the applicant shall declare the time when the security agreement was signed. The previous sentence shall not be applied if another effective time is agreed.

4. Kê khai tại Mục 3 và Mục 4/Item 3 and Item 4

41. Đối với bên nhận bảo đảm/For secured party

- Bên nhận bảo đảm là cá nhân, kê khai đầy đủ/For individual, declare fully:

+ Trường hợp là công dân Việt Nam: họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số thẻ Căn cước công dân theo đúng nội dung ghi trên Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân. Trường hợp không có Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân thì kê khai số chứng minh được cấp theo Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng (gọi chung là Chứng minh quân đội) trong trường hợp cá nhân này đang công tác trong quân đội/For a Vietnamese citizen, required information includes: full name (as appearing on the ID card), the number of ID card. If these cards are not available, declare full name and number of military ID card issued based on the Law on Officers of the Vietnam People's Army, the Law on

Professional Soldiers, National Defense Workers and Officials (collectively referred to as military ID card) if this individual is working for the Army.

+ Trường hợp là người có quốc tịch nước ngoài: họ và tên, số Hộ chiếu theo đúng nội dung ghi trên Hộ chiếu/For a foreigner, required information includes full name (as appearing on the Passport) and Passport number.

+ Trường hợp là người không quốc tịch: họ và tên, số Thẻ thường trú theo đúng nội dung ghi trên Thẻ thường trú/For a stateless person, required information includes full name (as appearing on the permanent residence card) and number of permanent residence card.

- Bên nhận bảo đảm là tổ chức, kê khai đầy đủ tên, mã số thuế theo đúng nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trường hợp yêu cầu đăng ký thông qua chi nhánh của pháp nhân thì chi nhánh kê khai thông tin của mình theo hướng dẫn kê khai thông tin đối với tổ chức tại điểm này. Trường hợp bên nhận bảo đảm là doanh nghiệp tư nhân thì kê khai thông tin theo quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/For an organization: required information includes full name of the organization and tax code (as appearing on the taxpayer registration certificate). If a branch of a legal entity submits the application on behalf of the legal entity, the branch shall declare its information similar to an organization. If secured party is a sole proprietorship, the completion shall be done according to Clause 9 Article 8 and Clause 3 Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

4.2. Đối với bên bảo đảm/For security party

Kê khai họ và tên đầy đủ của cá nhân, tên đầy đủ của tổ chức phù hợp với thông tin trên Giấy chứng nhận. Trường hợp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ liên quan đến tài sản thuộc doanh nghiệp tư nhân thì thông tin về bên bảo đảm kê khai theo quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP. Các thông tin khác kê khai theo Mục 4.1 tại hướng dẫn này/Declare full name of the individual or full name of the organization pursuant to relevant certificate. If the security assets are properties of a sole proprietorship, the completion shall be done according to Clause 9 Article 8 and Clause 3 Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP. Other information shall be declared according to the Point 4.1 of this instruction.

5. Mục chữ ký, con dấu/Signature and seal

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Follow provision of Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

II. Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển

1. Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển

Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng hoặc Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ Hàng hải theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (sau đây gọi là Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam).

Hồ sơ đăng ký trực tuyến có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, trường hợp không có căn cứ từ chối thì Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, giải quyết hồ sơ và trả kết quả.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc từ chối.

Trường hợp kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử thì kết quả bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả bằng bản giấy.

Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
- Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Qua thư điện tử.

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua hệ thống đăng ký trực tuyến, qua thư điện tử (quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với tàu biển thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng hải.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 01c tại Phụ lục (01 bản chính) (*khoản 1 Điều 42 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Hợp đồng bảo đảm (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*khoản 1 Điều 42 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ

trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Người yêu cầu đăng ký chỉ nộp văn bản này một lần cho cơ quan đăng ký, không phải nộp lại văn bản này trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp văn bản này có nội dung giao nhiệm vụ cho chi nhánh theo từng vụ việc.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm số hóa, lưu giữ văn bản này theo quy định của pháp luật để tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

- Trường hợp được miễn nghĩa vụ nộp phí, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) thì người yêu cầu đăng ký có quyền lựa chọn cung cấp một trong giấy tờ, tài liệu sau đây vào trong hồ sơ đăng ký: Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng tín dụng hoặc văn bản khác có thông tin về việc thuộc diện được miễn nghĩa vụ nộp phí đăng ký, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu). Việc nộp giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP chỉ thực hiện một lần trong đăng ký cùng một biện pháp bảo đảm (khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Thời hạn giải quyết:

- *Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể*

hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển

Phí, lệ phí (nếu có): 80.000 đồng/hồ sơ (*Thông tư số 61/2023/TT-BTC*)

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển (Mẫu số 01c ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- *Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.*

- Thông tư số 61/2023/TT-BTC ngày 28/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

* Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., day month year

PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN
APPLICATION FORM FOR REGISTRATION OF SEAGOING SHIP SECURITY

Kính gửi²⁹/To: (Tên cơ quan đăng ký/Name of registry)

1. Thông tin chung/General information	
1.1. Loại hình đăng ký/Registration type ☐ Thẻ chấp/Mortgage ☐ Bảo lưu quyền sở hữu/Retention of title (ROT) 1.2. Người yêu cầu đăng ký/Applicant ☐ Bên nhận bảo đảm/Secured party ☐ Bên bảo đảm/Securing party ☐ Quản tài viên; doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Asset administrator, Asset administration or liquidation enterprise ☐ Người đại diện/Representative³⁰ - Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân, tên đầy đủ đối với tổ chức (<i>Viết chữ IN HOA</i>)/Full name (<i>written in CAPITAL LETTERS</i>) - Địa chỉ liên hệ/ Address ☐ Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ID card; Chứng minh quân đội/Military ID card ☐ Hộ chiếu/Passport ☐ Thẻ thường trú/Permanent residence card ☐ Mã số thuế/Tax code Số/No do/issued by cấp ngày/on day tháng/month năm/year..... - Số điện thoại/Tel Fax (nếu có)/Fax (<i>if any</i>) Thư điện tử (<i>nếu có</i>)/Email (<i>if any</i>)	
2. Hợp đồng bảo đảm/Security agreement: - Số/ No.; thời điểm có hiệu lực/enter into force: ngày/day tháng/month năm/year - Số tiền được bảo đảm/Secured loan - Lãi suất/interest rates	

²⁸ Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ/Promulgated according to Decree No. 99/2022/ND-CP of November 30, 2022 of the Government.

²⁹ Ghi tên cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm có thẩm quyền. Một Phiếu yêu cầu đăng ký chỉ gửi đến một cơ quan đăng ký/Write name of authority registry. Each Application form shall be sent to one registry.

³⁰ Trường hợp này, người đại diện đánh dấu lựa chọn đồng thời ô của người được đại diện và ô của người đại diện/In this case, the representative shall check both the box before "Representative" and the appropriate box before the type of the principal.

- Thời hạn trả nợ/duel date
3. Bên bảo đảm/Securing party³¹ 3.1. Tên đầy đủ (viết chữ IN HOA)/Full name (written in CAPITAL LETTERS):
3.2. Địa chỉ/Address:
3.3. Giấy tờ xác định tư cách pháp lý/Identification documents ☐ Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ID card/Chứng minh quân đội/Military ID card ☐ Hộ chiếu/Passport ☐ Thẻ thường trú/Permanent residence card ☐ Mã số thuế/Tax code Cơ quan cấp/issued by cấp ngày/on day tháng/month năm/year Số điện thoại (nếu có)/Tel (if any) Fax (nếu có)/Fax (if any): Thư điện tử (nếu có)/Email (if any):
4. Bên nhận bảo đảm³²/Secured party 4.1. Tên đầy đủ (viết chữ IN HOA)/Full name (written in CAPITAL LETTERS):
4.2. Địa chỉ/Address:
4.3. Giấy tờ xác định tư cách pháp lý/Identification documents ☐ Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ID card/Chứng minh quân đội/Military ID card ☐ Hộ chiếu/Passport ☐ Thẻ thường trú/Permanent residence card ☐ Mã số thuế/Tax code de Cơ quan cấp /issued by..... cấp ngày/on day tháng/month năm/year Số điện thoại (nếu có)/Tel (if any): Fax (nếu có)/Fax (if any): Thư điện tử (nếu có)/Email (if any):
5. Mô tả tài sản bảo đảm/Description of security assets³³ Tên tàu/Ship Name:, Quốc tịch/Nationality: Hộ hiệu/Call sign: Số IMO/IMO number: Loại tàu/Type of ship: Chủ tàu/Owner: Năm đóng/Year of build: Nơi đóng/Built in: Mớn nước/Draught:.. Dung tích thực dụng/Net tonnage: Chiều dài lớn nhất/Length over all: Chiều rộng/Breadth: Trọng tải toàn phần/Dead weight capacity:

³¹ Trường hợp bên bảo đảm gồm nhiều người thì thông tin về từng bên bảo đảm kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này/In case the securing party consist of multiple individuals or organizations, information of each individual or organization is required in this Application.

³² Trường hợp bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì thông tin về từng bên nhận bảo đảm kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này/If the Secured party consist of multiple individuals or organizations, information of each individual or each organization is required in this Application.

³³ Trường hợp có nhiều tài sản bảo đảm thì thông tin về từng tài sản bảo đảm kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này/In case there are multiple security assets, information of each security asset is required in this Application.

Tổng dung tích/Gross tonnage: Nơi đăng ký/Place of register: Tổ chức đăng kiểm/Register Agency: Tổng công suất máy chính/M.E.power: Số đăng ký/Registration No.: Ngày đăng ký/Registration date:	
7. Giấy tờ kèm theo/Attached documents³⁴:	
8. Cách thức nhận kết quả/Method for receiving result	☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry ☐ Qua dịch vụ bưu chính (ghi tên và địa chỉ người nhận)/ By post (specify name and address of receiver): ☐ Cách thức điện tử (nếu pháp luật quy định)/Electronic method (if provided by the law): ☐ Cách thức khác (nếu cơ quan đăng ký đồng ý)/Other methods (if agreed by the registrar):
Người yêu cầu đăng ký chịu trách nhiệm trước pháp luật về trung thực trong kê khai và về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này/The applicant undertake full responsibility before the law for being honest in filling and for the accuracy of the declared information in this Application.	

**BÊN BẢO ĐẢM/SECURING PARTY
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR
REPRESENTATIVE)**

*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
đóng dấu (nếu có)/Signature, full name,
position (if any) and seal (if any)*

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/SECURED PARTY
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR
REPRESENTATIVE)**

*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
đóng dấu (nếu có)/Signature, full name,
position (if any) and seal (if any)*

**QUẢN TÀI VIÊN, DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ,
THANH LÝ TÀI SẢN/ASSET ADMINISTRATOR,
ASSET ADMINISTRATION
OR LIQUIDATION ENTERPRISE
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR REPRESENTATIVE)**
*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu
có)/Signature, full name, position (if any) and seal (if any)*

³⁴ Kê khai đầy đủ giấy tờ phải có trong hồ sơ đăng ký theo quy định của Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Declare documents required in registration record according to the provisions of Decree No. 99/2022/ND-CP.

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ FOR REGISTRY ONLY

Thời điểm tiếp nhận: giờ phút, ngày tháng năm
--

Time of application receiving: hour minute, on day month year
--

Người tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên)/ Receiver (signature and full name)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTION TO COMPLETION

1. Hướng dẫn chung/General instructions

- Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác/Provided information shall be true, correct, and complete.

- Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/Check (X) in the box before the chosen option if there are multiple options.

- Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này, các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang/The application can be displayed on multiple pages. In this case, the pages shall be numbered sequentially and each page shall bear the applicant's signature.

2. Kê khai tại Mục 1/Item 1

- Trường hợp người yêu cầu đăng ký là Quản tài viên thì kê khai thêm chức danh, số Chứng chỉ hành nghề, cơ quan cấp và ngày, tháng, năm cấp Chứng chỉ/If the applicant is an asset administrator, she/he shall declare further her/his title, professional practice certificate number, issuing organ of the certificate and issuing time (day, month, year).

- Trường hợp pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh thì đánh dấu lựa chọn người yêu cầu đăng ký là người đại diện và kê khai thông tin về tên, địa chỉ của chi nhánh/If a branch of a legal entity submits the application on behalf of the legal entity, the applicant shall check the box before "Representative" option and declare information about name and address of the branch.

- Trường hợp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản thuộc doanh nghiệp tư nhân mà người yêu cầu đăng ký là bên bảo đảm thì kê khai theo quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP./If the security assets are properties of a sole proprietorship and the applicant is the securing party, the completion shall be done according to Clause 9 Article 8 and Clause 3 Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

3. Kê khai tại mục 2/Item 2

Mỗi Phiếu yêu cầu chỉ kê khai một hợp đồng và các phụ lục của hợp đồng đó (nếu có)/ Each application shall only register one security agreement and its annexes (if any).

Trường hợp hợp đồng bảo đảm được công chứng, chứng thực thì kê khai ngày hợp đồng được công chứng, chứng thực; không có công chứng, chứng thực thì kê khai ngày ký kết hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận thời điểm có hiệu lực khác./If the security agreement is notarized or authenticated, the time of notarization or authentication shall be provided; if not, the applicant shall declare the time when the security agreement was signed. The previous sentence shall not be applied if another effective time is agreed.

4. Kê khai tại Mục 3 và Mục 4/Item 3 and Item 4

4.1. Đối với bên nhận bảo đảm/For secured party

- Bên nhận bảo đảm là cá nhân, kê khai đầy đủ/For individual, declare fully:

+ Trường hợp là công dân Việt Nam: họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số thẻ Căn cước công dân theo đúng nội dung ghi trên Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân. Trường hợp không có Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân thì kê khai số chứng minh được cấp theo Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng (gọi chung là Chứng minh quân đội) trong trường hợp cá nhân này đang công tác

trong quân đội/For a Vietnamese citizen, required information includes: full name (as appearing on the ID card), the number of ID card. If these cards are not available, declare full name and number of military ID card issued based on the Law on Officers of the Vietnam People's Army, the Law on Professional Soldiers, National Defense Workers and Officials (collectively referred to as military ID card) if this individual is working for the Army.

+ Trường hợp là người có quốc tịch nước ngoài: họ và tên, số Hộ chiếu theo đúng nội dung ghi trên Hộ chiếu/For a foreigner, required information includes full name (as appearing on the Passport) and Passport number.

+ Trường hợp là người không quốc tịch: họ và tên, số Thẻ thường trú theo đúng nội dung ghi trên Thẻ thường trú/For stateless persons, required information includes full name as appearing on the permanent residence card and number of permanent residence card.

- Bên nhận bảo đảm là tổ chức, kê khai đầy đủ tên, mã số thuế theo đúng nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trường hợp yêu cầu đăng ký thông qua chi nhánh của pháp nhân thì chi nhánh kê khai thông tin của mình theo hướng dẫn kê khai thông tin đối với tổ chức tại điểm này. Trường hợp bên nhận bảo đảm là doanh nghiệp tư nhân thì kê khai thông tin theo quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/For an organization, required information includes full name of the organization and tax code (as appearing on the taxpayer registration certificate). If a branch of a legal entity submits the application on behalf of the legal entity, the branch shall declare its information similar to an organization. If secured party is a sole proprietorship, the completion shall be done according to Clause 9 Article 8 and Clause 3 Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

4.2. Đối với bên bảo đảm/For securing party

Kê khai họ và tên đầy đủ của cá nhân, tên đầy đủ của tổ chức phù hợp với thông tin trên Giấy chứng nhận. Trường hợp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ liên quan đến tài sản thuộc doanh nghiệp tư nhân thì thông tin về bên bảo đảm kê khai theo quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP. Các thông tin khác kê khai theo Mục 4.1 tại hướng dẫn này/Declare full name of the individual or full name of the organization pursuant to relevant certificate. If the security assets are properties of a sole proprietorship, the completion shall be done according to Clause 9 Article 8 and Clause 3 Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP. Other information shall be declared according to the Point 4.1 of this instruction.

5. Mục chữ ký, con dấu/Signature and seal

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Follow provision of Article 14 Decree No. 99/2022/ND-CP.

2. Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng tàu biển

Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng hoặc Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ Hàng hải theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (sau đây gọi là Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam).

Hồ sơ đăng ký trực tuyến có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, trường hợp không có căn cứ từ chối thì Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, giải quyết hồ sơ và trả kết quả.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc từ chối.

Trường hợp kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử thì kết quả bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả bằng bản giấy.

Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
- Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Qua thư điện tử.

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua hệ thống đăng ký trực tuyến, qua thư điện tử (quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với tàu biển thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng hải.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 02c tại Phụ lục (01 bản chính) (*khoản 2 Điều 42 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm hoặc văn bản chuyển giao quyền đòi nợ, chuyển giao nghĩa vụ có bảo đảm bằng tàu biển trong trường hợp thay đổi bên bảo đảm, thay đổi bên nhận bảo đảm hoặc văn bản khác chứng minh có căn cứ thay đổi trong trường hợp không có văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*khoản 2 Điều 42 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Trường hợp đăng ký thay đổi để bổ sung việc đăng ký đối với tài sản bảo đảm đã được thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm nhưng nội dung đã đăng ký trước đó không bao gồm tài sản này thì hồ sơ đăng ký là Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 02c tại Phụ lục (01 bản chính) (*khoản 2 Điều 42 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Người yêu cầu đăng ký chỉ nộp văn bản này một lần cho cơ quan đăng ký, không phải nộp lại văn bản này trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp văn bản này có nội dung giao nhiệm vụ cho chi nhánh theo từng vụ việc.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm số hóa, lưu giữ văn bản này theo quy định của pháp luật để tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

- Trường hợp được miễn nghĩa vụ nộp phí, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) thì người yêu cầu đăng ký có quyền lựa chọn cung cấp một trong giấy tờ, tài liệu sau đây vào trong hồ sơ đăng ký: Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng tín dụng hoặc văn bản khác có thông tin về việc thuộc diện được miễn nghĩa vụ nộp phí đăng ký, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu). Việc nộp giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP chỉ thực hiện một lần trong đăng ký cùng một biện pháp bảo đảm (khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam hoặc chủ thể khác trở thành bên nhận bảo đảm mới mà thuộc diện không phải đăng ký thay đổi bên nhận bảo đảm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP là người yêu cầu đăng ký thì văn bản có căn cứ hoặc có nội dung về xác định bên nhận bảo đảm mới là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 6 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp thay đổi bên nhận bảo đảm quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP liên quan đến nhiều biện pháp bảo đảm đã được đăng ký mà có cùng một bên nhận bảo đảm thì người yêu cầu đăng ký nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký thay đổi và 01 Danh mục văn bản được kê khai theo Mẫu số 01đ hoặc Mẫu số 02đ tại Phụ lục tương ứng với biện pháp bảo đảm được đăng ký thay đổi (khoản 3 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Thời hạn giải quyết:

- *Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký* trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu biển đã đăng ký

Phí, lệ phí (nếu có): 60.000 đồng/hồ sơ (*Thông tư số 61/2023/TT-BTC*)

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng tàu biển (Mẫu số 02c ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- *Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.*

- Thông tư số 61/2023/TT-BTC ngày 28/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

* Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., day month year

PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG
BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN
APPLICATION FORM FOR CHANGES OF REGISTERED SEAGOING SHIP
SECURITY

Kính gửi/To³⁶:

1. Thông tin chung/General information

1.1. Loại hình đăng ký/Registration type

☐ Cầm cố/Pledge ☐ Thế chấp/Mortgage ☐ Bảo lưu quyền sở hữu/Retention of title (ROT)

1.2. Người yêu cầu đăng ký/Applicant³⁷

☐ Bên nhận bảo đảm/Security-accepting party ☐ Bên bảo đảm/Securing party

☐ Quản tài viên/Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Asset administrator, Asset administration or liquidation enterprise

☐ Bên kế thừa trong trường hợp bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm là pháp nhân được tổ chức lại/Inherit party in case securing party or security-accepting party being the restructured legal entity

☐ Người đại diện/Representative³⁸

³⁵ Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ/Promulgated according to Decree No. 99/2022/ND-CP of November 30, 2022 of the Government.

³⁶ Ghi tên cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm có thẩm quyền. Một Phiếu yêu cầu đăng ký chỉ gửi đến một cơ quan đăng ký/Write name of authority registry. Each Application form shall be sent to one registry.

³⁷ Trường hợp có nhiều người yêu cầu đăng ký thì thông tin về từng người yêu cầu đăng ký kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu này/In case there are multiple applicants, information of each applicant must be declared according to information on this application form.

³⁸ Trường hợp này, người đại diện đánh dấu lựa chọn đồng thời ô của người được đại diện và ô của người đại diện/In this case, the representative tick in the respective boxes of the represented person and the representative.

- Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân, tên đầy đủ đối với tổ chức (*Viết chữ IN HOA*)/Full name (*written in CAPITAL LETTERS*)

- Địa chỉ liên hệ/Address:

- ☐ Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ID card; Chứng minh quân đội/Military ID card
☐ Hộ chiếu/Passport
☐ Thẻ thường trú/Permanent residence card
☐ Mã số thuế/Tax code

Số/No do/issued by cấp ngày/on day
 tháng/month năm/year

- Số điện thoại/Tel: Fax (*nếu có*)/Fax (*if any*):

Thư điện tử (*nếu có*)/Email (*if any*):

2. Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm đã cấp/Number of issued Certificate on security interest:

3. Bên bảo đảm/Securing party³⁹

3.1. Tên đầy đủ (*viết chữ IN HOA*)/Full name (*written in CAPITAL LETTERS*):

3.2. Địa chỉ/Address:

3.3. Giấy tờ xác định tư cách pháp lý/identification documents

- ☐ Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ID card/chứng minh quân đội/Military ID card
☐ Hộ chiếu/Passport
☐ Thẻ thường trú/Permanent residence car

☐ Mã số thuế/Tax code

Cơ quan cấp/issued by cấp ngày/on day
 tháng/month năm/year

Số điện thoại (*nếu có*)/Tel (*if any*):; Fax (*nếu có*)/Fax (*if any*):

Thư điện tử (*nếu có*)/Email (*if any*):

³⁹ Trường hợp bên bảo đảm gồm nhiều người thì thông tin về từng bên bảo đảm kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này/In case the securing party consist of multiple individuals or multiple organizations, information of each individual or each organization must be declared according to information on this application form.

4. Bên nhận bảo đảm/Secured party⁴⁰4.1. Tên đầy đủ (*viết chữ IN HOA*)/Full name (*written in CAPITAL LETTERS*):

.....

4.2. Địa chỉ/Address:

.....

4.3. Giấy tờ xác định tư cách pháp lý/Identification documents

☐ Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ID card/Chứng minh quân đội/Military ID card☐ Hộ chiếu/Passport☐ Thẻ thường trú/Permanent
residence card☐ Mã số thuế/Tax codeCơ quan cấp/issued by cấp ngày/on day
..... tháng/month năm/yearSố điện thoại (*nếu có*)/Tel (*if any*):; Fax (*nếu có*)/Fax (*if any*):Thư điện tử (*nếu có*)/Email (*if any*):**5. Nội dung yêu cầu đăng ký thay đổi/Change of particulars⁴¹**

.....

.....

.....

6. Giấy tờ kèm theo/Attached documents⁴²:

.....

.....

.....

.....

.....

⁴⁰ Trường hợp bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì thông tin về từng bên nhận bảo đảm kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này/In case the security-accepting party consist of multiple individuals or multiple organizations, information of each individual or each organization must be declared according to information on this application form.

⁴¹ Trường hợp đăng ký thay đổi để bổ sung nghĩa vụ được bảo đảm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP thì kê khai nội dung yêu cầu đăng ký thay đổi là thay đổi thông tin về hợp đồng bảo đảm hoặc bổ sung thông tin về văn bản có nội dung thỏa thuận về bổ sung nghĩa vụ được bảo đảm/If register for addition of secured obligation pursuant to Point g Clause 1 Article 18 of Decree No. 99/2022/ND-CP, declare changed particular being change information of secured agreement or addition information of documents having contents about addition of secured obligation.

⁴² Kê khai đầy đủ giấy tờ phải có trong hồ sơ đăng ký theo quy định của Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Declare documents required in registration record according to the provisions of Decree No. 99/2022/ND-CP.

7. Cách thức nhận kết quả/Method for receiving result	☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry ☐ Qua dịch vụ bưu chính (ghi tên và địa chỉ người nhận)/By post (specify name and address of receiver) ☐ Cách thức điện tử (nếu pháp luật quy định)/Electronic method (if provided by law): ☐ Cách thức khác (nếu được cơ quan đăng ký đồng ý)/Other methods (if agreed by the registrar):
Người yêu cầu đăng ký chịu trách nhiệm trước pháp luật về trung thực trong kê khai và về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này/The applicant undertake full responsibility before the law for being honest in filling and for the accuracy of the declared information in this Application.	

**BÊN BẢO ĐẢM/SECURING PARTY
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR
REPRESENTATIVE)**

*Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ (nếu có),
đóng dấu (nếu có)/Signature, full name,
position (if any) and seal (if any)*

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/SECURED PARTY
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR
REPRESENTATIVE)**

*Ký, ghi rõ họ và tên, chức vụ (nếu có), đóng
dấu (nếu có)/Signature, full name, position (if
any) and seal (if any)*

**NGƯỜI YÊU CẦU ĐĂNG KÝ
KHÁC/OTHER APPLICANTS ⁴³
(OR REPRESENTATIVE)**

*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng
dấu (nếu có)/ Signature, full name, position (if
any) and seal (if any)*

⁴³ Người yêu cầu đăng ký thay đổi theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Applicant as prescribed in Clause 2 or Clause 3 Article 8 Decree No. 99/2022/ND-CP.

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ FOR REGISTRY ONLY

Thời điểm tiếp nhận: giờ phút, ngày tháng năm
--

Time of application receipt: hour minute, on day month year
--

Người tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên)/ Receiver (signature and full name)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTIONS TO COMPLETION

1. Hướng dẫn chung/General instructions

- Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác/Provided information shall be true, correct, and complete.

- Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/Check (X) in the box before the chosen option if there are multiple options.

- Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này, các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang/The application can be displayed on multiple pages. In this case, the pages shall be numbered sequentially and each page shall bear the applicant's signature.

2. Kê khai tại Mục 1/Item 1

- Trường hợp người yêu cầu đăng ký là Quản tài viên thì kê khai thêm chức danh, số Chứng chỉ hành nghề, cơ quan cấp và ngày, tháng, năm cấp Chứng chỉ/If the applicant is an asset administrator, she/he shall declare further her/his title, professional practice certificate number, issuing organ of the certificate and issuing time (day, month, year).

- Trường hợp pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh thì đánh dấu lựa chọn người yêu cầu đăng ký là người đại diện và kê khai thông tin về tên, địa chỉ của chi nhánh/If a branch of a legal entity submits the application on behalf of the legal entity, the applicant shall check the box before "Representative" option and declare information about name and address of the branch.

- Trường hợp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản thuộc doanh nghiệp tư nhân mà người yêu cầu đăng ký là bên bảo đảm thì kê khai theo quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/If the security assets are properties of a sole proprietorship and the applicant is the securing party, the completion shall be done according to Clause 9 Article 8 and Clause 3 Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

3. Kê khai tại Mục 3 và Mục 4/Item 3 and Item 4

3.1. Đối với bên nhận bảo đảm/For secured party

- Bên nhận bảo đảm là cá nhân, kê khai đầy đủ/For individual, declare fully:

+ Trường hợp là công dân Việt Nam: họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số thẻ Căn cước công dân theo đúng nội dung ghi trên Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân. Trường hợp không có Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân thì kê khai số chứng minh được cấp theo Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng (gọi chung là Chứng minh quân đội) trong trường hợp cá nhân này đang công tác trong quân đội/For a Vietnamese citizen, required information includes: full name (as appearing on the ID card), the number of ID card. If these cards are not available, declare full name and number of military ID card issued based on the Law on Officers of the Vietnam People's Army, the Law on Professional Soldiers, National Defense Workers and Officials (collectively referred to as military ID card) if this individual is working for the Army.

+ Trường hợp là người có quốc tịch nước ngoài: họ và tên, số Hộ chiếu theo đúng nội dung ghi trên Hộ chiếu/For a foreigner, required information includes full name (as appearing on the Passport) and Passport number.

+ Trường hợp là người không quốc tịch: họ và tên, số Thẻ thường trú theo đúng nội dung ghi trên Thẻ thường trú/For stateless persons, required information includes full name as appearing on the permanent residence card and number of permanent residence card.

- Bên nhận bảo đảm là tổ chức, kê khai đầy đủ tên, mã số thuế theo đúng nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trường hợp yêu cầu đăng ký thông qua chi nhánh của pháp nhân thì chi nhánh kê khai thông tin của mình theo hướng dẫn kê khai thông tin đối với tổ chức tại điểm này. Trường hợp bên nhận bảo đảm là doanh nghiệp tư nhân thì kê khai thông tin theo quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/For an organization, required information includes full name of the organization and tax code (as appearing on the taxpayer registration certificate). If a branch of a legal entity submits the application on behalf of the legal entity, the branch shall declare its information similar to an organization. If secured party is a sole proprietorship, the completion shall be done according to Clause 9 Article 8 and Clause 3 Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

3.2. Đối với bên bảo đảm/For securing party

Kê khai họ và tên đầy đủ của cá nhân, tên đầy đủ của tổ chức phù hợp với thông tin trên Giấy chứng nhận. Trường hợp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ liên quan đến tài sản thuộc doanh nghiệp tư nhân thì thông tin về bên bảo đảm kê khai theo quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP. Các thông tin khác kê khai theo Mục 3.1 tại hướng dẫn này/Declare full name of the individual or full name of the organization pursuant to relevant certificate. If the security assets are properties of a sole proprietorship, the completion shall be done according to Clause 9 Article 8 and Clause 3 Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP. Other information shall be declared according to the Point 3.1 of this instruction.

4. Kê khai nội dung yêu cầu đăng ký thay đổi/Declare changed contents

Nội dung kê khai thể hiện rõ căn cứ đăng ký thay đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP và nội dung yêu cầu thay đổi; trường hợp có nhiều căn cứ đăng ký thay đổi thì kê khai đầy đủ các căn cứ này và các nội dung yêu cầu đăng ký thay đổi tương ứng/Information shall clearly show basis for registration of change as prescribed in Clause 1 Article 18 Decree No. 99/2022/ND-CP and particulars to be changed; if there are multiple bases for change, all bases and relevant particulars are required.

5. Mục chữ ký, con dấu/Signature and seal

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Follow provision of Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

6. Chứng nhận của cơ quan đăng ký/Certify of the registry

Trường hợp yêu cầu đăng ký thay đổi do rút bớt tài sản bảo đảm, cơ quan đăng ký chứng nhận việc xóa đăng ký đối với tài sản bảo đảm được rút bớt/If registration of change is requested due to withdrawal of security assets, the registrar shall certify the deletion of registration of the withdrawn security asset.

3. Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển

Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng hoặc Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ Hàng hải theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (sau đây gọi là Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam).

Hồ sơ đăng ký trực tuyến có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, trường hợp không có căn cứ từ chối thì Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, giải quyết hồ sơ và trả kết quả.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc từ chối.

Trường hợp kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử thì kết quả bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả bằng bản giấy.

Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
- Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Qua thư điện tử.

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua hệ thống đăng ký trực tuyến, qua thư điện tử (quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với tàu biển thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng hải.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 03c tại Phụ lục (01 bản chính) (khoản 3 Điều 42 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

- Văn bản có nội dung thể hiện việc bên nhận bảo đảm đồng ý xóa đăng ký hoặc xác nhận về việc hợp đồng bảo đảm đã chấm dứt, đã được thanh lý hoặc xác nhận về việc giải chấp trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là bên bảo đảm và trên Phiếu yêu cầu không có chữ ký, con dấu (nếu có) của bên nhận bảo đảm (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (điểm a khoản 3 Điều 42 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá đã có hiệu lực pháp luật hoặc Văn bản xác nhận kết quả thi hành án trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên hoặc người mua tài sản bảo đảm trong xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự *(01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (điểm b khoản 3 Điều 42 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).*

- Hợp đồng hoặc văn bản khác không thuộc điểm b khoản 3 Điều 42 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP đã có hiệu lực pháp luật chứng minh về việc chuyển giao hợp pháp tài sản bảo đảm trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là người nhận chuyển giao hợp pháp tài sản bảo đảm *(01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (điểm c khoản 3 Điều 42 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).*

- Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc giải thể pháp nhân trong trường hợp xóa đăng ký quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP *(01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (điểm d khoản 3 Điều 42 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).*

- Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Người yêu cầu đăng ký chỉ nộp văn bản này một lần cho cơ quan đăng ký, không phải nộp lại văn bản này trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp văn bản này có nội dung giao nhiệm vụ cho chi nhánh theo từng vụ việc.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm số hóa, lưu giữ văn bản này theo quy định của pháp luật để tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu đăng ký,

hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

- Trường hợp được miễn nghĩa vụ nộp phí, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) thì người yêu cầu đăng ký có quyền lựa chọn cung cấp một trong giấy tờ, tài liệu sau đây vào trong hồ sơ đăng ký: Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng tín dụng hoặc văn bản khác có thông tin về việc thuộc diện được miễn nghĩa vụ nộp phí đăng ký, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu). Việc nộp giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP chỉ thực hiện một lần trong đăng ký cùng một biện pháp bảo đảm (khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp xóa đăng ký quy định tại điểm m khoản 1 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP theo yêu cầu của người yêu cầu xóa đăng ký thì bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án là tài liệu phải có trong Hồ sơ đăng ký (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (khoản 2 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp xóa đăng ký liên quan đến nhiều biện pháp bảo đảm đã được đăng ký mà có cùng một bên nhận bảo đảm thì người yêu cầu đăng ký nộp 01 bộ hồ sơ xóa đăng ký kèm theo 01 Danh mục văn bản được kê khai theo Mẫu số 01đ hoặc Mẫu số 02đ tại Phụ lục tương ứng với biện pháp bảo đảm được xóa đăng ký (khoản 5 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Thời hạn giải quyết:

- *Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).*

- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác

theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển

Phí, lệ phí (nếu có): 20.000 đồng/hồ sơ (*Thông tư số 61/2023/TT-BTC*)

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển (Mẫu số 03c ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- *Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.*

- Thông tư số 61/2023/TT-BTC ngày 28/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

* Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., day month year

PHIẾU YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN
APPLICATION FORM FOR DEREGISTRATION OF SEAGOING SHIP SECURITY

Kính gửi/To⁴⁵:

1. Thông tin chung/General information

Người yêu cầu đăng ký/Applicant⁴⁶

- ☐ Bên nhận bảo đảm/Secured party
- ☐ Bên bảo đảm/Securing party
- ☐ Người nhận chuyển giao tài sản bảo đảm/The transferee of collateral
- ☐ Quản tài viên, Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản/Asset administrator, Asset administration or liquidation enterprise
- ☐ Cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên/Civil judgment enforcement agency, Executor
- ☐ Cơ quan khác có thẩm quyền, người khác có thẩm quyền/Other competent state agencies, other competent persons
- ☐ Người đại diện/Representative⁴⁷

- Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân, tên đầy đủ đối với tổ chức (*Viết chữ IN HOA*)/Full name (*written in CAPITAL LETTERS*)

.....

- Địa chỉ liên hệ/Address

- ☐ Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ID card; Chứng minh quân đội/Military ID card
- ☐ Hộ chiếu/Passport
- ☐ Thẻ thường trú/Permanent residence card
- ☐ Mã số thuế/Tax code

Số/No do/issued by cấp ngày/on day tháng/month năm/year

⁴⁴ Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ/Promulgated according to Decree No. 99/2022/ND-CP of November 30, 2022 of the Government.

⁴⁵ Ghi tên cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm có thẩm quyền. Một Phiếu yêu cầu đăng ký chỉ gửi đến một cơ quan đăng ký/Write name of authority registry. Each Application form shall be sent to one registry.

⁴⁶ Trường hợp có nhiều người yêu cầu đăng ký thì thông tin về từng người yêu cầu đăng ký kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu này/In case there are multiple applicant, information of each applicant must be declared according to information on this application form.

⁴⁷ Trường hợp này, người đại diện đánh dấu lựa chọn đồng thời ô của người được đại diện và ô của người đại diện/In this case, the representative shall check both the box before "Representative" and the appropriate box before the type of the principal.

- Số điện thoại/Tel (nếu có): ; Fax (nếu có)/Fax (if any).....
 Thư điện tử (nếu có)/Email (if any):

2. Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm đã cấp/Issued Certificate on registered security interest No.

No.:

3. Mô tả tài sản bảo đảm/Description of collateral⁴⁸

Tên tàu/Ship name: , Quốc tịch/Nationality:

Hồ hiệu/Call sign:

Số IMO/IMO number:

Loại tàu/Type of ship:

Chủ tàu/Owner:

Năm đóng/Year of build:

Nơi đóng/Built in:

Mớn nước/Draught:

Dung tích thực dụng/Net tonnage:

Chiều dài lớn nhất/Length over all:

Chiều rộng/Breadth:

Trọng tải toàn phần/Dead weight capacity:

Tổng dung tích/Gross tonnage:

Nơi đăng ký/Place of register:

Tổ chức đăng kiểm/Register Agency:

Tổng công suất máy chính/M.E.power:

Số đăng ký/Registration No.:

Ngày đăng ký/Registration date:

4. Căn cứ xóa đăng ký/Basis for deregistration:

.....

5. Giấy tờ kèm theo/Attached documents⁴⁹:

6. Cách thức nhận kết quả/Method for receiving result	☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry
	☐ Qua dịch vụ bưu chính (ghi tên và địa chỉ người nhận)/By post (specify name and address of receiver)
	☐ Cách thức điện tử (trong trường hợp pháp luật có quy định)/Electronic method (if provided by law)
	☐ Cách thức khác (sau khi thỏa thuận với cơ quan đăng ký)/Other methods (according to the agreement between applicant and the registry):

Người yêu cầu đăng ký cam kết trung thực trong kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này/The applicant pledges to be honest and undertakes full responsibility before the law for the accuracy of the declared information in this Application.

⁴⁸ Trường hợp có nhiều tài sản bảo đảm thì thông tin về từng tài sản bảo đảm kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này/In case there are multiple security assets, each security asset must be declared according to information on this application form.

⁴⁹ Kê khai đầy đủ giấy tờ phải có trong hồ sơ đăng ký theo quy định của Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/ Declare documents required in registration record according to the provisions of Decree No. 99/2022/ND-CP.

**BÊN BẢO ĐẢM/SECURING PARTY
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR
REPRESENTATIVE)**

*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
đóng dấu (nếu có)/Signature, full name,
position (if any) and seal (if any)*

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/SECURED PARTY
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR
REPRESENTATIVE)**

*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
đóng dấu (nếu có)/Signature, full name, position
(if any) and seal (if any)*

**NGƯỜI YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ
KHÁC/OTHER APPLICANT⁵⁰/
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR
REPRESENTATIVE)**

*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng
dấu (nếu có)/Signature, full name, position (if
any) and seal (if any)*

**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
FOR REGISTRY ONLY**

Thời điểm tiếp nhận: giờ phút, ngày
..... tháng năm

Time of application receiving: hour
minute, on (day) (month) (year)

Người tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên)/
Receiver (signature and full name):

⁵⁰ Người yêu cầu xóa đăng ký theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Applicant as described in Clause 3 Article 8 Decree No. 99/2022/ND-CP.

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTIONS TO COMPLETION

1. Hướng dẫn chung/General instructions

- Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác/Provided information shall be true, correct, and complete.

- Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/Check (X) in the box before the chosen option if there are multiple options.

- Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này, các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang/The application can be displayed on multiple pages. In this case, the pages shall be numbered sequentially and each page shall bear the applicant's signature.

2. Kê khai tại Mục 1/Item 1

- Đối với cá nhân/For individuals:

+ Đối với cá nhân là công dân Việt Nam thì kê khai đầy đủ họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số thẻ Căn cước công dân theo đúng nội dung ghi trên Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân. Trường hợp không có Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân thì kê khai đầy đủ họ và tên, số chứng minh được cấp theo Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng (gọi chung là Chứng minh quân đội) theo đúng nội dung ghi trên Chứng minh quân đội trong trường hợp cá nhân này đang công tác trong quân đội/For a Vietnamese citizen, required information includes: full name (as appearing on the ID card), the number of ID card. If these cards are not available, declare full name and number of military ID card issued based on the Law on Officers of the Vietnam People's Army, the Law on Professional Soldiers, National Defense Workers and Officials (collectively referred to as military ID card) if this individual is working for the Army.

+ Đối với cá nhân là người nước ngoài thì kê khai đầy đủ họ và tên, số Hộ chiếu theo đúng nội dung ghi trên Hộ chiếu/For a foreigner, required information includes full name (as appearing on the Passport) and Passport number.

+ Đối với cá nhân là người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam thì kê khai đầy đủ họ và tên, số Thẻ thường trú theo đúng nội dung ghi trên Thẻ thường trú/For stateless person resident in Vietnam, declare full name and number of permanent residence card on the permanent residence card.

+ Trường hợp người yêu cầu đăng ký là Quản tài viên thì kê khai thêm chức danh, số Chứng chỉ hành nghề, cơ quan cấp và ngày, tháng, năm cấp Chứng chỉ/If the applicant is an asset administrator, she/he shall declare further her/his title, professional practice certificate number, issuing organ of the certificate and issuing time (day, month, year).

+ Trường hợp người yêu cầu đăng ký là chấp hành viên, người khác có thẩm quyền thì kê khai thêm chức danh, đơn vị công tác/If the applicant is Enforcer or other competent persons, she/he shall declare further her/his title and working agency.

- Đối với tổ chức: Kê khai tên đầy đủ của tổ chức, mã số thuế theo đúng nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế/For organizations, declare the full name of the organization and tax code (as appearing on the taxpayer registration certificate).

+ Trường hợp pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh thì đánh dấu lựa chọn người yêu cầu đăng ký là người đại diện và kê khai thông tin về tên, địa chỉ của chi nhánh/If a branch of a legal entity submits the application on behalf of the legal entity, the applicant shall check the box before “Representative” option and declare information about name and address of the branch.

+ Trường hợp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng tài sản thuộc doanh nghiệp tư nhân mà người yêu cầu đăng ký là bên bảo đảm thì kê khai theo quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/If the security assets are properties of a sole proprietorship and the applicant is the securing party, the completion shall be done according to Clause 9 Article 8 and Clause 3 Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

3. Kê khai tại mục 2/Item 2

Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm do cơ quan đăng ký cấp/Number of Certificate on security interest that issued by register agency.

4. Mục chữ ký, con dấu/Signature and seal

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Follow provision of Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

4. Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là tàu biển

Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng hoặc Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ Hàng hải theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (sau đây gọi là Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam).

Hồ sơ đăng ký trực tuyến có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, trường hợp không có căn cứ từ chối thì Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, giải quyết hồ sơ và trả kết quả.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc từ chối.

Trường hợp kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử thì kết quả bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả bằng bản giấy.

Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
- Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Qua thư điện tử.

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua hệ thống đăng ký trực tuyến, qua thư điện tử (quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với tàu biển thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng hải.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 04c tại Phụ lục (01 bản chính) (khoản 4 Điều 42 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm là tàu biển (01 bản chính) (khoản 4 Điều 42 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm thì hồ sơ đăng ký là Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 04c tại Phụ lục (01 bản chính) (khoản 4 Điều 42 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Người yêu cầu đăng ký chỉ nộp văn bản này một lần cho cơ quan đăng ký, không phải nộp lại văn bản này trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp văn bản này có nội dung giao nhiệm vụ cho chi nhánh theo từng vụ việc.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm số hóa, lưu giữ văn bản này theo quy định của pháp luật để tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

- Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Thời hạn giải quyết:

- *Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).*

- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là tàu biển

Phí, lệ phí (nếu có):

- Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi thông báo xử lý tài sản bảo đảm: 30.000 đồng/hồ sơ

- Xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm: 20.000 đồng/hồ sơ (*Thông tư số 61/2023/TT-BTC*)

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu đăng ký, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là tàu biển (Mẫu số 04c ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- *Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.*

- Thông tư số 61/2023/TT-BTC ngày 28/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

* Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., day..... month year

PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI, XÓA ĐĂNG KÝ
THÔNG BÁO XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM LÀ TÀU BIỂN
APPLICATION FORM FOR REGISTRATION, REGISTRATION OF CHANGES,
DEREGISTRATION OF NOTICE OF DISPOSAL OF SECURED SEAGOING SHIP

Kính gửi/To⁵²:

1. Thông tin chung/General information

1.1. Loại hình đăng ký/Registration type

☐ Thẻ chấp/Mortgage

☐ Bảo lưu quyền sở hữu/Retention of title

1.2. Người yêu cầu đăng ký/ Applicant⁵³

☐ Bên nhận bảo đảm/Secured party

☐ Người đại diện/Representative⁵⁴

- Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân, tên đầy đủ đối với tổ chức (*Viết chữ IN HOA*)/Full name (*written in CAPITAL LETTERS*)

.....

- Địa chỉ/Address

☐ Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ID card; Chứng minh quân đội/Military ID card

☐ Hộ chiếu/Passport

☐ Thẻ thường trú/Permanent Residence Card

☐ Mã số thuế /Tax code

Số/No do/issued by cấp ngày/on day..... tháng/month
 năm/year.....

⁵¹ Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ/Promulgated according to Decree No. 99/2022/ND-CP of November 30, 2022 of the Government.

⁵² Ghi tên cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm có thẩm quyền. Một Phiếu yêu cầu đăng ký chỉ gửi đến một cơ quan đăng ký/Write name of authority registry. Each Application form shall be sent to one registry.

⁵³ Trường hợp bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì thông tin về từng bên nhận bảo đảm kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này/In case the secured party consist of multiple individuals or multiple organizations, information of each individual or each organization must be declared according to information on this application form.

⁵⁴ Trường hợp này, người đại diện đánh dấu lựa chọn đồng thời ô của người được đại diện và ô của người đại diện/In this case, the representative shall check both the box before "Representative" and the appropriate box before the type of the principal.

2. Hợp đồng bảo đảm/Aircraft security agreement: Số/No.....; thời điểm có hiệu lực/ Effective date ngày/day tháng/month năm/year
3. Bên bảo đảm⁵⁵/Securing Party Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân, tên đầy đủ đối với tổ chức (<i>Viết chữ IN HOA</i>)/Full name (<i>written in CAPITAL LETTERS</i>) - Địa chỉ/Address ☐ Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ID card; Chứng minh quân đội/Military ID card ☐ Hộ chiếu/Passport ☐ Thẻ thường trú/Permanent Residence Card ☐ Mã số thuế /Tax code Số/No do/issued by cấp ngày/on day tháng/month năm/year
4. Bên nhận bảo đảm/Secured party⁵⁶ 4.1. Tên đầy đủ (<i>viết chữ IN HOA</i>)/Full name (<i>written in CAPITAL LETTERS</i>): 4.2. Địa chỉ/Address: 4.3. Giấy tờ xác định tư cách pháp lý/Identification documents ☐ Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân/ ID card/Chứng minh quân đội/Military ID card ☐ Hộ chiếu/Passport ☐ Thẻ thường trú/Permanent residence card ☐ Mã số thuế Ta code Cơ quan cấp/issued by..... cấp/on ngày/day tháng/month năm /year Số điện thoại (<i>nếu có</i>) /Tel (<i>if any</i>): Fax (<i>nếu có</i>)/Fax (<i>if any</i>): Thư điện tử (<i>nếu có</i>)/ Email (<i>if any</i>):
5. Tài sản bảo đảm xử lý/Security assets to be disposed 5.1. Mô tả tàu biển bị xử lý/Description of disposed seagoing ship security 5.2. Lý do xử lý/Reason for the disposal 5.3. Thời gian xử lý/Time of the disposal

⁵⁵ Trường hợp bên bảo đảm gồm nhiều người thì thông tin về từng bên bảo đảm kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này/If there are multiple security assets to be disposed, information of each security asset is required.

⁵⁶ Trường hợp bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì thông tin về từng bên nhận bảo đảm kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này/If the secured party consists of multiple individuals or organizations, information of each individual or organization is required in this Application.

5.4. Địa điểm xử lý/Location of the disposal

6. Số Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm đã cấp (nếu có)/Issued Registration Certificate Number (if any)

7. Đăng ký thay đổi thông báo xử lý tài sản bảo đảm đã đăng ký/Registration of changes of the notice of disposal of collateral ☐
 Nội dung thay đổi/Changed contents

8. Xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm đã đăng ký/Deregistration of notice of disposal of collateral ☐.

9. Giấy tờ kèm theo/Attached documents⁵⁷:

10. Cách thức nhận kết quả/Method for receiving result

- ☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry
- ☐ Qua dịch vụ bưu chính (ghi tên và địa chỉ người nhận)/By post (specify name and address of receiver)
- ☐ Cách thức điện tử (nếu pháp luật quy định)/Electronic method (if provided by law):
-
- ☐ Cách thức khác (nếu được cơ quan đăng ký đồng ý)/Other methods (if accepted by the registrar):
-

Người yêu cầu đăng ký chịu trách nhiệm trước pháp luật về trung thực trong kê khai và về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này/The applicant undertake full responsibility before the law for being honest in filling and for the accuracy of the declared information in this Application.

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM/SECURED PARTY
 (HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/OR REPRESENTATIVE)**
*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có) đóng dấu (nếu có)/
 Signature, full name, position (if any) and seal (if any)*

⁵⁷ Kê khai đầy đủ giấy tờ phải có trong hồ sơ đăng ký theo quy định của Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Declare documents required in registration record according to the provisions of Decree No. 99/2022/ND-CP.

**PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
FOR REGISTRAR ONLY**

Thời điểm tiếp nhận: giờ phút, ngày
..... tháng năm

Time of application receipt: hour
minute, on (day) (month) (year)

Người tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên)/

Receiver (signature and full name)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTIONS TO COMPLETION

1. Hướng dẫn chung/General instructions

- Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác/Provided information shall be true, correct, and complete.

- Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/Check (X) in the box before the chosen option if there are multiple options.

- Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này, các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang/The application can be displayed on multiple pages. In this case, the pages shall be numbered sequentially and each page shall bear the applicant's signature.

2. Kê khai tại Mục 1/ Item 1

Trường hợp pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh thì đánh dấu lựa chọn người yêu cầu đăng ký là người đại diện và kê khai thông tin về tên, địa chỉ của chi nhánh/If a branch of a legal entity submits the application on behalf of the legal entity, the applicant shall check the box before "Representative" option and declare information about name and address of the branch.

3. Kê khai tại Mục 2/Item 2

Mỗi Phiếu yêu cầu chỉ kê khai một hợp đồng và các phụ lục của hợp đồng đó (nếu có)/ Each application shall only register one agreement including its annexes (if any).

Trường hợp hợp đồng bảo đảm được công chứng, chứng thực thì kê khai ngày hợp đồng được công chứng, chứng thực; không có công chứng, chứng thực thì kê khai ngày ký kết hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận thời điểm có hiệu lực khác/If the security agreement is notarized or authenticated, the time of notarization or authentication shall be provided; if not, the applicant shall declare the time when the security agreement was signed. The previous sentence shall not be applied if another effective time is agreed.

4. Kê khai tại Mục 3 và Mục 4/Item 3 and 4

4.1. Đối với bên nhận bảo đảm/For secured party

- Bên nhận bảo đảm là cá nhân, kê khai đầy đủ/For individual, declare fully:

+ Trường hợp là công dân Việt Nam: họ và tên, số Chứng minh nhân dân hoặc số thẻ Căn cước công dân theo đúng nội dung ghi trên Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân. Trường hợp không có Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân thì kê khai số chứng minh được cấp theo Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng (gọi chung là Chứng minh quân đội) trong trường hợp cá nhân này đang công tác trong quân đội/For a Vietnamese citizen, required information includes: full name (as appearing on the ID card), the number of ID card. If these cards are not available, declare full name and number of military ID card issued based on the Law on Officers of the Vietnam People's Army, the Law on Professional Soldiers, National Defense Workers and Officials (collectively referred to as military ID card) if this individual is working for the Army.

+ Trường hợp là người có quốc tịch nước ngoài: họ và tên, số Hộ chiếu theo đúng nội dung ghi trên Hộ chiếu/For a foreigner, required information includes full name (as appearing on the Passport) and Passport number.

+ Trường hợp là người không quốc tịch: họ và tên, số Thẻ thường trú theo đúng nội dung ghi trên Thẻ thường trú/For a stateless person, required information includes full name (as appearing on the permanent residence card) and number of permanent residence card.

- Bên nhận bảo đảm là tổ chức, kê khai đầy đủ tên, mã số thuế theo đúng nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trường hợp yêu cầu đăng ký thông qua chi nhánh của pháp nhân thì chi nhánh kê khai thông tin của mình theo hướng dẫn kê khai thông tin đối với tổ chức tại điểm này. Trường hợp bên nhận bảo đảm là doanh nghiệp tư nhân thì kê khai thông tin theo quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/For an organization: required information includes full name of the organization and tax code (as appearing on the taxpayer registration certificate). If a branch of a legal entity submits the application on behalf of the legal entity, the branch shall declare its information similar to an organization. If secured party is a sole proprietorship, the completion shall be done according to Clause 9 Article 8 and Clause 3 Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

4.2. Đối với bên bảo đảm/For security party

Kê khai họ và tên đầy đủ của cá nhân, tên đầy đủ của tổ chức phù hợp với thông tin trên Giấy chứng nhận. Trường hợp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ liên quan đến tài sản thuộc doanh nghiệp tư nhân thì thông tin về bên bảo đảm kê khai theo quy định tại khoản 9 Điều 8 và khoản 3 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP. Các thông tin khác kê khai theo Mục 4.1 tại hướng dẫn này/Declare full name of the individual or full name of the organization pursuant to relevant certificate. If the security assets are properties of a sole proprietorship, the completion shall be done according to Clause 9 Article 8 and Clause 3 Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP. Other information shall be declared according to the Point 4.1 of this instruction.

5. Mục chữ ký, con dấu/Signature and seal

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Follow provision of Article 12 Decree No. 99/2022/ND-CP.

5. Cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu biển

Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng hoặc Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ Hàng hải theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (sau đây gọi là Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam).

Hồ sơ đăng ký trực tuyến có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, trường hợp không có căn cứ từ chối thì Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, giải quyết hồ sơ và trả kết quả.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc từ chối.

Trường hợp kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử thì kết quả bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả bằng bản giấy.

Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
- Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Qua thư điện tử.

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua hệ thống đăng ký trực tuyến, qua thư điện tử (quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với tàu biển thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng hải.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 12c tại Phụ lục (Điều 50 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

- Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Người yêu cầu đăng ký chỉ nộp văn bản này một lần cho cơ quan đăng ký, không phải nộp lại văn bản này trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp văn bản này có nội dung giao nhiệm vụ cho chi nhánh theo từng vụ việc.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm số hóa, lưu giữ văn bản này theo quy định của pháp luật để tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

- Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Thời hạn giải quyết:

- *Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).*

- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản cung cấp thông tin

Phí, lệ phí (nếu có): 30.000 đồng/hồ sơ (*Thông tư số 61/2023/TT-BTC*)

Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, mức thu một số khoản phí, lệ phí được quy định như sau (khoản 1 Điều 1 Thông tư số 64/2025/TT-BTC):

Số TT	Tên phí, lệ phí	Mức thu
35	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, tàu bay), tàu biển	Bằng 50% mức thu phí quy định tại điểm 2 Biểu mức thu phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm ban hành kèm theo Thông tư số 61/2023/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

Mức thu phí trong Biểu nêu trên áp dụng cả đối với trường hợp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (điểm c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 64/2025/TT-BTC).

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu các khoản phí, lệ phí quy định tại Biểu nêu trên thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (khoản 2 Điều 1 Thông tư số 64/2025/TT-BTC).

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu biển (Mẫu số 12c ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- *Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.*

- Thông tư số 61/2023/TT-BTC ngày 28/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

* Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

Mẫu số 12c/Form No 12c⁵⁸

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., day month year

PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN
APPLICATION FOR APPLICATION FOR PROVISION OF INFORMATION ABOUT
SEAGOING SHIP SECURITY

Kính gửi/To: ⁵⁹.....

1. Người yêu cầu cung cấp thông tin/Applicant

Tên đầy đủ (*viết chữ IN HOA*)/Full name (*written in CAPITAL LETTER*):

Địa chỉ/Address:

Người đề cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết trong quá trình giải quyết hồ sơ/Information on contact person when necessary during dealing with records

Họ và tên/Full name:

Số điện thoại/Tel: Fax (*nếu có*)/Fax (*if any*):

Thư điện tử (*nếu có*)/Email (*if any*):

2. Nội dung yêu cầu cung cấp thông tin/Requested contents

.....

⁵⁸ Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ/Promulgated under Decree No. 99/2022/ND-CP of November 30, 2022 of the Government.

⁵⁹ Ghi tên cơ quan đăng ký có thẩm quyền/Write name of the authority registry.

3. Cách thức nhận thông tin/Method for receiving information⁶⁰

(Đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/For completion having different options, tick (X) in a respective box with chosen content)

- ☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry
- ☐ Qua dịch vụ bưu chính (theo tên và địa chỉ kê khai tại mục 1 Phiếu này)/By post (under name and address completed at item 1 of this application):
- ☐ Cách thức điện tử (nếu pháp luật quy định)/Electronic method (if provided by law):
- ☐ Cách thức khác (nếu được cơ quan đăng ký đồng ý)/Other methods (if agreed by the registrar):

NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN/APPLICANT

Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu có)/
Signature, full name, position (if any) and stamp (if any)

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ FOR REGISTRAR ONLY
--

Thời điểm tiếp nhận: giờ phút, ngày tháng năm
--

Time of application receipt: hour minute, on (day) ... (month) year

Người tiếp nhận (ký và ghi rõ họ, tên)/ Receiver (signature and full name):
--

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTION TO COMPLETION

- Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác/Contents for completion must be trustful, completely, accurate.

- Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang/Application can be displayed on multiple pages. In this case, the pages must be numbered sequentially and the applicant must sign into each page.

⁶⁰ Trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin không đánh dấu vào một trong các ô vuông tại mục này thì kết quả cung cấp thông tin được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký/In the case the applicant doesn't mark in one of boxes at this item, then results of information provision shall be given directly at the registry.

6. Cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển

Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng hoặc Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ Hàng hải theo ủy quyền của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (sau đây gọi là Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam).

Hồ sơ đăng ký trực tuyến có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, trường hợp không có căn cứ từ chối thì Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, giải quyết hồ sơ và trả kết quả.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc từ chối.

Trường hợp kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử thì kết quả bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả bằng bản giấy.

Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
- Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Qua thư điện tử.

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua hệ thống đăng ký trực tuyến, qua thư điện tử (quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với tàu biển thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng hải.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 11c tại Phụ lục (Điều 22 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

- Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Người yêu cầu đăng ký chỉ nộp văn bản này một lần cho cơ quan đăng ký, không phải nộp lại văn bản này trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp văn bản này có nội dung giao nhiệm vụ cho chi nhánh theo từng vụ việc.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm số hóa, lưu giữ văn bản này theo quy định của pháp luật để tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

- Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Thời hạn giải quyết:

- *Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).*

- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan đăng ký tàu biển Việt Nam trực thuộc Bộ Xây dựng

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản sao văn bản chứng nhận đăng ký

Phí, lệ phí (nếu có): 25.000 đồng/trường hợp (*Thông tư số 61/2023/TT-BTC*)

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển (Mẫu số 11c ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- *Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.*

- Thông tư số 61/2023/TT-BTC ngày 28/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

* Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., day month year.....

PHIẾU YÊU CẦU CẤP BẢN SAO VĂN BẢN CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG TÀU BIỂN
APPLICATION FOR ISSUANCE COPY OF CERTIFICATE OF SEAGOING SHIP
SECURITY REGISTRATION

Kính gửi ⁶²/ To:

1. Người yêu cầu cấp bản sao/Applicant

1.1. Tên đầy đủ/Fullname: (viết chữ IN HOA)/(Write in CAPITAL LETTERS)

.....

1.2. Địa chỉ/Address:

1.3. Số điện thoại/Tel:; Fax (nếu có)/Fax (if any);..... Thư
 điện tử (nếu có)/Email (if any) :.....

2. Yêu cầu cấp bản sao Văn bản chứng nhận đăng ký/Request for issuance of copy of Certificate of registration

Thứ tự/ Order	Số Giấy Chứng nhận đã g ký đã cấp/Issued Certificate of registration No.	Số đăng ký (nếu có)/ Registration number (if any)	Số lượng bản sao yêu cầu cung cấp/ Quantity of copy

⁶¹ Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ/Promulgated according to Decree No. 99/2022/ND-CP of November 30, 2022 of the Government.

⁶² Ghi tên cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm có thẩm quyền. Một Phiếu yêu cầu đăng ký chỉ gửi đến một cơ quan đăng ký/Write name of authority registry. Each Application form shall be sent to each registry.

3. Cách thức nhận kết quả/Method for receiving result	☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký/Directly at the registry ☐ Qua dịch vụ bưu chính (<i>ghi tên và địa chỉ người nhận</i>)/By post (<i>specify name and address of receiver</i>):..... ☐ Cách thức điện tử (<i>nếu pháp luật quy định</i>)/Electronic method (<i>if provided by law</i>): ☐ Cách thức khác (<i>nếu được cơ quan đăng ký đồng ý</i>)/Other methods (<i>if agreed by the registrar</i>):
4. Giấy tờ kèm theo/Attached document⁶³: 	

**NGƯỜI YÊU CẦU CẤP BẢN SAO/
APPLICANT
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN/
OR REPRESENTATIVE)**

Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu có)/Signature, full name, position (if any) and seal (if any)

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ FOR REGISTRAR ONLY
- Thời điểm tiếp nhận: giờ phút, ngày tháng năm - Time of application receipt: hour minute, on (day) (month) year Người tiếp nhận (<i>ký và ghi rõ họ, tên</i>)/ Receiver (<i>signature and full name</i>):

⁶³ Kê khai đầy đủ giấy tờ phải có trong hồ sơ đề nghị cấp bản sao theo quy định của Nghị định số 99/2022/NĐ-CP/Declare documents required in copy request record according to the provisions of Decree No. 99/2022/ND-CP.

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI/INSTRUCTION TO COMPLETION

1. Hướng dẫn chung/General instructions

- Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác/Contents for completion must be trustful, complete, accurate.

- Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn/For completion having different options, tick (X) in a respective box with chosen content.

- Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang/Application can be displayed on multiple pages. In this case, the pages must be numbered sequentially and the applicant must sign into each page.

2. Kê khai tại mục 3/Complete item 3, trong trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin không đánh dấu vào một trong các ô vuông tại mục này thì bản sao Giấy chứng nhận đăng ký được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký/In the case the applicant doesn't mark in one of boxes at this item, then copy of registration certificate shall be received directly at the registry.

III. Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm

1. Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm

Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước thuộc Bộ Tư pháp (sau đây gọi là Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản).

Hồ sơ đăng ký trực tuyến có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Trường hợp không có căn cứ từ chối thì Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, giải quyết hồ sơ và trả kết quả.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc từ chối.

Trường hợp kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử thì kết quả bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả bằng bản giấy. Kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử hoặc bản giấy theo đề nghị của người yêu cầu đăng ký. Việc trả kết quả đăng ký bằng bản giấy có thể thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cách thức khác do cơ quan đăng ký và người yêu cầu đăng ký thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
- Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Qua thư điện tử.

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua thư điện tử (quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với trường hợp đăng ký thuộc thẩm quyền của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản quy định tại Điều 44 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP được áp dụng đối với người đã được cấp tài khoản đăng ký trực tuyến.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 01d tại Phụ lục (01 bản chính) *(khoản 1 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)*.

- Hợp đồng bảo đảm (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) trong trường hợp Phiếu yêu cầu đăng ký chỉ có chữ ký, con dấu (nếu có) của bên bảo đảm hoặc của bên nhận bảo đảm, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 8 và điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP *(khoản 1 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)*.

- Hợp đồng bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung có thỏa thuận về việc chứng khoán tiếp tục được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ cho cùng bên hoặc các bên cùng nhận bảo đảm trong trường hợp trở thành chứng khoán không đăng ký tập trung (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) và văn bản xác nhận việc đăng ký biện pháp bảo đảm bằng chứng khoán đã đăng ký tập trung do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cấp (01 bản chính) trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP. Trường hợp này, cơ quan đăng ký không yêu cầu các bên xác lập lại hợp đồng bảo đảm *(khoản 1 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)*.

- Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Người yêu cầu đăng ký chỉ nộp văn bản này một lần cho cơ quan đăng ký, không phải nộp lại văn bản này trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp văn bản này có nội dung giao nhiệm vụ cho chi nhánh theo từng vụ việc.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm số hóa, lưu giữ văn bản này theo quy định của pháp luật để tài sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu đăng ký,

hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

- Trường hợp được miễn nghĩa vụ nộp phí, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) thì người yêu cầu đăng ký có quyền lựa chọn cung cấp một trong giấy tờ, tài liệu sau đây vào trong hồ sơ đăng ký: Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng tín dụng hoặc văn bản khác có thông tin về việc thuộc diện được miễn nghĩa vụ nộp phí đăng ký, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu). Việc nộp giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP chỉ thực hiện một lần trong đăng ký cùng một biện pháp bảo đảm (khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống đăng ký trực tuyến thì hồ sơ đăng ký bao gồm thông tin phải được kê khai thể hiện trên giao diện đăng ký trực tuyến (khoản 5 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Thời hạn giải quyết:

- *Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).*

- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước thuộc Bộ Tư pháp.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm

Phí, lệ phí (nếu có): 80.000 đồng/hồ sơ (*Thông tư số 61/2023/TT-BTC*)

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản, cây hàng năm, công trình tạm (Mẫu số 01d ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Thông tin phải được kê khai thể hiện trên giao diện đăng ký trực tuyến của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống đăng ký trực tuyến (khoản 5 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- *Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.*

- Thông tư số 61/2023/TT-BTC ngày 28/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

* Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ
BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG ĐỘNG SẢN,
CÂY HẰNG NĂM, CÔNG TRÌNH TẠM⁶⁵

Kính gửi⁶⁶: Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản
 tại

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Số tiếp nhận:

Thời điểm tiếp nhận: giờ phút,
 ngày tháng năm

Người tiếp nhận

(Ký và ghi rõ họ, tên)

1. Thông tin chung

1.1. Biện pháp bảo đảm

☐ Thế chấp

☐ Cầm cố

☐ Đặt cọc

☐ Bảo lưu quyền sở hữu

☐ Ký cược

☐ Ký quỹ

1.2 Người yêu cầu đăng ký

☐ Bên nhận bảo đảm

☐ Bên bảo đảm

☐ Quản tài viên/Doanh nghiệp quản lý,
 thanh lý tài sản⁶⁷

☐ Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện⁶⁸

1.3. Mã số tài khoản đăng ký trực tuyến (nếu có):

1.4. Nhận kết quả đăng ký:

☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký

☐ Qua dịch vụ bưu chính (ghi tên và địa chỉ người nhận):

☐ Cách thức điện tử (nếu pháp luật quy định):

☐ Cách thức khác (nếu được cơ quan đăng ký đồng ý):

⁶⁴ Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ.

⁶⁵ Phiếu yêu cầu này được sử dụng trong đăng ký bằng văn bản giấy. Trường hợp đăng ký trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 24 và khoản 5 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

⁶⁶ Ghi đúng tên cơ quan đăng ký có thẩm quyền. Một phiếu yêu cầu đăng ký chỉ gửi đến một cơ quan đăng ký.

⁶⁷ Đánh dấu lựa chọn và kê khai trong trường hợp Quản tài viên; doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về phá sản.

⁶⁸ Trường hợp này, đánh dấu đồng thời ô Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện và ô Bên bảo đảm hoặc ô Bên nhận bảo đảm là pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh hoặc của người được đại diện.

1.5. Địa chỉ để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết:

Họ và tên: Số điện thoại:

Thư điện tử (nếu có):

2. Hợp đồng bảo đảm⁶⁹:; số (nếu có):.....Thời điểm có hiệu lực⁷⁰: ngày tháng năm**3. Bên bảo đảm⁷¹**Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân⁷²/tên đầy đủ đối với tổ chức⁷³ (viết chữ IN HOA):
.....

Địa chỉ:

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý⁷⁴:☐ Chứng minh nhân dân/ ☐ Hộ chiếu ☐ Thẻ thường trú ☐ Mã số thuế

Căn cước công dân/

Chứng minh quân đội

Số: do cấp ngày/...../.....

Thuộc đối tượng không phải nộp phí đăng ký ☐**4. Bên nhận bảo đảm⁷⁵**Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân⁷⁶/tên đầy đủ đối với tổ chức⁷⁷ (viết chữ IN HOA):
.....Địa chỉ:
.....**5. Mô tả tài sản bảo đảm⁷⁸**⁶⁹ Chỉ kê khai một hợp đồng bảo đảm và các phụ lục của hợp đồng đó (nếu có).⁷⁰ Kê khai ngày công chứng, chứng thực (áp dụng đối với hợp đồng được công chứng, chứng thực); ngày có hiệu lực theo thỏa thuận trong hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng không được công chứng, chứng thực); ngày ký hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng không được công chứng, chứng thực và các bên không có thỏa thuận về ngày có hiệu lực trong hợp đồng).⁷¹ Trường hợp gồm nhiều người thì kê khai từng người theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này.⁷² Kê khai theo thông tin thể hiện trên Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân; Hộ chiếu đối với công dân nước ngoài; Thẻ thường trú đối với người không quốc tịch.⁷³ Kê khai theo thông tin thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế (áp dụng cả trong trường hợp kê khai đối với chi nhánh) đối với tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam. Kê khai theo thông tin đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đối với tổ chức mang quốc tịch nước ngoài hoặc được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài.⁷⁴ Kê khai thông tin về một trong các loại giấy tờ: Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân; Hộ chiếu đối với công dân nước ngoài; Thẻ thường trú đối với người không quốc tịch; Mã số thuế đối với tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.⁷⁵ (Xem chú thích 8).⁷⁶ (Xem chú thích 9).⁷⁷ (Xem chú thích 10).⁷⁸ Trường hợp trong cùng một mục tài sản bảo đảm có nhiều tài sản thì kê khai từng tài sản theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này.

5.1. Phương tiện giao thông và yêu cầu thông báo thể chấp liên quan đến tài sản này⁷⁹ (nếu kê khai tại điểm này thì không kê khai tại điểm 5.2)

(i) Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ:

TT	Tên phương tiện, nhãn hiệu, màu sơn	Số khung	Biển số (nếu có)	Yêu cầu thông báo thể chấp		
				Yêu cầu thông báo bằng bản giấy	Yêu cầu thông báo bằng bản điện tử	Tên và địa chỉ cơ quan tiếp nhận thông báo

(ii) Tàu cá, phương tiện giao thông đường thủy nội địa, phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện chuyên dùng trên đường bộ, đường thủy, đường sắt:

TT	Tên phương tiện, nhãn hiệu (nếu có)	Chủ phương tiện/chủ sở hữu phương tiện	Số đăng ký (nếu có), cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký	Cấp phương tiện (nếu có)	Yêu cầu thông báo thể chấp		
					Yêu cầu thông báo bằng bản giấy	Yêu cầu thông báo bằng bản điện tử	Tên và địa chỉ cơ quan tiếp nhận thông báo

5.2. Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh, kho hàng:

(i) Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh⁸⁰:

Tên hàng hóa:

Giá trị hàng hóa ☐

Loại hàng hóa ☐

(ii) Kho hàng⁸¹:

Địa chỉ hoặc số hiệu kho hoặc dấu hiệu khác của vị trí kho hàng

⁷⁹ Trường hợp người yêu cầu đăng ký có yêu cầu thông báo thể chấp phương tiện giao thông thì đánh dấu (X) vào ô tương ứng và kê khai tên, địa chỉ của cơ quan tiếp nhận thông báo.

⁸⁰ Kê khai theo giá trị hàng hóa hoặc theo loại hàng hóa.

⁸¹ Không kê khai nhà kho, công trình xây dựng khác hoặc kho bãi được sử dụng cho việc chứa hoặc lưu trữ hàng hóa.

5.3. Cây hằng năm, công trình tạm⁸²:

.....

5.4. Quyền tài sản

Tên quyền tài sản được dùng để bảo đảm⁸³:

.....

(i) Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng

- Hợp đồng:; số (nếu có):

Thời điểm có hiệu lực⁸⁴: ngày tháng năm

- Các bên tham gia xác lập hợp đồng:

(ii) Quyền tài sản phát sinh từ căn cứ khác

- Tên căn cứ:

- Tên chủ thể ban hành căn cứ:

- Số căn cứ (nếu có):; thời điểm có hiệu lực hoặc thời điểm ký⁸⁵:
ngày tháng năm

5.5. Chứng khoán không đăng ký tập trung⁸⁶:

.....

.....

.....

5.6. Động sản khác⁸⁷:

.....

.....

.....

6. Giấy tờ kèm theo⁸⁸:

.....

.....

.....

⁸² Thông tin kê khai phải thể hiện được loại tài sản là cây hằng năm theo quy định của Luật Trồng trọt, là công trình tạm theo quy định của Luật Xây dựng.

⁸³ Có thể kê khai tên quyền cụ thể hoặc các, tất cả quyền tài sản. Quyền tài sản này không bao gồm các quyền đối với tài sản quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

⁸⁴ Kê khai ngày công chứng, chứng thực (áp dụng đối với hợp đồng được công chứng, chứng thực); ngày có hiệu lực theo thỏa thuận trong hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng không được công chứng, chứng thực); ngày ký hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng không được công chứng, chứng thực và các bên không có thỏa thuận về ngày có hiệu lực trong hợp đồng).

⁸⁵ Kê khai ngày có hiệu lực thể hiện trên căn cứ hoặc ngày ký văn bản nếu trên căn cứ không thể hiện ngày có hiệu lực.

⁸⁶ Thông tin kê khai phải thể hiện được tài sản là chứng khoán không đăng ký tập trung, bao gồm cả chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam mà trở thành chứng khoán không đăng ký tập trung.

⁸⁷ Phạm vi kê khai tại mục này có thể là một, một số hoặc toàn bộ tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai nhưng không bao gồm tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung, các quyền đối với tài sản quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP. Trường hợp tài sản bảo đảm là động sản được lắp đặt, đặt tại hoặc đặt trên đất, nhà ở, công trình xây dựng khác thì thông tin kê khai phải thể hiện được tài sản đó là động sản.

⁸⁸ Kê khai đầy đủ giấy tờ phải có trong hồ sơ đăng ký theo quy định của Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Người yêu cầu đăng ký chịu trách nhiệm trước pháp luật về trung thực trong kê khai và về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này.

**BÊN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)**

*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
đóng dấu (nếu có)*

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)**

*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
đóng dấu (nếu có)*

**QUẢN TÀI VIÊN/DOANH NGHIỆP
QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)**

Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác.
2. Đối với phần kê khai có lựa chọn thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng được lựa chọn.
3. Gạch chéo đối với mục không có thông tin kê khai trên Phiếu yêu cầu đăng ký.
4. Thông tin được kê khai, nội dung liên quan trong Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này, các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang.
5. Trường hợp có nhiều tài sản bảo đảm khác nhau nhưng có thể kê khai chung theo tính chất, đặc điểm của các tài sản đó thì người yêu cầu đăng ký có quyền lựa chọn kê khai chung về những tài sản đó hoặc kê khai chi tiết về từng tài sản.

Trường hợp tài sản bảo đảm tại các mục 5.1; 5.2; 5.3; 5.4 là tài sản hình thành trong tương lai thì kê khai tại Mục 5.6, phù hợp với quy định tại Điều 45 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

2. Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm

Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước thuộc Bộ Tư pháp (sau đây gọi là Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản).

Hồ sơ đăng ký trực tuyến có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Trường hợp không có căn cứ từ chối thì Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, giải quyết hồ sơ và trả kết quả.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc từ chối.

Trường hợp kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử thì kết quả bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả bằng bản giấy. Kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử hoặc bản giấy theo đề nghị của người yêu cầu đăng ký. Việc trả kết quả đăng ký bằng bản giấy có thể thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cách thức khác do cơ quan đăng ký và người yêu cầu đăng ký thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
- Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Qua thư điện tử.

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua thư điện tử (quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với trường hợp đăng ký thuộc thẩm quyền của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản quy định tại Điều 44 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP được áp dụng đối với người đã được cấp tài khoản đăng ký trực tuyến.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 02d tại Phụ lục (01 bản chính) (khoản 2 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Hợp đồng bảo đảm hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm hoặc văn bản chuyển giao quyền đòi nợ, chuyển giao nghĩa vụ có bảo đảm bằng động sản, cây hằng năm hoặc công trình tạm trong trường hợp thay đổi bên bảo đảm, thay đổi bên nhận bảo đảm hoặc văn bản khác chứng minh có căn cứ thay đổi trong trường hợp không có văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm mà Phiếu yêu cầu đăng ký chỉ có chữ ký, con dấu (nếu có) của bên bảo đảm hoặc của bên nhận bảo đảm (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (khoản 2 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Người yêu cầu đăng ký chỉ nộp văn bản này một lần cho cơ quan đăng ký, không phải nộp lại văn bản này trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp văn bản này có nội dung giao nhiệm vụ cho chi nhánh theo từng vụ việc.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm số hóa, lưu giữ văn bản này theo quy định của pháp luật để tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

- Trường hợp được miễn nghĩa vụ nộp phí, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) thì người yêu cầu đăng ký có quyền lựa chọn cung cấp một trong giấy tờ, tài liệu sau đây vào trong hồ sơ đăng ký: Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng tín dụng hoặc văn bản khác có thông tin về việc thuộc diện được miễn nghĩa vụ nộp phí đăng ký, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu). Việc nộp giấy tờ, tài liệu quy định tại

khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP chỉ thực hiện một lần trong đăng ký cùng một biện pháp bảo đảm (khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam hoặc chủ thể khác trở thành bên nhận bảo đảm mới mà thuộc diện không phải đăng ký thay đổi bên nhận bảo đảm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP là người yêu cầu đăng ký thì văn bản có căn cứ hoặc có nội dung về xác định bên nhận bảo đảm mới là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 6 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp thay đổi bên nhận bảo đảm quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP liên quan đến nhiều biện pháp bảo đảm đã được đăng ký mà có cùng một bên nhận bảo đảm thì người yêu cầu đăng ký nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký thay đổi và 01 Danh mục văn bản được kê khai theo Mẫu số 01đ hoặc Mẫu số 02đ tại Phụ lục tương ứng với biện pháp bảo đảm được đăng ký thay đổi (khoản 3 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống đăng ký trực tuyến thì hồ sơ đăng ký bao gồm thông tin phải được kê khai thể hiện trên giao diện đăng ký trực tuyến (khoản 5 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Thời hạn giải quyết:

- *Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký* trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng

ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước thuộc Bộ Tư pháp.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm

Phí, lệ phí (nếu có): 60.000 đồng/hồ sơ (*Thông tư số 61/2023/TT-BTC*)

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng động sản, cây hằng năm, công trình tạm (Mẫu số 02d ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Thông tin phải được kê khai thể hiện trên giao diện đăng ký trực tuyến của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống đăng ký trực tuyến (khoản 5 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- *Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.*

- Thông tư số 61/2023/TT-BTC ngày 28/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

* Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG
 BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG ĐỘNG SẢN,
 CÂY HẰNG NĂM, CÔNG TRÌNH TẠM⁹⁰**

Kính gửi⁹¹: Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản
 tại:...

.....

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Số tiếp nhận:

Thời điểm tiếp nhận: giờ phút,
 ngày tháng năm

Người tiếp nhận

(Ký và ghi rõ họ, tên)

1. Thông tin chung

1.1. Người yêu cầu đăng ký

☐ Bên nhận bảo đảm

☐ Bên bảo đảm

☐ Bên kế thừa bên bảo đảm, bên
 nhận bảo đảm

☐ Quản tài viên/Doanh nghiệp
 quản lý, thanh lý tài sản⁹²

☐ Chi nhánh của pháp nhân,
 người đại diện⁹³

1.2. Thuộc đối tượng không phải nộp phí đăng ký ☐

1.3. Mã số tài khoản đăng ký trực tuyến (nếu có):.....

⁸⁹ Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ. Phiếu yêu cầu đăng ký này cũng được áp dụng đối với trường hợp người nhận chuyển giao hợp pháp tài sản bảo đảm hoặc cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP chỉ yêu cầu rút bớt một, một số tài sản bảo đảm để xóa đăng ký đối với tài sản này.

⁹⁰ Phiếu yêu cầu này được sử dụng trong đăng ký bằng văn bản giấy. Trường hợp đăng ký trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 24 và khoản 5 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

⁹¹ Ghi đúng tên cơ quan đăng ký có thẩm quyền. Một phiếu yêu cầu đăng ký chỉ gửi đến một cơ quan đăng ký.

⁹² Đánh dấu lựa chọn và kê khai trong trường hợp Quản tài viên; doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về phá sản.

⁹³ Trường hợp này, đánh dấu đồng thời ô Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện và ô Bên bảo đảm hoặc ô Bên nhận bảo đảm là pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh hoặc của người được đại diện.

1.4. Nhận kết quả đăng ký:

☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký☐ Qua dịch vụ bưu chính (*ghi tên và địa chỉ người nhận*):☐ Cách thức điện tử (*nếu pháp luật quy định*):☐ Cách thức khác (*nếu được cơ quan đăng ký đồng ý*):

1.5. Địa chỉ để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết:

Họ và tên: Số điện thoại:

Thư điện tử (*nếu có*):**2. Biện pháp bảo đảm đã đăng ký**

Số đăng ký:.....

3. Nội dung thay đổi⁹⁴**3.1. Thay đổi liên quan đến tài sản bảo đảm****3.1.1. Thay đổi liên quan đến phương tiện giao thông và yêu cầu thông báo thể chấp liên quan đến tài sản này⁹⁵**

(i) Phương tiện giao thông cơ giới:

TT	Tên phương tiện, nhãn hiệu, màu sơn	Số khung	Biển số (nếu có)	Căn cứ thay đổi (rút bớt, bổ sung hoặc thay thế)	Yêu cầu thông báo thể chấp		
					Yêu cầu thông báo bằng bản giấy	Yêu cầu thông báo bằng bản điện tử	Tên và địa chỉ cơ quan tiếp nhận thông báo

(ii) Tàu cá, phương tiện giao thông đường thủy nội địa, phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện chuyên dùng trên đường bộ, đường thủy, đường sắt:

TT	Tên phương tiện, nhãn hiệu (nếu có)	Chủ phương tiện/chủ sở hữu phương tiện	Số đăng ký (nếu có), cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký (nếu có)	Cấp phương tiện (nếu có)	Căn cứ thay đổi (rút bớt, bổ sung hoặc thay thế)	Yêu cầu thông báo thể chấp		
						Yêu cầu thông báo bằng bản giấy	Yêu cầu thông báo bằng bản điện tử	Tên và địa chỉ cơ quan tiếp nhận thông báo

3.1.2. Thay đổi liên quan đến tài sản khác.

.....

.....

.....

.....

.....

⁹⁴ Trường hợp trong cùng một mục thay đổi có nhiều nội dung thay đổi thì thông tin về từng nội dung thay đổi kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này.

⁹⁵ Trường hợp người yêu cầu đăng ký có yêu cầu thông báo thể chấp phương tiện giao thông thì đánh dấu (X) vào ô tương ứng và kê khai tên, địa chỉ của cơ quan tiếp nhận thông báo.

3.2. Thay đổi liên quan đến nội dung khác đã đăng ký⁹⁶:

.....

.....

.....

4. Giấy tờ kèm theo⁹⁷:

.....

.....

.....

Người yêu cầu đăng ký chịu trách nhiệm trước pháp luật về trung thực trong kê khai và về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này.

**BÊN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)**

*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
đóng dấu (nếu có)*

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)**

*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
đóng dấu (nếu có)*

**NGƯỜI YÊU CẦU ĐĂNG KÝ KHÁC⁹⁸
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)**

*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
đóng dấu (nếu có)*

⁹⁶ Kê khai đầy đủ nội dung có thay đổi và nội dung được thay đổi. Trường hợp đăng ký thay đổi để bổ sung nghĩa vụ được bảo đảm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP thì nội dung được kê khai là bổ sung thông tin về hợp đồng hoặc văn bản có nội dung thỏa thuận về bổ sung nghĩa vụ được bảo đảm.

⁹⁷ Kê khai đầy đủ giấy tờ phải có trong hồ sơ đăng ký theo quy định của Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

⁹⁸ Người yêu cầu đăng ký thay đổi theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác.
2. Đối với phần kê khai có lựa chọn thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng được lựa chọn.
3. Gạch chéo đối với mục không có thông tin kê khai trên Phiếu yêu cầu đăng ký.
4. Thông tin được kê khai, nội dung liên quan trong Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này, các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang.

5. Chỉ kê khai nội dung thay đổi, không kê khai những nội dung không thay đổi.

Kê khai cụ thể căn cứ thay đổi quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, sau đó kê khai cụ thể nội dung thay đổi.

Ví dụ 1: Trường hợp bổ sung bên bảo đảm thì kê khai như sau: “Bổ sung bên bảo đảm là” và kê khai thông tin về bên bảo đảm được bổ sung.

Ví dụ 2: Trường hợp rút bớt tài sản bảo đảm thì kê khai như sau: “Rút bớt tài sản bảo đảm là” và kê khai thông tin về tài sản bảo đảm được rút bớt.

(Lưu ý: Thông tin về tài sản rút bớt phải phù hợp với thông tin đã được đăng ký).

Ví dụ 3: Trường hợp thay thế tài sản bảo đảm thì kê khai như sau: “Tài sản thay thế là” và kê khai thông tin về tài sản thay thế.

Ví dụ 4: Trường hợp chỉnh lý thông tin có sai sót thì kê khai như sau:

“Chỉnh lý thông tin có sai sót về tên bên bảo đảm:

Từ “.....” (thông tin có sai sót)

Thành “.....” (thông tin chỉnh lý)”

Ví dụ 5: Trường hợp thay đổi các nội dung khác thì kê khai như sau:

“Thay đổi thông tin về địa chỉ Bên bảo đảm:

Từ “.....” (thông tin cần thay đổi)

Thành “.....” (thông tin thay đổi)”.

6. Trường hợp đăng ký thay đổi do bổ sung bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm hoặc bổ sung tài sản bảo đảm thì việc kê khai về đối tượng được bổ sung thực hiện theo thông tin tương ứng thể hiện trên Mẫu số 01d thuộc Phụ lục này.

3. Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm

Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước thuộc Bộ Tư pháp (sau đây gọi là Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản).

Hồ sơ đăng ký trực tuyến có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Trường hợp không có căn cứ từ chối thì Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, giải quyết hồ sơ và trả kết quả.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc từ chối.

Trường hợp kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử thì kết quả bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả bằng bản giấy. Kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử hoặc bản giấy theo đề nghị của người yêu cầu đăng ký. Việc trả kết quả đăng ký bằng bản giấy có thể thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cách thức khác do cơ quan đăng ký và người yêu cầu đăng ký thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
- Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Qua thư điện tử.

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua thư điện tử (quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với trường hợp đăng ký thuộc thẩm quyền của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản quy định tại Điều 44 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP được áp dụng đối với người đã được cấp tài khoản đăng ký trực tuyến.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 03d tại Phụ lục (01 bản chính) (khoản 3 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP):

- Văn bản có nội dung thể hiện việc bên nhận bảo đảm đồng ý xóa đăng ký hoặc xác nhận về việc hợp đồng bảo đảm đã chấm dứt, đã được thanh lý hoặc xác nhận về việc giải chấp trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là bên bảo đảm và trên Phiếu yêu cầu không có chữ ký, con dấu (nếu có) của bên nhận bảo đảm *(01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực)* (khoản 3 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá đã có hiệu lực pháp luật hoặc Văn bản xác nhận kết quả thi hành án trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên hoặc người mua tài sản bảo đảm trong xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự *(01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực)* (khoản 3 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Hợp đồng hoặc văn bản khác không thuộc điểm b khoản 3 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP đã có hiệu lực pháp luật chứng minh về việc chuyển giao hợp pháp tài sản bảo đảm trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là người nhận chuyển giao hợp pháp tài sản bảo đảm *(01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực)* (khoản 3 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc giải thể pháp nhân trong trường hợp xóa đăng ký quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP *(01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực)* (khoản 3 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Người yêu cầu đăng ký chỉ nộp văn bản này một lần cho cơ quan đăng ký, không phải nộp lại văn bản này trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp

theo, trừ trường hợp văn bản này có nội dung giao nhiệm vụ cho chi nhánh theo từng vụ việc.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm số hóa, lưu giữ văn bản này theo quy định của pháp luật để tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

- Trường hợp được miễn nghĩa vụ nộp phí, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) thì người yêu cầu đăng ký có quyền lựa chọn cung cấp một trong giấy tờ, tài liệu sau đây vào trong hồ sơ đăng ký: Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng tín dụng hoặc văn bản khác có thông tin về việc thuộc diện được miễn nghĩa vụ nộp phí đăng ký, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu). Việc nộp giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP chỉ thực hiện một lần trong đăng ký cùng một biện pháp bảo đảm (khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp xóa đăng ký quy định tại điểm m khoản 1 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP theo yêu cầu của người yêu cầu xóa đăng ký thì bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án là tài liệu phải có trong Hồ sơ đăng ký (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (khoản 2 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp xóa đăng ký liên quan đến nhiều biện pháp bảo đảm đã được đăng ký mà có cùng một bên nhận bảo đảm thì người yêu cầu đăng ký nộp 01 bộ hồ sơ xóa đăng ký kèm theo 01 Danh mục văn bản được kê khai theo Mẫu số 01đ hoặc Mẫu số 02đ tại Phụ lục tương ứng với biện pháp bảo đảm được xóa đăng ký (khoản 5 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống đăng ký trực tuyến thì hồ sơ đăng ký bao gồm thông tin phải được kê khai thể hiện trên giao diện đăng ký trực tuyến (khoản 5 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Thời hạn giải quyết:

- Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải

quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước thuộc Bộ Tư pháp.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm

Phí, lệ phí (nếu có): 20.000 đồng/hồ sơ (*Thông tư số 61/2023/TT-BTC*)

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản, cây hàng năm, công trình tạm (Mẫu số 03d ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Thông tin phải được kê khai thể hiện trên giao diện đăng ký trực tuyến của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống đăng ký trực tuyến (khoản 5 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- *Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.*

- Thông tư số 61/2023/TT-BTC ngày 28/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

* Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

PHIẾU YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ
BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG ĐỘNG SẢN,
CÂY HẰNG NĂM, CÔNG TRÌNH TẠM¹⁰⁰

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Số tiếp nhận:

Thời điểm tiếp nhận: giờ phút,
 ngày tháng năm

Người tiếp nhận

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Kính gửi¹⁰¹: Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản
 tại:...

1. Thông tin chung

1.1. Người yêu cầu đăng ký

- ☐ Bên nhận bảo đảm ☐ Bên bảo đảm ☐ Người nhận chuyển giao tài sản bảo đảm
- ☐ Cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên ☐ Cơ quan khác có thẩm quyền, người khác có thẩm quyền ☐ Quản tài viên/Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản¹⁰²
- ☐ Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện¹⁰³

1.2. Thuộc đối tượng không phải nộp phí đăng ký ☐

1.3. Nhận kết quả đăng ký: ☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký
☐ Qua dịch vụ bưu chính (ghi tên và địa chỉ người nhận):

.....
☐ Cách thức điện tử (nếu pháp luật quy định):

.....
☐ Cách thức khác (nếu được cơ quan đăng ký đồng ý):

⁹⁹ Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ.

¹⁰⁰ Phiếu yêu cầu này được sử dụng trong đăng ký bằng văn bản giấy. Trường hợp đăng ký trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 24 và khoản 5 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

¹⁰¹ Ghi đúng tên cơ quan đăng ký có thẩm quyền. Một phiếu yêu cầu đăng ký chỉ gửi đến một cơ quan đăng ký.

¹⁰² Đánh dấu lựa chọn và kê khai trong trường hợp Quản tài viên; doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về phá sản.

¹⁰³ Trường hợp này, đánh dấu đồng thời ô Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện và ô Bên bảo đảm hoặc ô Bên nhận bảo đảm là pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh hoặc của người được đại diện.

1.4. Mã số tài khoản đăng ký trực tuyến (nếu có):	
1.5. Địa chỉ để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết:	
Họ và tên:	
Số điện thoại: Thư điện tử (nếu có):	
2. Biện pháp bảo đảm đã đăng ký	
Số đăng ký:	
3. Căn cứ xóa đăng ký:	
4. Yêu cầu thông báo việc xóa thể chấp đối với phương tiện giao thông ☐	
Yêu cầu thông báo bằng bản giấy	☐
Yêu cầu thông báo bằng bản điện tử	☐
Tên và địa chỉ cơ quan tiếp nhận thông báo:	
5. Giấy tờ kèm theo ¹⁰⁴ :	
.....	
.....	
.....	
Người yêu cầu đăng ký chịu trách nhiệm trước pháp luật về trung thực trong kê khai và về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này.	
BÊN BẢO ĐẢM (HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN) Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu có)	BÊN NHẬN BẢO ĐẢM (HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN) Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu có) NGƯỜI YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ KHÁC¹⁰⁵ (HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN) Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu có)

¹⁰⁴ Khai báo đầy đủ giấy tờ phải có trong hồ sơ đăng ký theo quy định của Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

¹⁰⁵ Người yêu cầu xóa đăng ký theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác.
2. Đối với phần kê khai có lựa chọn thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng được lựa chọn.
3. Gạch chéo đối với mục không có thông tin kê khai trên Phiếu yêu cầu đăng ký.
4. Thông tin được kê khai, nội dung liên quan trong phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này, các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang.

4. Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), là cây hằng năm, công trình tạm

Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước thuộc Bộ Tư pháp (sau đây gọi là Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản).

Hồ sơ đăng ký trực tuyến có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Trường hợp không có căn cứ từ chối thì Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, giải quyết hồ sơ và trả kết quả.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc từ chối.

Trường hợp kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử thì kết quả bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả bằng bản giấy. Kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử hoặc bản giấy theo đề nghị của người yêu cầu đăng ký. Việc trả kết quả đăng ký bằng bản giấy có thể thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cách thức khác do cơ quan đăng ký và người yêu cầu đăng ký thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
- Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Qua thư điện tử.

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua thư điện tử (quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với trường hợp đăng ký thuộc thẩm quyền của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản quy định tại Điều 44 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP được áp dụng đối với người đã được cấp tài khoản đăng ký trực tuyến.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 04d tại Phụ lục (01 bản chính) (khoản 4 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Người yêu cầu đăng ký chỉ nộp văn bản này một lần cho cơ quan đăng ký, không phải nộp lại văn bản này trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp văn bản này có nội dung giao nhiệm vụ cho chi nhánh theo từng vụ việc.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm số hóa, lưu giữ văn bản này theo quy định của pháp luật để tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

- Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống đăng ký trực tuyến thì hồ sơ đăng ký bao gồm thông tin phải được kê khai thể hiện trên giao diện đăng ký trực tuyến (khoản 5 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Thời hạn giải quyết:

- *Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải*

quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước thuộc Bộ Tư pháp.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm

Phí, lệ phí (nếu có):

- Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi thông báo xử lý tài sản bảo đảm: 30.000 đồng/hồ sơ

- Xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm: 20.000 đồng/hồ sơ (*Thông tư số 61/2023/TT-BTC*)

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu đăng ký, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là động sản, cây hằng năm, công trình tạm (Mẫu số 04d ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Thông tin phải được kê khai thể hiện trên giao diện đăng ký trực tuyến của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống đăng ký trực tuyến (khoản 5 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- *Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.*

- Thông tư số 61/2023/TT-BTC ngày 28/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

* Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

Mẫu số 04d¹⁰⁶

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY
ĐỔI, XOÁ ĐĂNG KÝ THÔNG BÁO XỬ LÝ TÀI
SẢN BẢO ĐẢM LÀ ĐỘNG SẢN, CÂY HẰNG NĂM,
CÔNG TRÌNH TẠM¹⁰⁷**

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Số tiếp nhận:

Thời điểm tiếp nhận: giờ phút,
ngày tháng năm

Người tiếp nhận

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Kính gửi¹⁰⁸: Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại:

.....

1. Thông tin chung

1.1. Người yêu cầu đăng ký

☐ Bên nhận bảo đảm

☐ Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện¹⁰⁹

1.2. Mã số tài khoản đăng ký trực tuyến (nếu có):

.....

1.3. Nhận kết quả đăng ký:

☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký

☐ Qua dịch vụ bưu chính (ghi tên và địa chỉ người nhận):

.....

.....

☐ Cách thức điện tử (nếu pháp luật quy định):

.....

☐ Cách thức khác (nếu được cơ quan đăng ký đồng ý):

¹⁰⁶ Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ.

¹⁰⁷ Phiếu yêu cầu này được sử dụng trong đăng ký bằng văn bản giấy. Trường hợp đăng ký trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 24 và khoản 5 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

¹⁰⁸ Ghi đúng tên cơ quan đăng ký có thẩm quyền. Một phiếu yêu cầu đăng ký chỉ gửi đến một cơ quan đăng ký.

¹⁰⁹ Trường hợp này, đánh dấu đồng thời ô Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện và ô Bên nhận bảo đảm.

1.4. Địa chỉ để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết:

Họ và tên:

Số điện thoại: Thư điện tử (nếu có):

2. Yêu cầu đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm ☐

2.1. Hợp đồng bảo đảm¹¹⁰:; số (nếu có):

..... Thời điểm có hiệu lực¹¹¹: ngày tháng năm

2.2. Bên bảo đảm¹¹²

Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân¹¹³/tên đầy đủ đối với tổ chức¹¹⁴ (viết chữ IN HOA):

.....

Địa chỉ:.....

Giấy tờ xác định tư cách pháp lý¹¹⁵:

☐

Chứng minh nhân dân/
Căn cước công dân/
Chứng minh quân đội

☐

Hộ chiếu

☐

Thẻ thường trú

☐

Mã số thuế

Số: do cấp ngày tháng năm

2.3. Bên nhận bảo đảm¹¹⁶

Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân¹¹⁷/tên đầy đủ đối với tổ chức¹¹⁸ (viết chữ IN HOA):

.....

Địa chỉ:

¹¹⁰ Chỉ kê khai một hợp đồng bảo đảm và các phụ lục của hợp đồng đó (nếu có).

¹¹¹ Kê khai ngày công chứng, chứng thực (áp dụng đối với hợp đồng được công chứng, chứng thực); ngày có hiệu lực theo thỏa thuận trong hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng không được công chứng, chứng thực); ngày ký hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng không được công chứng, chứng thực và các bên không có thỏa thuận về ngày có hiệu lực trong hợp đồng).

¹¹² Trường hợp gồm nhiều người thì kê khai từng người theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này.

¹¹³ Kê khai theo thông tin thể hiện trên Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; thể hiện trên Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân; thể hiện trên Hộ chiếu đối với công dân nước ngoài; thể hiện trên Thẻ thường trú đối với người không quốc tịch.

¹¹⁴ Kê khai theo thông tin thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế (áp dụng cả trong trường hợp kê khai đối với chi nhánh) đối với tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam. Kê khai theo thông tin đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đối với tổ chức mang quốc tịch nước ngoài hoặc được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài.

¹¹⁵ Kê khai thông tin về một trong các loại giấy tờ: Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân; Hộ chiếu đối với công dân nước ngoài; Thẻ thường trú đối với người không quốc tịch; Mã số thuế đối với tổ chức.

¹¹⁶ (Xem chú thích 7).

¹¹⁷ (Xem chú thích 8).

¹¹⁸ (Xem chú thích 9).

2.4. Tài sản bị xử lý

2.4.1. Mô tả tài sản bị xử lý là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

TT	Tên phương tiện, nhãn hiệu, màu sơn	Số khung	Biển số (nếu có)

2.4.2. Mô tả tài sản bảo đảm là tàu cá, phương tiện giao thông đường thủy nội địa, phương tiện giao thông đường sắt

TT	Tên phương tiện, nhãn hiệu (nếu có)	Số đăng ký (nếu có), cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký (nếu có)	Cấp phương tiện (nếu có)

2.4.3. Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh, kho hàng:

(i) Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh¹¹⁹:

Tên hàng hóa:

Giá trị hàng hóa ☐Loại hàng hóa ☐(ii) Kho hàng¹²⁰:

Địa chỉ hoặc số hiệu kho hoặc dấu hiệu khác của vị trí kho hàng

2.4.4. Cây hằng năm, công trình tạm¹²¹:

2.4.5. Quyền tài sản

Tên quyền tài sản được dùng để bảo đảm¹²²:¹¹⁹ Kê khai theo giá trị hàng hóa hoặc theo loại hàng hóa.¹²⁰ Không kê khai nhà kho, công trình xây dựng khác hoặc kho bãi được sử dụng cho việc chứa hoặc lưu trữ hàng hóa.¹²¹ Thông tin kê khai phải thể hiện được loại tài sản là cây hằng năm theo quy định của Luật Trồng trọt, là công trình tạm theo quy định của Luật Xây dựng.¹²² Có thể kê khai tên quyền cụ thể hoặc các, tất cả quyền tài sản. Quyền tài sản này không bao gồm các quyền đối với tài sản quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

(i) Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng

- Hợp đồng:; số (nếu có):

Thời điểm có hiệu lực¹²³: ngày tháng năm

- Các bên tham gia xác lập hợp đồng:

(ii) Quyền tài sản phát sinh từ căn cứ khác

- Tên căn cứ:

- Tên chủ thể ban hành căn cứ:

- Số căn cứ (nếu có):; thời điểm có hiệu lực hoặc thời điểm ký¹²⁴: ngày tháng năm

2.4.6. Chứng khoán không đăng ký tập trung¹²⁵:

.....

2.4.7. Động sản khác¹²⁶:

.....

2.5. Lý do xử lý

.....

2.6. Thời gian xử lý

.....

2.7. Địa điểm xử lý

.....

3. Yêu cầu đăng ký thay đổi thông báo xử lý tài sản bảo đảm đã đăng ký ☐

¹²³ kê khai ngày công chứng, chứng thực (áp dụng đối với hợp đồng được công chứng, chứng thực); ngày có hiệu lực theo thỏa thuận trong hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng không được công chứng, chứng thực); ngày ký hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng không được công chứng, chứng thực và các bên không có thỏa thuận về ngày có hiệu lực trong hợp đồng).

¹²⁴ kê khai ngày có hiệu lực thể hiện trên căn cứ hoặc ngày ký văn bản nếu trên căn cứ không thể hiện ngày có hiệu lực.

¹²⁵ Thông tin kê khai phải thể hiện được tài sản là chứng khoán không đăng ký tập trung, bao gồm cả chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam mà trở thành chứng khoán không đăng ký tập trung.

¹²⁶ Phạm vi kê khai tại mục này có thể là một, một số hoặc toàn bộ tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai nhưng không bao gồm tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung, các quyền đối với tài sản quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP. Trường hợp tài sản bảo đảm là động sản được lắp đặt, đặt tại hoặc đặt trên đất, nhà ở, công trình xây dựng khác thì thông tin kê khai phải thể hiện được tài sản đó là động sản.

3.1. Số đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm cần thay đổi:
3.2. Nội dung cần thay đổi:
3.3. Nội dung thay đổi:
.....
.....
4. Yêu cầu xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm ☐
Số đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm cần xóa:
5. Giấy tờ kèm theo ¹²⁷ :
.....
.....
.....
Người yêu cầu đăng ký chịu trách nhiệm trước pháp luật về trung thực trong kê khai và về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này.

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)**

*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng dấu
(nếu có)*

¹²⁷ Kê khai đầy đủ giấy tờ phải có trong hồ sơ đăng ký theo quy định của Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác.
 2. Đối với phần kê khai có lựa chọn thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng được lựa chọn.
 3. Gạch chéo đối với mục không có thông tin kê khai trên Phiếu yêu cầu đăng ký.
 4. Thông tin được kê khai, nội dung liên quan trong Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này, các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang.
 5. Trường hợp có nhiều tài sản bảo đảm khác nhau nhưng có thể kê khai chung theo tính chất, đặc điểm của các tài sản đó thì người yêu cầu đăng ký có quyền lựa chọn kê khai chung về những tài sản đó hoặc kê khai chi tiết về từng tài sản.
- Trường hợp tài sản bảo đảm tại các mục 2.4.1; 2.4.2; 2.4.3; 2.4.4; 2.4.5 là tài sản hình thành trong tương lai thì kê khai tại Mục 2.4.7, phù hợp với quy định tại Điều 45 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

5. Cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm

Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước thuộc Bộ Tư pháp (sau đây gọi là Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản).

Hồ sơ đăng ký trực tuyến có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Trường hợp không có căn cứ từ chối thì Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, giải quyết hồ sơ và trả kết quả.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc từ chối.

Trường hợp kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử thì kết quả bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả bằng bản giấy. Kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử hoặc bản giấy theo đề nghị của người yêu cầu đăng ký. Việc trả kết quả đăng ký bằng bản giấy có thể thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cách thức khác do cơ quan đăng ký và người yêu cầu đăng ký thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
- Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Qua thư điện tử.

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua thư điện tử (quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với trường hợp đăng ký thuộc thẩm quyền của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản quy định tại Điều 44 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP được áp dụng đối với người đã được cấp tài khoản đăng ký trực tuyến.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 09d tại Phụ lục (Điều 50 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

- Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Người yêu cầu đăng ký chỉ nộp văn bản này một lần cho cơ quan đăng ký, không phải nộp lại văn bản này trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp văn bản này có nội dung giao nhiệm vụ cho chi nhánh theo từng vụ việc.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm số hóa, lưu giữ văn bản này theo quy định của pháp luật để tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

- Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống đăng ký trực tuyến thì hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin bao gồm thông tin phải được kê khai trên giao diện đăng ký trực tuyến (điểm a khoản 2 Điều 50 và khoản 5 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Thời hạn giải quyết:

- *Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải*

quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước thuộc Bộ Tư pháp

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng động sản, cây hằng năm, công trình tạm

Phí, lệ phí (nếu có): 30.000 đồng/hồ sơ (*Thông tư số 61/2023/TT-BTC*)

Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, mức thu một số khoản phí, lệ phí được quy định như sau (khoản 1 Điều 1 Thông tư số 64/2025/TT-BTC):

Số TT	Tên phí, lệ phí	Mức thu
35	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, tàu bay), tàu biển	Bằng 50% mức thu phí quy định tại điểm 2 Biểu mức thu phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm ban hành kèm theo Thông tư số 61/2023/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

Mức thu phí trong Biểu nêu trên áp dụng cả đối với trường hợp sử dụng dịch vụ công trực tuyến (điểm c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 64/2025/TT-BTC).

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 trở đi, mức thu các khoản phí, lệ phí quy định tại Biểu nêu trên thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có) (khoản 2 Điều 1 Thông tư số 64/2025/TT-BTC).

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng động sản, cây hằng năm, công trình tạm (Mẫu số 09d ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Thông tin phải được kê khai thể hiện trên giao diện đăng ký trực tuyến của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống đăng ký trực tuyến (điểm a khoản 2 Điều 50 và khoản 5 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.

- Thông tư số 61/2023/TT-BTC ngày 28/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

* Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN
 VỀ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG ĐỘNG SẢN,
 CÂY HẰNG NĂM, CÔNG TRÌNH TẠM¹²⁹**

Kính gửi¹³⁰: Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại:
 ...

PHẦN GHI CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ

Số tiếp nhận:

Thời điểm tiếp nhận: giờ phút,
 ngày tháng năm

Người tiếp nhận

(Ký và ghi rõ họ, tên)

1. Người yêu cầu cung cấp thông tin

1.1. Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân/tên đầy đủ của tổ chức (viết chữ IN HOA):

.....

1.2. Địa chỉ liên hệ:

.....

1.3. Mã số tài khoản đăng ký trực tuyến (nếu có):

1.4. Người đề cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết:

Họ và tên: Số điện thoại: Thư điện tử (nếu có):

2. Yêu cầu cung cấp thông tin theo giấy tờ xác định tư cách pháp lý của bên bảo đảm:¹³¹

☐ Chứng minh nhân dân/
 Căn cước công dân/
 Chứng minh quân đội

☐ Hộ chiếu

☐ Thẻ thường trú

☐ Mã số thuế

Số:

¹²⁸ Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ.

¹²⁹ Phiếu yêu cầu này được sử dụng trong yêu cầu cung cấp thông tin bằng văn bản giấy. Trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin qua hệ thống đăng ký trực tuyến áp dụng theo quy định tại Điều 24 và khoản 5 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

¹³⁰ Ghi đúng tên cơ quan đăng ký có thẩm quyền.

¹³¹ Khai theo thông tin thể hiện trên Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân; Hộ chiếu đối với công dân nước ngoài; Thẻ thường trú đối với người không quốc tịch; Mã số thuế đối với tổ chức thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Yêu cầu cung cấp thông tin theo tên của bên bảo đảm là tổ chức nước ngoài:

Tên đầy đủ của tổ chức (viết chữ IN HOA):

.....

Địa chỉ liên hệ:

.....

4. Yêu cầu cung cấp thông tin theo số khung của phương tiện giao thông cơ giới:

.....

5. Yêu cầu cung cấp thông tin theo số đăng ký biện pháp bảo đảm:**6. Cách thức nhận kết quả cung cấp thông tin**☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký☐ Qua dịch vụ bưu chính (theo tên và địa chỉ kê khai tại Mục I của Phiếu yêu cầu này)☐ Cách thức điện tử (nếu pháp luật quy định) :.....☐ Cách thức khác (nếu được cơ quan đăng ký đồng ý):

.....

NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN**(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)***Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu có)*

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác.
2. Đối với phần kê khai có lựa chọn thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng được lựa chọn.
3. Gạch chéo đối với mục không có thông tin kê khai trên Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin.
4. Thông tin được kê khai, nội dung liên quan trong Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này, các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu cung cấp thông tin phải ký nháy vào từng trang.

6. Cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm

Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước thuộc Bộ Tư pháp (sau đây gọi là Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản).

Hồ sơ đăng ký trực tuyến có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Trường hợp không có căn cứ từ chối thì Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, giải quyết hồ sơ và trả kết quả.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc từ chối.

Trường hợp kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử thì kết quả bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả bằng bản giấy. Kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử hoặc bản giấy theo đề nghị của người yêu cầu đăng ký. Việc trả kết quả đăng ký bằng bản giấy có thể thực hiện trực tiếp tại cơ quan đăng ký, qua dịch vụ bưu chính hoặc qua cách thức khác do cơ quan đăng ký và người yêu cầu đăng ký thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
- Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Qua thư điện tử.

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua thư điện tử (quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với trường hợp đăng ký thuộc thẩm quyền của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản quy định tại Điều 44 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP được áp dụng đối với người đã được cấp tài khoản đăng ký trực tuyến.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 08d tại Phụ lục (Điều 22 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

- Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Người yêu cầu đăng ký chỉ nộp văn bản này một lần cho cơ quan đăng ký, không phải nộp lại văn bản này trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp văn bản này có nội dung giao nhiệm vụ cho chi nhánh theo từng vụ việc.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm số hóa, lưu giữ văn bản này theo quy định của pháp luật để tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

- Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp nộp qua hệ thống đăng ký trực tuyến thì hồ sơ bao gồm thông tin phải được kê khai thể hiện trên giao diện đăng ký trực tuyến (Điều 22, khoản 5 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Thời hạn giải quyết:

- *Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).*

- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước thuộc Bộ Tư pháp

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản sao văn bản chứng nhận đăng ký

Phí, lệ phí (nếu có): 25.000 đồng/trường hợp (*Thông tư số 61/2023/TT-BTC*)

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký (Mẫu số 08d ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Thông tin phải được kê khai thể hiện trên giao diện đăng ký trực tuyến của Cục Đăng ký giao dịch bảo đảm và Bồi thường nhà nước trong trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống đăng ký trực tuyến (Điều 22, khoản 5 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- *Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.*

- Thông tư số 61/2023/TT-BTC ngày 28/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

* Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**PHIẾU YÊU CẦU CẤP BẢN SAO VĂN BẢN
 CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ¹³³**

PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Số tiếp nhận:

Thời điểm tiếp nhận: giờ phút,
 ngày tháng năm

Người tiếp nhận

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Kính gửi¹³⁴: Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản
 tại:.....

1. Người yêu cầu cấp bản sao

Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân/tên đầy đủ đối với tổ chức (viết chữ IN HOA):

Mã số tài khoản đăng ký trực tuyến (nếu có):

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại: Thư điện tử (nếu có):

2. Yêu cầu cấp bản sao Văn bản chứng nhận đăng ký:

TT	Số đăng ký	Số lượng bản sao yêu cầu cung cấp

3. Cách thức nhận bản sao¹³⁵:

- ☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký
- ☐ Qua dịch vụ bưu chính (theo tên và địa chỉ kê khai tại Mục 2 Phiếu yêu cầu này)
- ☐ Cách thức điện tử (nếu pháp luật quy định):
- ☐ Cách thức khác (nếu được cơ quan đăng ký đồng ý):

¹³² Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ.

¹³³ Phiếu yêu cầu này được sử dụng trong yêu cầu cấp bản sao Văn bản chứng nhận đăng ký bằng văn bản giấy. Trường hợp yêu cầu cấp bản sao Văn bản chứng nhận đăng ký qua hệ thống đăng ký trực tuyến áp dụng theo quy định tại Điều 24 và khoản 5 Điều 46 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

¹³⁴ Ghi đúng tên cơ quan đăng ký có thẩm quyền.

¹³⁵ Đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng được lựa chọn.

**NGƯỜI YÊU CẦU CẤP BẢN SAO
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)**

*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
đóng dấu (nếu có)*

B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai (sau đây gọi là Văn phòng đăng ký đất đai).

Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (gọi chung là Bộ phận Một cửa) thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ. Hồ sơ đăng ký trực tuyến có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Bản gốc Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là thành phần hồ sơ đăng ký quy định tại các điều từ Điều 27 đến Điều 31 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP hoặc được quy định tại Điều 36 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP được thay thế bằng việc khai thác, sử dụng thông tin tương ứng từ cơ sở dữ liệu đất đai mà không phải nộp trong hồ sơ đăng ký. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận trong cơ sở dữ liệu đất đai theo nguyên tắc quy định tại khoản 5a Điều 5 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2026/NĐ-CP).

Trường hợp không có căn cứ từ chối đăng ký quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP thì Văn phòng đăng ký đất đai cập nhật nội dung đăng ký và thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm) vào Cơ sở dữ liệu hoặc ghi, cập nhật nội dung đăng ký và thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm) đối với tài sản gắn liền với đất quy định tại điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP vào Sổ đăng ký theo đúng thứ tự tiếp nhận hồ sơ; chứng nhận nội dung đăng ký và thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm) vào Phiếu yêu cầu đăng ký.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác để thay thế cho giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký thì cơ quan đăng ký yêu cầu người yêu cầu đăng ký nộp giấy tờ tương ứng thuộc thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP để giải quyết việc đăng ký.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc từ chối.

- Cơ quan đăng ký trả kết quả. Trường hợp nộp hồ sơ thông qua Bộ phận Một cửa thì Bộ phận Một cửa trả kết quả cho người yêu cầu đăng ký.

Trường hợp kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử thì kết quả bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả bằng bản giấy.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
- Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Qua thư điện tử.

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua hệ thống đăng ký trực tuyến, qua thư điện tử (quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được chứng nhận quyền sở hữu (Điều 27 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP):

+ Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 01a tại Phụ lục (01 bản chính) (khoản 1 Điều 27 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

+ Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng bảo đảm có công chứng, chứng thực trong trường hợp Luật Đất đai, Luật Nhà ở, luật khác có liên quan quy định (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (khoản 2 Điều 27 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

+ Giấy chứng nhận (bản gốc), trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 3 Điều 27 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Bản gốc Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là thành phần hồ sơ đăng ký quy định tại Điều 27 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP hoặc được quy định tại Điều 36 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP được thay thế bằng việc khai thác, sử dụng thông tin tương ứng từ cơ sở dữ liệu đất đai mà không phải nộp trong hồ sơ đăng ký.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác để thay thế cho giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký thì cơ

quan đăng ký yêu cầu người yêu cầu đăng ký nộp giấy tờ tương ứng thuộc thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP để giải quyết việc đăng ký.

- Hồ sơ đăng ký đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, dự án đầu tư xây dựng công trình không phải là nhà ở bao gồm (*khoản 1 Điều 28 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*):

+ Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 01a tại Phụ lục (01 bản chính) (*khoản 1 Điều 27 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng bảo đảm có công chứng, chứng thực trong trường hợp Luật Đất đai, Luật Nhà ở, luật khác có liên quan quy định (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*khoản 2 Điều 27 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Giấy chứng nhận (bản gốc) hoặc Quyết định giao đất, cho thuê đất do cơ quan có thẩm quyền cấp cho chủ đầu tư trong trường hợp tài sản bảo đảm là dự án đầu tư xây dựng nhà ở mà chưa có Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất (01 bản chính); Giấy chứng nhận (bản gốc) trong trường hợp tài sản bảo đảm là dự án đầu tư xây dựng công trình không phải là nhà ở (*điểm b khoản 1 Điều 28 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

Bản gốc Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là thành phần hồ sơ đăng ký quy định tại Điều 28 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP hoặc được quy định tại Điều 36 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP được thay thế bằng việc khai thác, sử dụng thông tin tương ứng từ cơ sở dữ liệu đất đai mà không phải nộp trong hồ sơ đăng ký.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác để thay thế cho giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký thì cơ quan đăng ký yêu cầu người yêu cầu đăng ký nộp giấy tờ tương ứng thuộc thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP để giải quyết việc đăng ký.

+ Giấy phép xây dựng, trừ trường hợp được miễn giấy phép xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*điểm c khoản 1 Điều 28 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư dự án hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ về việc chấp thuận, cho phép thực hiện dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*điểm d khoản 1 Điều 28 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Một trong các loại bản vẽ thiết kế theo quy định của pháp luật về xây dựng thể hiện được mặt bằng công trình của dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*điểm đ khoản 1 Điều 28 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Hồ sơ đăng ký đối với dự án đầu tư nông nghiệp, dự án phát triển rừng, dự án khác có sử dụng đất không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm (*khoản 2 Điều 28 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*):

+ Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 01a tại Phụ lục (01 bản chính) (*khoản 1 Điều 27 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng bảo đảm có công chứng, chứng thực trong trường hợp Luật Đất đai, Luật Nhà ở, luật khác có liên quan quy định (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*khoản 2 Điều 27 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư dự án hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ về việc chấp thuận, cho phép thực hiện dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*điểm d khoản 1 Điều 28 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Giấy chứng nhận (bản gốc).

Bản gốc Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là thành phần hồ sơ đăng ký quy định tại Điều 28 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP hoặc được quy định tại Điều 36 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP được thay thế bằng việc khai thác, sử dụng thông tin tương ứng từ cơ sở dữ liệu đất đai mà không phải nộp trong hồ sơ đăng ký.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác để thay thế cho giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký thì cơ quan đăng ký yêu cầu người yêu cầu đăng ký nộp giấy tờ tương ứng thuộc thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP để giải quyết việc đăng ký.

- Hồ sơ đăng ký đối với nhà ở, công trình xây dựng không phải là nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà ở; công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình không phải là nhà ở, dự án đầu tư nông nghiệp, dự án phát triển rừng, dự án khác có sử dụng đất: Trường hợp bên bảo đảm là chủ đầu tư đồng thời là người sử dụng đất, hồ sơ đăng ký bao gồm (*khoản 1 Điều 29 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*):

+ Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 01a tại Phụ lục (01 bản chính) (*khoản 1 Điều 27 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng bảo đảm có công chứng, chứng thực trong trường hợp Luật Đất đai, Luật Nhà ở, luật khác có liên quan quy định (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*khoản 2 Điều 27 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Giấy chứng nhận (bản gốc) hoặc Quyết định giao đất, cho thuê đất do cơ quan có thẩm quyền cấp cho chủ đầu tư trong trường hợp tài sản bảo đảm là dự án đầu tư xây dựng nhà ở mà chưa có Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất (01 bản chính); Giấy chứng nhận (bản gốc) trong trường hợp tài sản bảo đảm là dự án đầu tư xây dựng công trình không phải là nhà ở (*điểm b khoản 1 Điều 28 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

Bản gốc Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là thành phần hồ sơ đăng ký quy định tại Điều 28, Điều 29 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP hoặc được quy định tại Điều 36 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP được thay thế bằng việc khai thác, sử dụng thông tin tương ứng từ cơ sở dữ liệu đất đai mà không phải nộp trong hồ sơ đăng ký.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác để thay thế cho giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký thì cơ quan đăng ký yêu cầu người yêu cầu đăng ký nộp giấy tờ tương ứng thuộc thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP để giải quyết việc đăng ký.

+ Giấy phép xây dựng (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) đối với tài sản bảo đảm là nhà ở hình thành trong tương lai, công trình xây dựng hình thành trong tương lai, trừ trường hợp được miễn giấy phép xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng; một trong các loại bản vẽ thiết kế theo quy định của pháp luật về xây dựng thể hiện được mặt bằng của công trình xây dựng trong dự án đó đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Hồ sơ đăng ký đối với nhà ở, công trình xây dựng không phải là nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà ở; công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình không phải là nhà ở, dự án đầu tư nông nghiệp, dự án phát triển rừng, dự án khác có sử dụng đất: Trường hợp bên bảo đảm là chủ đầu tư mà không đồng thời là người sử dụng đất, hồ sơ đăng ký bao gồm (*khoản 2 Điều 29 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*):

+ Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 01a tại Phụ lục (01 bản chính) (*khoản 1 Điều 27 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng bảo đảm có công chứng, chứng thực trong trường hợp Luật Đất đai, Luật Nhà ở, luật khác có liên quan quy định (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*khoản 2 Điều 27 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định đầu tư dự án hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ về việc chấp thuận, cho phép thực hiện dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*điểm d khoản 1 Điều 28 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Giấy phép xây dựng (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) đối với tài sản bảo đảm là nhà ở hình thành trong tương lai, công trình xây dựng hình thành trong tương lai, trừ trường hợp được miễn giấy phép xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng; một trong các loại bản vẽ thiết kế theo quy định của pháp luật về xây dựng thể hiện được mặt bằng của công trình xây dựng trong dự án đó đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Văn bản thỏa thuận có công chứng, chứng thực giữa người sử dụng đất và chủ đầu tư về việc người sử dụng đất đồng ý cho việc thực hiện dự án (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*điểm b khoản 2 Điều 29 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Hồ sơ đăng ký đối với nhà ở, công trình xây dựng không phải là nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà ở; công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình không phải là nhà ở, dự án đầu tư nông nghiệp, dự án phát triển rừng, dự án khác có sử dụng đất: Trường hợp bên bảo đảm là tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao hợp pháp quyền sở hữu tài sản hình thành trong tương lai hoặc là bên nhận chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở, công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất, hồ sơ đăng ký bao gồm (*khoản 3 Điều 29 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*):

+ Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 01a tại Phụ lục (01 bản chính) (*khoản 1 Điều 27 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng bảo đảm có công chứng, chứng thực trong trường hợp Luật Đất đai, Luật Nhà ở, luật khác có liên quan quy định (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*khoản 2 Điều 27 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Hợp đồng hoặc văn bản có nội dung về chuyển giao hợp pháp quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất được ký kết giữa bên bảo đảm với chủ đầu tư; hợp đồng hoặc văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở, công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất trong trường hợp bên bảo đảm là bên nhận chuyển nhượng hợp đồng (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*điểm b khoản 3 Điều 29 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Hồ sơ đăng ký đối với nhà ở hình thành trong tương lai, tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai không thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà ở, dự án đầu tư xây dựng công trình không phải là nhà ở, dự án đầu tư nông nghiệp, dự án phát triển rừng, dự án khác có sử dụng đất: Trường hợp bên bảo đảm đồng thời là người sử dụng đất, hồ sơ đăng ký bao gồm (khoản 1 Điều 30 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP):

+ Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 01a tại Phụ lục (01 bản chính) (*khoản 1 Điều 27 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng bảo đảm có công chứng, chứng thực trong trường hợp Luật Đất đai, Luật Nhà ở, luật khác có liên quan quy định (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*khoản 2 Điều 27 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất (bản gốc) (*điểm b khoản 1 Điều 30 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

Bản gốc Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là thành phần hồ sơ đăng ký quy định tại Điều 30 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP hoặc được quy định tại Điều 36 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP được thay thế bằng việc khai thác, sử dụng thông tin tương ứng từ cơ sở dữ liệu đất đai mà không phải nộp trong hồ sơ đăng ký.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác để thay thế cho giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký thì cơ quan đăng ký yêu cầu người yêu cầu đăng ký nộp giấy tờ tương ứng thuộc thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP để giải quyết việc đăng ký.

+ Giấy phép xây dựng (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) đối với trường hợp thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai, công trình xây dựng hình thành trong tương lai, trừ trường hợp được miễn giấy phép theo quy định của Luật Xây dựng (*điểm c khoản 1 Điều 30 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Hồ sơ đăng ký đối với nhà ở hình thành trong tương lai, tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai không thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà ở, dự án đầu tư xây dựng công trình không phải là nhà ở, dự án đầu tư nông nghiệp, dự án phát triển

rừng, dự án khác có sử dụng đất: Trường hợp bên bảo đảm không đồng thời là người sử dụng đất, hồ sơ đăng ký bao gồm (khoản 2 Điều 30 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP):

+ Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 01a tại Phụ lục (01 bản chính) (*khoản 1 Điều 27 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng bảo đảm có công chứng, chứng thực trong trường hợp Luật Đất đai, Luật Nhà ở, luật khác có liên quan quy định (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*khoản 2 Điều 27 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Giấy phép xây dựng (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) đối với trường hợp thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai, công trình xây dựng hình thành trong tương lai, trừ trường hợp được miễn giấy phép theo quy định của Luật Xây dựng (*điểm c khoản 1 Điều 30 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Văn bản thỏa thuận có công chứng, chứng thực giữa người sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất về việc người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng, tạo lập nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*điểm b khoản 2 Điều 30 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- *Hồ sơ đăng ký đối với tài sản gắn liền với đất không thuộc trường hợp đăng ký tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc thuộc trường hợp đăng ký tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai mà không phải là nhà ở nhưng chưa được đăng ký quyền sở hữu theo yêu cầu (Điều 31 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP):*

+ Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 01a tại Phụ lục (01 bản chính) (*khoản 1 Điều 27 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng bảo đảm có công chứng, chứng thực trong trường hợp Luật Đất đai, Luật Nhà ở, luật khác có liên quan quy định (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*khoản 2 Điều 27 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

+ Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất (bản gốc) hoặc văn bản thỏa thuận có công chứng, chứng thực giữa người sử dụng đất và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất về việc người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng, tạo lập tài sản gắn liền với đất trong trường hợp bên bảo đảm không đồng thời là người sử dụng đất (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*khoản 2 Điều 31 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

Bản gốc Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là thành phần hồ sơ đăng ký quy định tại Điều 31 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP hoặc được quy định tại Điều 36 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP được thay thế bằng việc khai thác, sử dụng thông tin tương ứng từ cơ sở dữ liệu đất đai mà không phải nộp trong hồ sơ đăng ký.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác để thay thế cho giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký thì cơ quan đăng ký yêu cầu người yêu cầu đăng ký nộp giấy tờ tương ứng thuộc thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP để giải quyết việc đăng ký.

+ Giấy phép xây dựng (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) trong trường hợp tài sản bảo đảm là công trình xây dựng, trừ trường hợp được miễn giấy phép theo quy định của Luật Xây dựng (*khoản 3 Điều 31 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Người yêu cầu đăng ký chỉ nộp văn bản này một lần cho cơ quan đăng ký, không phải nộp lại văn bản này trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp văn bản này có nội dung giao nhiệm vụ cho chi nhánh theo từng vụ việc.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm số hóa, lưu giữ văn bản này theo quy định của pháp luật để tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

- Trường hợp được miễn nghĩa vụ nộp phí, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) thì người yêu cầu đăng ký có quyền lựa chọn cung cấp một trong giấy tờ, tài liệu sau đây vào trong hồ sơ đăng ký: Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng tín dụng hoặc văn bản khác có thông tin về việc thuộc diện được miễn nghĩa vụ nộp phí đăng ký, thanh toán

giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu). Việc nộp giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP chỉ thực hiện một lần trong đăng ký cùng một biện pháp bảo đảm (khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Thời hạn giải quyết:

- *Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký* trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, *đặc khu, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (gọi chung là Bộ phận một cửa)* thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.

- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

+ Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

+ Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 01a ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Phí, lệ phí (nếu có): Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động đăng ký do cơ quan địa phương thực hiện (STT XII.8 Phần A Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí năm 2015)

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 01a ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- *Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.*

* Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc , ngày tháng năm PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT Kính gửi¹³⁷:	PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ Vào Sổ tiếp nhận hồ sơ: <i>Quyển số</i> <i>Số thứ tự</i> Người tiếp nhận <i>(Ký và ghi rõ họ, tên)</i>
---	--

PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI YÊU CẦU ĐĂNG KÝ	
1. Người yêu cầu đăng ký¹³⁸ ☐ Bên nhận bảo đảm ☐ Quản tài viên¹³⁹/Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản ☐ Bên bảo đảm ☐ Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện¹⁴⁰ Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân¹⁴¹/tên đầy đủ đối với tổ chức¹⁴²: <i>(viết chữ IN HOA)</i> Địa chỉ để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết: Họ và tên: Số điện thoại: Fax <i>(nếu có)</i>: Thư điện tử <i>(nếu có)</i>:	
2. Hợp đồng bảo đảm:; số <i>(nếu có)</i>: Thời điểm có hiệu lực¹⁴³: ngày tháng năm	
3. Bên bảo đảm¹⁴⁴ 3.1. Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân¹⁴⁵/tên đầy đủ đối với tổ chức¹⁴⁶: <i>(viết chữ IN HOA)</i> 	

¹³⁶ Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ.

¹³⁷ Ghi đúng tên cơ quan đăng ký có thẩm quyền. Một Phiếu yêu cầu đăng ký chỉ gửi đến một cơ quan đăng ký.

¹³⁸ Trường hợp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ liên quan đến tài sản thuộc doanh nghiệp tư nhân thì kê khai người yêu cầu đăng ký theo quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

¹³⁹ Kê khai thêm chức danh, số Chứng chỉ hành nghề, cơ quan cấp và ngày, tháng, năm cấp Chứng chỉ.

¹⁴⁰ Trường hợp này, đánh dấu đồng thời ô Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện và ô Bên bảo đảm hoặc ô Bên nhận bảo đảm là pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh hoặc của người được đại diện.

¹⁴¹ Kê khai theo thông tin thể hiện trên Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân; Hộ chiếu đối với công dân nước ngoài; Thẻ thường trú đối với người không quốc tịch.

¹⁴² Kê khai theo thông tin thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế (áp dụng cả trong trường hợp kê khai đối với chi nhánh).

¹⁴³ Kê khai ngày công chứng, chứng thực (áp dụng đối với hợp đồng được công chứng, chứng thực); ngày có hiệu lực theo thỏa thuận trong hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng không được công chứng, chứng thực); ngày ký hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng không được công chứng, chứng thực và các bên không có thỏa thuận về ngày có hiệu lực trong hợp đồng).

¹⁴⁴ Trường hợp gồm nhiều người thì kê khai từng người theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này.

¹⁴⁵ (Xem chú thích 6).

¹⁴⁶ (Xem chú thích 7).

3.2. Địa chỉ:

3.3. Giấy tờ xác định tư cách pháp lý¹⁴⁷:☐ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Chứng minh quân đội☐ Hộ chiếu ☐ Thẻ thường trú☐ Mã số thuế

Số:

Cơ quan cấp:, ngày tháng năm

3.4. Thuộc đối tượng không phải nộp phí đăng ký ☐

3.5. Số điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có):..... Thư điện tử (nếu có):

4. Bên nhận bảo đảm¹⁴⁸4.1. Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân¹⁴⁹/tên đầy đủ đối với tổ chức¹⁵⁰: (viết chữ IN HOA)

4.2. Địa chỉ:

4.3. Giấy tờ xác định tư cách pháp lý¹⁵¹:☐ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Chứng minh quân đội☐ Mã số thuế

Số:

Cơ quan cấp:, ngày tháng năm.....

4.4. Số điện thoại (nếu có): Fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có):

5. Mô tả tài sản bảo đảm¹⁵²**5.1. Quyền sử dụng đất ☐**

(i) Thửa đất số:; Tờ bản đồ số (nếu có):

Mục đích sử dụng đất:

Thời hạn sử dụng đất:

(ii) Địa chỉ thửa đất:

¹⁴⁷ Kê khai thông tin về một trong các loại giấy tờ: Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân; Hộ chiếu đối với công dân nước ngoài; Thẻ thường trú đối với người không quốc tịch; Mã số thuế đối với tổ chức.

¹⁴⁸ (Xem chú thích 9).

¹⁴⁹ Kê khai theo thông tin thể hiện trên Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân.

¹⁵⁰ (Xem chú thích 7).

¹⁵¹ Kê khai thông tin về một trong các loại giấy tờ: Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân; Mã số thuế đối với tổ chức.

¹⁵² Trường hợp có nhiều tài sản bảo đảm thì kê khai từng tài sản theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này. Trường hợp tài sản bảo đảm có Giấy chứng nhận thì kê khai thông tin theo Giấy chứng nhận; trường hợp thông tin về tài sản trên Giấy chứng nhận khác với thông tin về tài sản được lưu giữ tại cơ quan đăng ký thì việc kê khai thông tin thực hiện phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 5, điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 15, khoản 8 Điều 25, khoản 3 Điều 36 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

(iii) Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất

Tên Giấy chứng nhận:

Số phát hành:, số vào sổ cấp giấy:

Cơ quan cấp:, ngày tháng năm

5.2. Tài sản gắn liền với đất đã được chứng nhận quyền sở hữu ☐

(i) Giấy chứng nhận

Tên Giấy chứng nhận:

Số phát hành:, số vào sổ cấp giấy:

Cơ quan cấp:, ngày tháng năm

(ii) Số của thửa đất nơi có tài sản:; Tờ bản đồ số (nếu có):

5.3. Dự án đầu tư xây dựng nhà ở, dự án đầu tư xây dựng công trình không phải là nhà ở, dự án đầu tư nông nghiệp, dự án phát triển rừng, dự án khác có sử dụng đất ☐

(i) Giấy chứng nhận

Tên Giấy chứng nhận:

Số phát hành:, số vào sổ cấp giấy:

Cơ quan cấp:, ngày tháng năm

(ii) Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền (đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chưa được cấp Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất)

Tên Quyết định:

Số:

Cơ quan cấp:, ngày tháng năm

(iii) Số của thửa đất nơi có dự án:; Tờ bản đồ số (nếu có):

(iv) Tên dự án:

Căn cứ pháp lý xác lập dự án¹⁵³:

5.4. Nhà ở hình thành trong tương lai, tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai ☐

5.4.1. Bên bảo đảm đồng thời là người sử dụng đất ☐

(i) Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất

Tên Giấy chứng nhận:

Số phát hành:, số vào sổ cấp giấy:

Cơ quan cấp:, ngày tháng năm

(ii) Số của thửa đất nơi có tài sản:; Tờ bản đồ số (nếu có):

(iii) Mô tả nhà ở hình thành trong tương lai, tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai:

¹⁵³ Kê khai theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 28 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

5.4.2. Bên bảo đảm không đồng thời là người sử dụng đất ☐

(i) Số của thửa đất nơi có tài sản:; Tờ bản đồ số (nếu có):

(ii) Mô tả nhà ở hình thành trong tương lai, tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai:

5.5. Tài sản khác gắn liền với đất không thuộc trường hợp đăng ký tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc thuộc trường hợp đăng ký tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai mà không phải là nhà ở nhưng chưa được đăng ký quyền sở hữu theo yêu cầu ☐

5.5.1. Bên bảo đảm đồng thời là người sử dụng đất ☐

(i) Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất:

Tên Giấy chứng nhận:

Số phát hành:, số vào sổ cấp giấy:

Cơ quan cấp:, ngày tháng năm

(ii) Số của thửa đất nơi có tài sản gắn liền với đất:; Tờ bản đồ số (nếu có):

(iii) Mô tả tài sản gắn liền với đất:

5.5.2. Bên bảo đảm không đồng thời là người sử dụng đất ☐

(i) Số của thửa đất nơi có tài sản gắn liền với đất:; Tờ bản đồ số (nếu có):

(ii) Mô tả tài sản gắn liền với đất:

6. Giấy tờ kèm theo¹⁵⁴:

7. Cách thức nhận kết quả đăng ký

☐ Nhận trực tiếp tại cơ quan đăng ký

☐ Nhận qua dịch vụ bưu chính (ghi rõ tên và địa chỉ người nhận):

☐ Cách thức điện tử (nếu pháp luật quy định):

☐ Cách thức khác (nếu được cơ quan đăng ký đồng ý):

Người yêu cầu đăng ký chịu trách nhiệm trước pháp luật về trung thực trong kê khai và về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này.

¹⁵⁴ Kê khai đầy đủ giấy tờ phải có trong hồ sơ đăng ký phù hợp với từng tài sản bảo đảm theo quy định tương ứng tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

BÊN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)

*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
đóng dấu (nếu có)*

BÊN NHẬN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)

*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
đóng dấu (nếu có)*

QUẢN TÀI VIÊN/DOANH NGHIỆP
QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)

Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu có)

PHẦN CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Cơ quan đăng ký có thẩm quyền:.....
Chứng nhận biện pháp bảo đảm bằng đã được
đăng ký theo nội dung kê khai tại Phiếu yêu cầu này tại thời điểm giờ phút, ngày..... tháng
năm

....., ngày tháng năm

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

(Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác.
2. Đối với phần kê khai có lựa chọn thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng được lựa chọn.
3. Gạch chéo đối với mục không có thông tin kê khai trên Phiếu yêu cầu đăng ký.
4. Thông tin được kê khai, nội dung liên quan trong Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này, các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang.
5. Đối với nội dung tại điểm 5.4.1 (iii), 5.4.2 (ii), 5.5.1 (iii), 5.5.2 (ii) thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký, kê khai:
 - Nhà ở riêng lẻ: Loại nhà (nhà biệt thự/nhà liền kề/nhà ở riêng lẻ khác), địa chỉ nhà;
 - Tòa nhà chung cư: Tên của tòa nhà, tổng số căn hộ, địa chỉ tòa nhà;
 - Căn hộ chung cư: Số của căn hộ, tầng số của căn hộ, địa chỉ tòa nhà chung cư;
 - Công trình xây dựng không phải là nhà ở: Loại công trình, tên hạng mục công trình, địa chỉ công trình;
 - Rừng sản xuất là rừng trồng, cây lâu năm: Loại cây rừng, loại cây lâu năm, địa chỉ nơi có cây rừng, cây lâu năm;
 - Công trình xây dựng là khách sạn, căn hộ - khách sạn, văn phòng lưu trú, biệt thự du lịch nghỉ dưỡng, căn hộ du lịch nghỉ dưỡng, nhà nghỉ du lịch và công trình khác (công trình phục vụ mục đích lưu trú, du lịch) trên đất thương mại, dịch vụ: Kê khai trong trường hợp pháp luật về đất đai, pháp luật khác liên quan có quy định và tại mục tương ứng trong kê khai nhà ở, tòa nhà chung cư, căn hộ chung cư, công trình xây dựng khác.

2. Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai (sau đây gọi là Văn phòng đăng ký đất đai).

Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (gọi chung là Bộ phận Một cửa) thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ. Hồ sơ đăng ký trực tuyến có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Bản gốc Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là thành phần hồ sơ đăng ký quy định tại Điều 32 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP hoặc được quy định tại Điều 36 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP được thay thế bằng việc khai thác, sử dụng thông tin tương ứng từ cơ sở dữ liệu đất đai mà không phải nộp trong hồ sơ đăng ký. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận trong cơ sở dữ liệu đất đai theo nguyên tắc quy định tại khoản 5a Điều 5 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2026/NĐ-CP).

Trường hợp không có căn cứ từ chối đăng ký quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP thì Văn phòng đăng ký đất đai cập nhật nội dung đăng ký và thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm) vào Cơ sở dữ liệu hoặc ghi, cập nhật nội dung đăng ký và thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm) đối với tài sản gắn liền với đất quy định tại điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP vào Sổ đăng ký theo đúng thứ tự tiếp nhận hồ sơ; chứng nhận nội dung đăng ký và thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm) vào Phiếu yêu cầu đăng ký.

Trường hợp đăng ký thay đổi do rút bớt tài sản bảo đảm thì Văn phòng đăng ký đất đai cập nhật nội dung xóa đăng ký đối với tài sản được rút bớt vào Cơ sở dữ liệu.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác để thay thế cho giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký thì cơ quan đăng ký yêu cầu người yêu cầu đăng ký nộp giấy tờ tương ứng thuộc thành phần

hồ sơ đăng ký theo quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP để giải quyết việc đăng ký.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc từ chối.

- Cơ quan đăng ký trả kết quả. Trường hợp nộp hồ sơ thông qua Bộ phận Một cửa thì Bộ phận Một cửa trả kết quả cho người yêu cầu đăng ký.

Trường hợp kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử thì kết quả bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả bằng bản giấy.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
- Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Qua thư điện tử.

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua hệ thống đăng ký trực tuyến, qua thư điện tử (quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 02a tại Phụ lục (01 bản chính) (khoản 1 Điều 32 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm trong trường hợp đăng ký thay đổi theo thỏa thuận trong văn bản này (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (điểm a khoản 2 Điều 32 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Văn bản chuyển giao quyền đòi nợ, chuyển giao nghĩa vụ trong trường hợp đăng ký thay đổi do chuyển giao quyền đòi nợ, chuyển giao nghĩa vụ (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (điểm b khoản 2 Điều 32 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Văn bản khác chứng minh có căn cứ đăng ký thay đổi đối với trường hợp không thuộc điểm a và điểm b khoản 2 Điều 32 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (điểm c khoản 2 Điều 32 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Giấy chứng nhận (bản gốc) trong trường hợp tài sản bảo đảm có Giấy chứng nhận (khoản 3 Điều 32 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Bản gốc Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là thành phần hồ sơ đăng ký quy định tại Điều 32 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP hoặc được quy định tại Điều 36 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP được thay thế bằng việc khai thác, sử dụng thông tin tương ứng từ cơ sở dữ liệu đất đai mà không phải nộp trong hồ sơ đăng ký.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác để thay thế cho giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký thì cơ quan đăng ký yêu cầu người yêu cầu đăng ký nộp giấy tờ tương ứng thuộc thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP để giải quyết việc đăng ký.

- Trường hợp đăng ký thay đổi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP thì ngoài giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, hồ sơ đăng ký còn có thêm Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với nhà ở, công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất trong trường hợp tài sản này đã được cấp Giấy chứng nhận (khoản 4 Điều 32 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Bản gốc Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là thành phần hồ sơ đăng ký quy định tại Điều 32 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP hoặc được quy định tại Điều 36 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP được thay thế bằng việc khai thác, sử dụng thông tin tương ứng từ cơ sở dữ liệu đất đai mà không phải nộp trong hồ sơ đăng ký.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác để thay thế cho giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký thì cơ quan đăng ký yêu cầu người yêu cầu đăng ký nộp giấy tờ tương ứng thuộc thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP để giải quyết việc đăng ký.

- Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Người yêu cầu đăng ký chỉ nộp văn bản này một lần cho cơ quan đăng ký, không phải nộp lại văn bản này trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp văn bản này có nội dung giao nhiệm vụ cho chi nhánh theo từng vụ việc.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm số hóa, lưu giữ văn bản này theo quy định của pháp luật để tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

- Trường hợp được miễn nghĩa vụ nộp phí, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) thì người yêu cầu đăng ký có quyền lựa chọn cung cấp một trong giấy tờ, tài liệu sau đây vào trong hồ sơ đăng ký: Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng tín dụng hoặc văn bản khác có thông tin về việc thuộc diện được miễn nghĩa vụ nộp phí đăng ký, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu). Việc nộp giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP chỉ thực hiện một lần trong đăng ký cùng một biện pháp bảo đảm (khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam hoặc chủ thể khác trở thành bên nhận bảo đảm mới mà thuộc diện không phải đăng ký thay đổi bên nhận bảo đảm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP là người yêu cầu đăng ký thì văn bản có căn cứ hoặc có nội dung về xác định bên nhận bảo đảm mới là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 6 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp thay đổi bên nhận bảo đảm quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP liên quan đến nhiều biện pháp bảo đảm đã được đăng ký mà có cùng một bên nhận bảo đảm thì người yêu cầu đăng ký nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký thay đổi và 01 Danh mục văn bản được kê khai theo Mẫu số 01đ hoặc Mẫu số 02đ tại Phụ lục tương ứng với biện pháp bảo đảm được đăng ký thay đổi (khoản 3 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Thời hạn giải quyết:

- *Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký* trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, *đặc khu, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (gọi chung là Bộ phận một cửa)* thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.

- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

+ Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

+ Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 02a ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Phí, lệ phí (nếu có): Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động đăng ký do cơ quan địa phương thực hiện (STT XII.8 Phần A Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí năm 2015)

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 02a ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- *Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.*

* Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc , ngày tháng năm PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT Kính gửi¹⁵⁶:	PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ Vào Sổ tiếp nhận hồ sơ: <i>Quyển số</i> <i>Số thứ tự</i> Người tiếp nhận <i>(Ký và ghi rõ họ, tên)</i>
---	--

PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI YÊU CẦU ĐĂNG KÝ	
1. Người yêu cầu đăng ký¹⁵⁷ ☐ Bên nhận bảo đảm ☐ Bên bảo đảm ☐ Bên kế thừa bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm ☐ Quản tài viên¹⁵⁸/Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản ☐ Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện¹⁵⁹ Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân¹⁶⁰/tên đầy đủ đối với tổ chức¹⁶¹: <i>(viết chữ IN HOA)</i> Địa chỉ để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết: Họ và tên: Số điện thoại..... Fax <i>(nếu có)</i>: Thư điện tử <i>(nếu có)</i>:	
2. Hợp đồng bảo đảm¹⁶²/Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm/Văn bản chuyển giao quyền đòi nợ, chuyển giao nghĩa vụ/Văn bản khác chứng minh có căn cứ đăng ký thay đổi Tên văn bản: Số: <i>(nếu có)</i>.....; thời điểm có hiệu lực hoặc thời điểm ký¹⁶³: ngày	

¹⁵⁵ Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ. Phiếu yêu cầu đăng ký này cũng được áp dụng đối với trường hợp người nhận chuyển giao hợp pháp tài sản bảo đảm hoặc cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP chỉ yêu cầu rút bớt một, một số tài sản bảo đảm để xóa đăng ký đối với tài sản này.

¹⁵⁶ Ghi đúng tên cơ quan đăng ký có thẩm quyền. Một Phiếu yêu cầu đăng ký chỉ gửi đến một cơ quan đăng ký.

¹⁵⁷ Trường hợp gồm nhiều người thì kê khai từng người theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này. Trường hợp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ liên quan đến tài sản thuộc doanh nghiệp tư nhân thì kê khai người yêu cầu đăng ký theo quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

¹⁵⁸ Kê khai thêm chức danh, số Chứng chỉ hành nghề, cơ quan cấp và ngày, tháng, năm cấp Chứng chỉ.

¹⁵⁹ Trường hợp này, đánh dấu đồng thời ô Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện và ô Bên bảo đảm hoặc ô Bên nhận bảo đảm là pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh hoặc của người được đại diện.

¹⁶⁰ Kê khai theo thông tin thể hiện trên Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân; Hộ chiếu đối với công dân nước ngoài; Thẻ thường trú đối với người không quốc tịch.

¹⁶¹ Kê khai theo thông tin thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế (áp dụng cả trong trường hợp kê khai đối với chi nhánh).

¹⁶² Áp dụng trong trường hợp đăng ký thay đổi theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

¹⁶³ Đối với hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng, văn bản chuyển giao quyền đòi nợ, chuyển giao nghĩa vụ: Kê khai ngày công chứng, chứng thực (áp dụng đối với hợp đồng, văn bản được công chứng, chứng thực); ngày có hiệu lực theo thỏa thuận trong hợp đồng, văn bản (áp dụng đối với hợp đồng, văn bản không được công chứng, chứng thực); ngày ký hợp đồng, văn bản (áp dụng đối với hợp đồng, văn bản không được công chứng, chứng thực).

..... tháng năm	
3. Nội dung yêu cầu đăng ký thay đổi¹⁶⁴	
.....	
4. Thuộc đối tượng không phải nộp phí đăng ký ☐	
5. Giấy tờ kèm theo¹⁶⁵:	
.....	
6. Cách thức nhận kết quả đăng ký	☐ Nhận trực tiếp tại cơ quan đăng ký. ☐ Nhận qua dịch vụ bưu chính (ghi rõ tên và địa chỉ người nhận): ☐ Cách thức điện tử (nếu pháp luật quy định): ☐ Cách thức khác (nếu được cơ quan đăng ký đồng ý):
<i>Người yêu cầu đăng ký chịu trách nhiệm trước pháp luật về trung thực trong kê khai và về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này.</i>	

BÊN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)
*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
 đóng dấu (nếu có)*

BÊN NHẬN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)
*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
 đóng dấu (nếu có)*

NGƯỜI YÊU CẦU
ĐĂNG KÝ KHÁC¹⁶⁶
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)
*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
 đóng dấu (nếu có)*

thực và các bên không có thỏa thuận về ngày có hiệu lực trong hợp đồng, văn bản). Đối với văn bản khác chứng minh căn cứ thay đổi: Kê khai ngày có hiệu lực thể hiện trên văn bản hoặc ngày ký văn bản nếu trong văn bản không thể hiện ngày có hiệu lực.

¹⁶⁴ Trường hợp đăng ký thay đổi để bổ sung nghĩa vụ được bảo đảm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 18 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP thì nội dung được kê khai là bổ sung thông tin về hợp đồng hoặc văn bản có nội dung thỏa thuận về bổ sung nghĩa vụ được bảo đảm thể hiện tại Mục 2 của Phiếu yêu cầu đăng ký này.

¹⁶⁵ Kê khai đầy đủ giấy tờ phải có trong hồ sơ đăng ký theo quy định của Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

¹⁶⁶ Người yêu cầu đăng ký thay đổi theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

PHẦN CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Cơ quan đăng ký có thẩm quyền:
 Chứng nhận việc đã
 được đăng ký theo nội dung kê khai tại Phiếu yêu cầu này tại thời điểm giờ phút, ngày
 tháng năm

....., ngày tháng năm
NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác.
2. Đối với phần kê khai có lựa chọn thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng được lựa chọn.
3. Thông tin được kê khai, nội dung liên quan trong Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này, các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang.
4. Trường hợp đăng ký thay đổi do bổ sung bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm hoặc bổ sung tài sản bảo đảm thì việc kê khai về đối tượng được bổ sung thực hiện theo thông tin tương ứng thể hiện trên Mẫu số 01a thuộc Phụ lục này.

3. Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai (sau đây gọi là Văn phòng đăng ký đất đai).

Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (gọi chung là Bộ phận Một cửa) thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ. Hồ sơ đăng ký trực tuyến có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Bản gốc Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là thành phần hồ sơ đăng ký quy định tại Điều 33 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP hoặc được quy định tại Điều 36 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP được thay thế bằng việc khai thác, sử dụng thông tin tương ứng từ cơ sở dữ liệu đất đai mà không phải nộp trong hồ sơ đăng ký. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận trong cơ sở dữ liệu đất đai theo nguyên tắc quy định tại khoản 5a Điều 5 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2026/NĐ-CP).

Trường hợp không có căn cứ từ chối đăng ký quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP thì Văn phòng đăng ký đất đai cập nhật nội dung đăng ký và thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm) vào Cơ sở dữ liệu hoặc ghi, cập nhật nội dung đăng ký và thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm) đối với tài sản gắn liền với đất quy định tại điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP vào Sổ đăng ký theo đúng thứ tự tiếp nhận hồ sơ; chứng nhận nội dung đăng ký và thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm) vào Phiếu yêu cầu đăng ký.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác để thay thế cho giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký thì cơ quan đăng ký yêu cầu người yêu cầu đăng ký nộp giấy tờ tương ứng thuộc thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP để giải quyết việc đăng ký.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc từ chối.

- Cơ quan đăng ký trả kết quả. Trường hợp nộp hồ sơ thông qua Bộ phận Một cửa thì Bộ phận Một cửa trả kết quả cho người yêu cầu đăng ký.

Trường hợp kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử thì kết quả bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả bằng bản giấy.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
- Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Qua thư điện tử.

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua hệ thống đăng ký trực tuyến, qua thư điện tử (quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 03a tại Phụ lục (01 bản chính) (khoản 1 Điều 33 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Giấy chứng nhận (bản gốc) trong trường hợp tài sản bảo đảm có Giấy chứng nhận (khoản 2 Điều 33 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Bản gốc Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là thành phần hồ sơ đăng ký quy định tại Điều 33 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP hoặc được quy định tại Điều 36 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP được thay thế bằng việc khai thác, sử dụng thông tin tương ứng từ cơ sở dữ liệu đất đai mà không phải nộp trong hồ sơ đăng ký.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác để thay thế cho giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký thì cơ quan đăng ký yêu cầu người yêu cầu đăng ký nộp giấy tờ tương ứng thuộc thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP để giải quyết việc đăng ký.

- Văn bản có nội dung thể hiện việc bên nhận bảo đảm đồng ý xóa đăng ký hoặc xác nhận về việc hợp đồng bảo đảm đã chấm dứt, đã được thanh lý hoặc xác nhận về

việc giải chấp trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là bên bảo đảm (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (điểm a khoản 3 Điều 33 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký không phải là bên nhận bảo đảm và trên Phiếu yêu cầu không có chữ ký, con dấu (nếu có) của bên nhận bảo đảm.

- Hợp đồng hoặc văn bản khác đã có hiệu lực pháp luật chứng minh việc chuyển giao hợp pháp tài sản bảo đảm trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là người nhận chuyển giao hợp pháp tài sản bảo đảm, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 33 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (điểm b khoản 3 Điều 33 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký không phải là bên nhận bảo đảm và trên Phiếu yêu cầu không có chữ ký, con dấu (nếu có) của bên nhận bảo đảm.

- Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá đã có hiệu lực pháp luật hoặc Văn bản xác nhận kết quả thi hành án trong trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký là cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên hoặc người yêu cầu xóa đăng ký là người mua tài sản bảo đảm trong xử lý tài sản theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (điểm c khoản 3 Điều 33 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký không phải là bên nhận bảo đảm và trên Phiếu yêu cầu không có chữ ký, con dấu (nếu có) của bên nhận bảo đảm.

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền có nội dung về việc bên nhận bảo đảm là tổ chức kinh tế không phải là tổ chức tín dụng trở thành doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, là công dân Việt Nam trở thành công dân nước ngoài trong trường hợp xóa đăng ký quy định tại điểm k khoản 1 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (điểm d khoản 3 Điều 33 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký không phải là bên nhận bảo đảm và trên Phiếu yêu cầu không có chữ ký, con dấu (nếu có) của bên nhận bảo đảm.

- Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc giải thể pháp nhân trong trường hợp xóa đăng ký quy định tại điểm l khoản 1 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (điểm đ khoản 3 Điều 33 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) trường hợp người yêu cầu xóa đăng ký không phải là bên nhận bảo đảm và trên Phiếu yêu cầu không có chữ ký, con dấu (nếu có) của bên nhận bảo đảm.

- Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện

quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Người yêu cầu đăng ký chỉ nộp văn bản này một lần cho cơ quan đăng ký, không phải nộp lại văn bản này trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp văn bản này có nội dung giao nhiệm vụ cho chi nhánh theo từng vụ việc.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm số hóa, lưu giữ văn bản này theo quy định của pháp luật để tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

- Trường hợp được miễn nghĩa vụ nộp phí, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) thì người yêu cầu đăng ký có quyền lựa chọn cung cấp một trong giấy tờ, tài liệu sau đây vào trong hồ sơ đăng ký: Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng tín dụng hoặc văn bản khác có thông tin về việc thuộc diện được miễn nghĩa vụ nộp phí đăng ký, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu). Việc nộp giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP chỉ thực hiện một lần trong đăng ký cùng một biện pháp bảo đảm (khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp xóa đăng ký quy định tại điểm m khoản 1 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP theo yêu cầu của người yêu cầu xóa đăng ký thì bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án là tài liệu phải có trong Hồ sơ đăng ký (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (khoản 2 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp xóa đăng ký liên quan đến nhiều biện pháp bảo đảm đã được đăng ký mà có cùng một bên nhận bảo đảm thì người yêu cầu đăng ký nộp 01 bộ hồ sơ xóa đăng ký kèm theo 01 Danh mục văn bản được kê khai theo Mẫu số 01đ hoặc Mẫu số 02đ tại Phụ lục tương ứng với biện pháp bảo đảm được xóa đăng ký (khoản 5 Điều 20 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Thời hạn giải quyết:

- *Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký* trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, *đặc khu, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (gọi chung là Bộ phận một cửa)* thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.

- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

+ Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

+ Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phiếu yêu cầu xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 03a ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Phí, lệ phí (nếu có): Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động đăng ký do cơ quan địa phương thực hiện (STT XII.8 Phần A Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí năm 2015)

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 03a ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- *Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.*

* Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc , ngày tháng năm PHIẾU YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT Kính gửi¹⁶⁸:	PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ Vào Sổ tiếp nhận hồ sơ: <i>Quyển số</i> <i>Số thứ tự</i> Người tiếp nhận <i>(Ký và ghi rõ họ, tên)</i>
--	--

PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ	
1. Người yêu cầu xóa đăng ký¹⁶⁹ ☐ Bên nhận bảo đảm ☐ Bên bảo đảm ☐ Người nhận chuyển giao tài sản bảo đảm ☐ Quản tài viên¹⁷⁰/Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản ☐ Cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên¹⁷¹ ☐ Cơ quan khác có thẩm quyền/ Người khác có thẩm quyền¹⁷² ☐ Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện¹⁷³ Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân¹⁷⁴/tên đầy đủ đối với tổ chức¹⁷⁵: <i>(viết chữ IN HOA)</i> Địa chỉ để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết: Họ và tên: Số điện thoại: Fax <i>(nếu có)</i>: Thư điện tử <i>(nếu có)</i>:	
2. Căn cứ xóa đăng ký 	

¹⁶⁷ Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ.

¹⁶⁸ Ghi đúng tên cơ quan đăng ký có thẩm quyền. Một Phiếu yêu cầu đăng ký chỉ gửi đến một cơ quan đăng ký.

¹⁶⁹ Trường hợp gồm nhiều người thì kê khai từng người theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này. Trường hợp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ liên quan đến tài sản thuộc doanh nghiệp tư nhân thì kê khai người yêu cầu đăng ký theo quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

¹⁷⁰ Kê khai thêm chức danh, số Chứng chỉ hành nghề, cơ quan cấp và ngày, tháng, năm cấp Chứng chỉ.

¹⁷¹ Kê khai thêm chức danh, tên đơn vị công tác.

¹⁷² (Xem chú thích 5).

¹⁷³ Trường hợp này, đánh dấu đồng thời ô Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện và ô Bên bảo đảm hoặc ô Bên nhận bảo đảm là pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh hoặc của người được đại diện.

¹⁷⁴ Kê khai theo thông tin thể hiện trên Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân; Hộ chiếu đối với công dân nước ngoài; Thẻ thường trú đối với người không quốc tịch.

¹⁷⁵ Kê khai theo thông tin thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế (áp dụng cả trường hợp kê khai đối với chi nhánh).

3. Thuộc đối tượng không phải nộp phí đăng ký ☐	
4. Giấy tờ kèm theo ¹⁷⁶ :	
5. Cách thức nhận kết quả đăng ký	☐ Nhận trực tiếp tại cơ quan đăng ký ☐ Nhận qua dịch vụ bưu chính (ghi rõ tên và địa chỉ người nhận): ☐ Cách thức điện tử (nếu pháp luật quy định): ☐ Cách thức khác (nếu được cơ quan đăng ký đồng ý):
Người yêu cầu đăng ký chịu trách nhiệm trước pháp luật về trung thực trong kê khai và về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này.	

BÊN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)
 Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
 đóng dấu (nếu có)

BÊN NHẬN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)
 Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
 đóng dấu (nếu có)

NGƯỜI YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ KHÁC¹⁷⁷
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)
 Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
 đóng dấu (nếu có)

PHẦN CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
Cơ quan đăng ký có thẩm quyền: Chứng nhận đã xóa đăng ký biện pháp bảo đảm theo nội dung được kê khai tại Phiếu yêu cầu này tại thời điểm giờ phút, ngày tháng năm, ngày tháng năm NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ (Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh, đóng dấu)

¹⁷⁶ Kê khai đầy đủ giấy tờ phải có trong hồ sơ đăng ký theo quy định của Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

¹⁷⁷ Người yêu cầu xóa đăng ký theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác.
2. Đối với phần kê khai có lựa chọn thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng được lựa chọn.
3. Thông tin được kê khai, nội dung liên quan trong Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này, các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang.

4. Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai (sau đây gọi là Văn phòng đăng ký đất đai).

Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (gọi chung là Bộ phận Một cửa) thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ. Hồ sơ đăng ký trực tuyến có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận trong cơ sở dữ liệu đất đai theo nguyên tắc quy định tại khoản 5a Điều 5 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2026/NĐ-CP).

Trường hợp không có căn cứ từ chối đăng ký quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP thì Văn phòng đăng ký đất đai cập nhật nội dung đăng ký và thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm) vào Cơ sở dữ liệu hoặc ghi, cập nhật nội dung đăng ký và thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm) đối với tài sản gắn liền với đất quy định tại điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP vào Sổ đăng ký theo đúng thứ tự tiếp nhận hồ sơ; chứng nhận nội dung đăng ký và thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm) vào Phiếu yêu cầu đăng ký.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác để thay thế cho giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký thì cơ quan đăng ký yêu cầu người yêu cầu đăng ký nộp giấy tờ tương ứng thuộc thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP để giải quyết việc đăng ký.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc từ chối.

- Cơ quan đăng ký trả kết quả. Trường hợp nộp hồ sơ thông qua Bộ phận Một cửa thì Bộ phận Một cửa trả kết quả cho người yêu cầu đăng ký.

Trường hợp kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử thì kết quả bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả bằng bản giấy.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
- Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Qua thư điện tử.

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua hệ thống đăng ký trực tuyến, qua thư điện tử (quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 04a tại Phụ lục (01 bản chính) (Điều 34 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Trường hợp đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm thì hồ sơ đăng ký là Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 04a tại Phụ lục (01 bản chính).

- Văn bản thông báo xử lý tài sản bảo đảm (01 bản chính) (Điều 34 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Người yêu cầu đăng ký chỉ nộp văn bản này một lần cho cơ quan đăng ký, không phải nộp lại văn bản này trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp văn bản này có nội dung giao nhiệm vụ cho chi nhánh theo từng vụ việc.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm số hóa, lưu giữ văn bản này theo quy định của pháp luật để tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

- Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Thời hạn giải quyết:

- *Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).*

- Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, *đặc khu, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (gọi chung là Bộ phận một cửa)* thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.

- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

+ Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

+ Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phiếu yêu cầu đăng ký, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 04a ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Phí, lệ phí (nếu có): Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động đăng ký do cơ quan địa phương thực hiện (STT XII.8 Phần A Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí năm 2015)

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu đăng ký, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Mẫu số 04a ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- *Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.*

* Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc , ngày tháng năm PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ, ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI, XÓA ĐĂNG KÝ THÔNG BÁO XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM LÀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT Kính gửi¹⁷⁹:	PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ Vào Sổ tiếp nhận hồ sơ: <i>Quyển số</i> <i>Số thứ tự</i> Người tiếp nhận <i>(Ký và ghi rõ họ, tên)</i>
--	--

PHẦN KÊ KHAI CỦA BÊN NHẬN BẢO ĐẢM	
1. Người yêu cầu đăng ký ☐ Bên nhận bảo đảm ☐ Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện¹⁸⁰ Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân¹⁸¹/tên đầy đủ đối với tổ chức¹⁸²: <i>(viết chữ IN HOA)</i> Địa chỉ để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết: Họ và tên: Số điện thoại:Fax <i>(nếu có)</i>:Thư điện tử <i>(nếu có)</i>:	
2. Hợp đồng bảo đảm:.....; số <i>(nếu có)</i> Thời điểm có hiệu lực¹⁸³: ngày tháng năm	
3. Bên bảo đảm¹⁸⁴ 3.1. Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân¹⁸⁵/tên đầy đủ đối với tổ chức¹⁸⁶: <i>(viết chữ IN HOA)</i> 3.2. Địa chỉ: 	

¹⁷⁸ Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ.

¹⁷⁹ Ghi đúng tên cơ quan đăng ký có thẩm quyền. Một Phiếu yêu cầu đăng ký chỉ gửi đến một cơ quan đăng ký.

¹⁸⁰ Trường hợp này, đánh dấu đồng thời ô Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện và ô Bên nhận bảo đảm.

¹⁸¹ Kê khai theo thông tin thể hiện trên Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân; Hộ chiếu đối với công dân nước ngoài; Thẻ thường trú đối với người không quốc tịch.

¹⁸² Kê khai theo thông tin thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế (áp dụng cả trong trường hợp kê khai đối với chi nhánh).

¹⁸³ Kê khai ngày công chứng, chứng thực (áp dụng đối với hợp đồng được công chứng, chứng thực); ngày có hiệu lực theo thỏa thuận trong hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng không được công chứng, chứng thực); ngày ký hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng không được công chứng, chứng thực và các bên không có thỏa thuận về ngày có hiệu lực trong hợp đồng).

¹⁸⁴ Trường hợp gồm nhiều người thì kê khai từng người theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này.

¹⁸⁵ (Xem chú thích 4).

¹⁸⁶ (Xem chú thích 5)

3.3. Giấy tờ xác định tư cách pháp lý¹⁸⁷

- ☐ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Chứng minh quân đội
☐ Hộ chiếu ☐ Thẻ thường trú
☐ Mã số thuế

Số:

Cơ quan cấp:, ngày tháng năm.....

3.4. Số điện thoại (nếu có):..... Fax (nếu có):..... Thư điện tử (nếu có):.....

4. Bên nhận bảo đảm¹⁸⁸

4.1. Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân¹⁸⁹/tên đầy đủ đối với tổ chức¹⁹⁰: (viết chữ IN HOA)

.....

4.2. Địa chỉ:

.....

4.3. Giấy tờ xác định tư cách pháp lý¹⁹¹

- ☐ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Chứng minh quân đội
☐ Mã số thuế

Số:

Cơ quan cấp: , ngày tháng năm

4.4. Số điện thoại (nếu có):Fax (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

5. Tài sản bảo đảm bị xử lý¹⁹²

.....

.....

6. Lý do xử lý, thời gian và địa điểm xử lý tài sản bảo đảm

6.1. Lý do xử lý:

6.2. Thời gian xử lý:

.....

6.3. Địa điểm xử lý:

.....

¹⁸⁷ Khai thông tin về một trong các loại giấy tờ: Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân; Hộ chiếu đối với công dân nước ngoài; Thẻ thường trú đối với người không quốc tịch; Mã số thuế đối với tổ chức.

¹⁸⁸ (Xem chú thích 7).

¹⁸⁹ Khai theo thông tin thể hiện trên Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; thể hiện trên Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân.

¹⁹⁰ (Xem chú thích 5).

¹⁹¹ Khai thông tin về một trong các loại giấy tờ: Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam; Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân; Mã số thuế đối với tổ chức.

¹⁹² Khai thông tin về tài sản bảo đảm bị xử lý thuộc trường hợp đăng ký quy định tại Điều 25 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP phù hợp với tài sản bảo đảm được kê khai tại Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 01a và Mẫu số 02a (nếu có đăng ký thay đổi) tại Phụ lục này.

7. Đăng ký thay đổi thông báo xử lý tài sản bảo đảm ☐

Nội dung yêu cầu đăng ký thay đổi

8. Xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm ☐**9. Giấy tờ kèm theo**¹⁹³:**10. Cách thức nhận kết quả đăng ký**

- ☐ Nhận trực tiếp tại cơ quan đăng ký
- ☐ Nhận qua dịch vụ bưu chính (*ghi rõ tên và địa chỉ người nhận*):
- ☐ Cách thức điện tử (*nếu pháp luật quy định*):
- ☐ Cách thức khác (*nếu được cơ quan đăng ký đồng ý*):

Người yêu cầu đăng ký chịu trách nhiệm trước pháp luật về trung thực trong kê khai và về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này.

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)**

*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
đóng dấu (nếu có)*

PHẦN CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Cơ quan đăng ký có thẩm quyền:

Chứng nhận¹⁹⁴ đã
được đăng ký theo nội dung kê khai tại Phiếu yêu cầu này tại thời điểm giờ phút, ngày
tháng năm

....., ngày tháng năm

**NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ**

(Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh, đóng dấu)

¹⁹³ Kê khai đầy đủ giấy tờ phải có trong hồ sơ đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

¹⁹⁴ Cơ quan đăng ký chứng nhận việc đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm hoặc đăng ký thay đổi thông báo xử lý tài sản bảo đảm hoặc xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm tương ứng với yêu cầu đăng ký.

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác.
2. Đối với phần kê khai có lựa chọn thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng được lựa chọn.
3. Gạch chéo đối với mục không có thông tin kê khai trên Phiếu yêu cầu đăng ký.
4. Thông tin được kê khai, nội dung liên quan trong Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này, các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang.

5. Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất

Trình tự thực hiện:

- Nộp hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai (sau đây gọi là Văn phòng đăng ký đất đai).

Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (gọi chung là Bộ phận Một cửa) thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ. Hồ sơ đăng ký trực tuyến có giá trị pháp lý như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

- Bản gốc Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là thành phần hồ sơ đăng ký quy định tại Điều 26 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP hoặc được quy định tại Điều 36 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP được thay thế bằng việc khai thác, sử dụng thông tin tương ứng từ cơ sở dữ liệu đất đai mà không phải nộp trong hồ sơ đăng ký. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm khai thác, sử dụng thông tin về Giấy chứng nhận trong cơ sở dữ liệu đất đai theo nguyên tắc quy định tại khoản 5a Điều 5 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2026/NĐ-CP).

Trường hợp không có căn cứ từ chối đăng ký quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP thì Văn phòng đăng ký đất đai cập nhật nội dung đăng ký và thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm) vào Cơ sở dữ liệu hoặc ghi, cập nhật nội dung đăng ký và thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm) đối với tài sản gắn liền với đất quy định tại điểm b khoản 2 Điều 25 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP vào Sổ đăng ký theo đúng thứ tự tiếp nhận hồ sơ; chứng nhận nội dung đăng ký và thời điểm đăng ký (giờ, phút, ngày, tháng, năm) vào Phiếu yêu cầu đăng ký.

Trường hợp chuyển tiếp đăng ký quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP thì Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện theo quy định của khoản 5 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi điểm d khoản 9 Điều 11 Nghị định số 18/2026/NĐ-CP.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác để thay thế cho giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký thì cơ

quan đăng ký yêu cầu người yêu cầu đăng ký nộp giấy tờ tương ứng thuộc thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP để giải quyết việc đăng ký.

Trường hợp có căn cứ từ chối đăng ký thì cơ quan đăng ký thực hiện việc từ chối.

- Cơ quan đăng ký trả kết quả. Trường hợp nộp hồ sơ thông qua Bộ phận Một cửa thì Bộ phận Một cửa trả kết quả cho người yêu cầu đăng ký.

Trường hợp kết quả đăng ký được trả bằng bản điện tử thì kết quả bằng bản điện tử có giá trị pháp lý như kết quả bằng bản giấy.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Cách thức thực hiện:

- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;
- Nộp bản giấy trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Qua thư điện tử.

Cách thức nộp hồ sơ đăng ký qua hệ thống đăng ký trực tuyến, qua thư điện tử (quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Phiếu yêu cầu theo Mẫu số 05a tại Phụ lục (01 bản chính) (*khoản 3 Điều 26 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Văn bản chứng nhận đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở (01 bản chính) (*khoản 3 Điều 26 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) (*khoản 3 Điều 26 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Hợp đồng thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) đối với chuyển tiếp sang thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai, trừ trường hợp hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở đã có nội dung về chuyển tiếp sang thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai.

Hợp đồng thế chấp nhà ở (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực) đối với chuyển tiếp sang thế chấp nhà ở đã được cấp Giấy chứng nhận, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (*khoản 3 Điều 26 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Giấy chứng nhận (bản gốc) trong trường hợp chuyển tiếp sang đăng ký thế chấp nhà ở đã được cấp Giấy chứng nhận (*khoản 3 Điều 26 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

Bản gốc Giấy chứng nhận đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là thành phần hồ sơ đăng ký quy định tại Điều 26 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP hoặc được quy định tại Điều 36 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP được thay thế bằng việc khai thác, sử dụng thông tin tương ứng từ cơ sở dữ liệu đất đai mà không phải nộp trong hồ sơ đăng ký.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác để thay thế cho giấy tờ là thành phần hồ sơ đăng ký thì cơ quan đăng ký yêu cầu người yêu cầu đăng ký nộp giấy tờ tương ứng thuộc thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP để giải quyết việc đăng ký.

- Trường hợp thực hiện thông qua người đại diện thì văn bản có nội dung về đại diện là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu), trừ trường hợp thực hiện việc đăng ký qua tài khoản đăng ký trực tuyến của người đại diện quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP (khoản 7 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp chi nhánh của pháp nhân, chi nhánh hoặc phòng giao dịch của pháp nhân là tổ chức tín dụng (sau đây gọi là chi nhánh của pháp nhân) được pháp nhân giao nhiệm vụ thực hiện chức năng của pháp nhân về yêu cầu đăng ký, về yêu cầu cung cấp thông tin thì văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng của pháp nhân trong yêu cầu đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin là tài liệu phải có trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ cung cấp thông tin (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu) (khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Người yêu cầu đăng ký chỉ nộp văn bản này một lần cho cơ quan đăng ký, không phải nộp lại văn bản này trong hồ sơ đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp văn bản này có nội dung giao nhiệm vụ cho chi nhánh theo từng vụ việc.

Cơ quan đăng ký có trách nhiệm số hóa, lưu giữ văn bản này theo quy định của pháp luật để tái sử dụng thông tin, dữ liệu trong giải quyết các hồ sơ yêu cầu đăng ký, hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin tiếp theo, trừ trường hợp có văn bản khác thay đổi nội dung hoặc thay thế văn bản đã được số hóa, lưu giữ.

- Trường hợp được miễn nghĩa vụ nộp phí, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP) thì người yêu cầu đăng ký có quyền lựa chọn cung cấp một trong giấy tờ, tài liệu sau đây vào trong hồ sơ đăng ký: Hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng tín dụng hoặc văn bản khác có thông tin về việc thuộc diện được miễn nghĩa vụ nộp phí đăng ký, thanh toán giá dịch vụ, nghĩa vụ thanh toán khác (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu). Việc nộp giấy tờ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP chỉ thực hiện một lần trong đăng ký cùng một biện pháp bảo đảm (khoản 3 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

- Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm gồm nhiều người thì phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của các chủ thể này, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nội dung về việc một, một số bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm có quyền đại diện cho những người còn lại (khoản 4 Điều 12 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP).

Thời hạn giải quyết:

- *Cơ quan đăng ký có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đăng ký* trong ngày làm việc nhận được hồ sơ hợp lệ; nếu thời điểm nhận hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể hoàn thành việc đăng ký trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cơ quan đăng ký có lý do chính đáng phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ đăng ký thì thời hạn giải quyết hồ sơ không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (*khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP*).

- Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, *đặc khu, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (gọi chung là Bộ phận một cửa)* thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.

- Thời gian không tính vào thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP bao gồm:

+ Thời gian xảy ra sự kiện thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, sự cố hệ thống đăng ký trực tuyến, hỏng mạng lưới điện, mạng internet hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng khác theo văn bản hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền dẫn đến cơ quan đăng

ký không thể thực hiện được việc đăng ký theo thủ tục và thời hạn quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

+ Thời gian cơ quan đăng ký thực hiện thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi nhánh của Văn phòng đăng ký đất đai

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phiếu yêu cầu chuyển tiếp đăng ký thế chấp (Mẫu số 05a ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Phí, lệ phí (nếu có): Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động đăng ký do cơ quan địa phương thực hiện (STT XII.8 Phần A Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí năm 2015)

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phiếu yêu cầu chuyển tiếp đăng ký thế chấp (Mẫu số 05a ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP)

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

- *Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp.*

* Ghi chú: Nội dung in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc , ngày tháng năm PHIẾU YÊU CẦU CHUYỂN TIẾP ĐĂNG KÝ THẺ CHẤP Kính gửi¹⁹⁶:	PHẦN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ Vào Sổ tiếp nhận hồ sơ: <i>Quyển số</i> <i>Số thứ tự</i> Người tiếp nhận <i>(Ký và ghi rõ họ, tên)</i>
---	---

PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI YÊU CẦU ĐĂNG KÝ	
1. Người yêu cầu đăng ký¹⁹⁷ ☐ Bên nhận bảo đảm ☐ Bên bảo đảm ☐ Quản tài viên¹⁹⁸/Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản ☐ Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện¹⁹⁹ Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân²⁰⁰/tên đầy đủ đối với tổ chức²⁰¹: <i>(viết chữ IN HOA)</i> Địa chỉ để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết: Họ và tên: Số điện thoại: Fax <i>(nếu có)</i>: Thư điện tử <i>(nếu có)</i>:	
2. Hợp đồng thế chấp nhà ở/tài sản khác gắn liền với đất²⁰² <i>(nếu có)</i>: Số <i>(nếu có)</i>:; thời điểm có hiệu lực²⁰³: ngày tháng năm	
3. Bên thế chấp²⁰⁴ 3.1. Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân/tên đầy đủ đối với tổ chức: <i>(viết chữ IN HOA)</i> 	

¹⁹⁵ Ban hành kèm theo Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ.

¹⁹⁶ Ghi tên cơ quan đăng ký có thẩm quyền. Một Phiếu yêu cầu đăng ký chỉ gửi đến một cơ quan đăng ký.

¹⁹⁷ Trường hợp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ liên quan đến tài sản thuộc doanh nghiệp tư nhân thì kê khai người yêu cầu đăng ký theo quy định tại khoản 9 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

¹⁹⁸ Kê khai thêm chức danh, số Chứng chỉ hành nghề, cơ quan cấp và ngày, tháng, năm cấp Chứng chỉ.

¹⁹⁹ Trường hợp này, đánh dấu đồng thời ô Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện và ô Bên bảo đảm hoặc ô Bên nhận bảo đảm là pháp nhân thực hiện đăng ký thông qua chi nhánh hoặc của người được đại diện.

²⁰⁰ Kê khai theo thông tin thể hiện trên Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân đối với công dân Việt Nam, Chứng minh quân đội đối với người đang công tác trong quân đội và không có Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân; Hộ chiếu đối với công dân nước ngoài; Thẻ thường trú đối với người không quốc tịch.

²⁰¹ Kê khai theo thông tin thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế (áp dụng cả trong trường hợp kê khai đối với chi nhánh).

²⁰² Chỉ kê khai trong trường hợp hồ sơ chuyển tiếp đăng ký thế chấp có hợp đồng này.

²⁰³ Kê khai ngày công chứng, chứng thực (áp dụng đối với hợp đồng được công chứng, chứng thực); ngày có hiệu lực theo thỏa thuận trong hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng không được công chứng, chứng thực); ngày ký hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng không được công chứng, chứng thực và các bên không có thỏa thuận về ngày có hiệu lực trong hợp đồng).

²⁰⁴ Trường hợp gồm nhiều người thì kê khai từng người theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này. Kê khai thông tin về tên hoặc họ, tên, thông tin về giấy tờ xác định tư cách pháp lý phù hợp với thông tin thể hiện tại Văn bản chứng nhận đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở, từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất.

3.2. Địa chỉ:

.....

3.3. Giấy tờ xác định tư cách pháp lý

☐ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Chứng minh quân đội

☐ Hộ chiếu

☐ Thẻ thường trú

☐ Mã số thuế

Số:

Cơ quan cấp:, ngày tháng năm

3.4. Số điện thoại (nếu có): Fax (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

4. Bên nhận thế chấp²⁰⁵

4.1. Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân/tên đầy đủ của tổ chức: (viết chữ IN HOA)

.....

4.2. Địa chỉ:

.....

4.3. Giấy tờ xác định tư cách pháp lý

☐ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Chứng minh quân đội

☐ Mã số thuế

Số:

Cơ quan cấp:, ngày tháng năm

4.4. Số điện thoại (nếu có): Fax (nếu có): Thư điện tử (nếu có):

5. Thông tin về biện pháp thế chấp đã được đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản²⁰⁶

5.1. Thế chấp quyền mua tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở

(i) Hợp đồng mua bán nhà ở/Văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở:

Số (nếu có):; thời điểm có hiệu lực²⁰⁷: ngày tháng năm

(ii) Các bên tham gia giao kết hợp đồng mua bán nhà ở/chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở:

.....

.....

.....

(iii) Thông tin về nhà ở theo hợp đồng mua bán mà bên thế chấp xác lập quyền mua²⁰⁸:

.....

.....

5.2. Thế chấp quyền mua tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất

²⁰⁵ (Xem chú thích 10).

²⁰⁶ Trường hợp trong cùng một mục thông tin về biện pháp thế chấp đã được đăng ký có nhiều biện pháp thế chấp thì thông tin về từng biện pháp thế chấp kê khai theo thông tin thể hiện trên Phiếu yêu cầu đăng ký này. Thông tin kê khai phù hợp với thông tin thể hiện tại Văn bản chứng nhận đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở, từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất.

²⁰⁷ Kê khai ngày công chứng, chứng thực (áp dụng đối với hợp đồng, văn bản được công chứng, chứng thực); ngày có hiệu lực theo thỏa thuận trong hợp đồng, văn bản chuyển nhượng hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng, văn bản không được công chứng, chứng thực); ngày ký hợp đồng, văn bản chuyển nhượng hợp đồng (áp dụng đối với hợp đồng, văn bản không được công chứng, chứng thực và các bên không có thỏa thuận về ngày có hiệu lực trong hợp đồng, văn bản).

²⁰⁸ Chỉ kê khai thông tin về nhà ở trong hợp đồng mua bán mà bên thế chấp xác lập quyền mua phù hợp với yêu cầu chuyển tiếp mà người yêu cầu đăng ký lựa chọn tại Mục 7 và phù hợp với nhà ở được chuyển tiếp đăng ký thế chấp.

(i) Hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất/Văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất:

Số (nếu có):; thời điểm có hiệu lực²⁰⁹: ngày tháng năm

(ii) Các bên tham gia giao kết hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất/chuyển nhượng hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất:

.....

(iii) Thông tin về tài sản khác gắn liền với đất theo hợp đồng mua bán mà bên thế chấp xác lập quyền mua²¹⁰:

.....

6. Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở, từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất²¹¹:

.....

Số (nếu có):; thời điểm có hiệu lực²¹²: ngày tháng năm

Đã đăng ký thế chấp tại thời điểm giờ phút; ngày tháng năm

7. Yêu cầu chuyển tiếp đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai đối với²¹³:

☐ Nhà ở hình thành trong tương lai.

☐ Nhà ở đã được cấp Giấy chứng nhận.

☐ Tài sản khác gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

☐ Tài sản khác gắn liền với đất không thuộc trường hợp đăng ký tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc thuộc trường hợp đăng ký tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai mà không phải là nhà ở nhưng chưa được đăng ký quyền sở hữu theo yêu cầu.

☐ Tài sản khác gắn liền với đất đã được cấp Giấy chứng nhận.

8. Giấy tờ kèm theo²¹⁴:

9. Cách thức nhận kết quả đăng ký

☐ Nhận trực tiếp tại cơ quan đăng ký

☐ Nhận qua dịch vụ bưu chính (ghi rõ tên và địa chỉ người nhận):

☐ Cách thức điện tử (nếu pháp luật quy định):

☐ Cách thức khác (nếu được cơ quan đăng ký đồng ý):

Người yêu cầu đăng ký chịu trách nhiệm trước pháp luật về trung thực trong kê khai và về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này.

BÊN THẾ CHẤP

BÊN NHẬN THẾ CHẤP

²⁰⁹ (Xem chú thích 13).

²¹⁰ Chỉ kê khai thông tin về tài sản gắn liền với đất trong hợp đồng mua bán mà bên thế chấp xác lập quyền mua phù hợp với yêu cầu chuyển tiếp mà người yêu cầu đăng ký lựa chọn tại Mục 7 và phù hợp với tài sản khác gắn liền với đất được chuyển tiếp đăng ký thế chấp.

²¹¹ Kê khai thông tin phù hợp với thông tin thể hiện tại Văn bản chứng nhận đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở, từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất.

²¹² (Xem chú thích 9).

²¹³ Có thể lựa chọn một, một số hoặc tất cả các trường hợp phù hợp với phạm vi tài sản có yêu cầu chuyển tiếp đăng ký.

²¹⁴ Kê khai đầy đủ giấy tờ phải có trong hồ sơ đăng ký theo quy định của Nghị định số 99/2022/NĐ-CP.

(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)*Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
đóng dấu (nếu có)***(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)***Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
đóng dấu (nếu có)***QUẢN TÀI VIÊN, DOANH NGHIỆP****QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN****(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)***Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng dấu (nếu có)***PHẦN CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ**

Cơ quan đăng ký có thẩm quyền:

Chứng nhận chuyển tiếp đăng ký thể chấp

theo nội dung kê khai tại Phiếu yêu cầu này tại thời điểm: giờ phút, ngày tháng năm

....., ngày tháng năm

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN**CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ***(Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh, đóng dấu)*

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Nội dung kê khai phải trung thực, đầy đủ, chính xác.
 2. Đối với phần kê khai có lựa chọn thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng được lựa chọn.
 3. Gạch chéo đối với mục không có thông tin kê khai trên Phiếu yêu cầu.
 4. Thông tin được kê khai, nội dung liên quan trong Phiếu yêu cầu có thể được thể hiện trên nhiều trang. Trường hợp này, các trang phải được đánh số thứ tự và người yêu cầu đăng ký phải ký nháy vào từng trang.
 5. Đối với nội dung tại điểm 5.1 (iii) thể hiện trên Phiếu yêu cầu, kê khai:
 - Nhà ở riêng lẻ: Loại nhà (nhà biệt thự/nhà liền kề/nhà ở riêng lẻ khác), địa chỉ nhà;
 - Tòa nhà chung cư: Tên của tòa nhà, tổng số căn hộ, địa chỉ tòa nhà;
 - Căn hộ chung cư: Số của căn hộ, tầng số của căn hộ, địa chỉ tòa nhà chung cư có căn hộ;
- Đối với nội dung tại điểm 5.2 (iii), thể hiện trên Phiếu yêu cầu, kê khai:
- Công trình xây dựng không phải là nhà ở: Loại công trình, tên hạng mục công trình, địa chỉ công trình;
 - Rừng sản xuất là rừng trồng, cây lâu năm: Loại cây rừng, loại cây lâu năm, địa chỉ nơi có cây rừng, cây lâu năm;
 - Công trình xây dựng là khách sạn, căn hộ - khách sạn, văn phòng lưu trú, biệt thự du lịch nghỉ dưỡng, căn hộ du lịch nghỉ dưỡng, nhà nghỉ du lịch và công trình khác (công trình phục vụ mục đích lưu trú, du lịch) trên đất thương mại, dịch vụ: Kê khai trong trường hợp pháp luật về đất đai, pháp luật khác liên quan có quy định và tại mục tương ứng trong kê khai nhà ở, tòa nhà chung cư, căn hộ chung cư, công trình xây dựng khác.